

48. Thủ tục Thực hiện chế độ trợ cấp 1 lần đối với Cán bộ dân chính đảng ở miền Nam thoát ly hoạt động cách mạng tại các chiến trường B, C, K trong khoảng thời gian từ tháng 7/1954 đến 30/4/1975 do các tổ chức Đảng, chính quyền cách mạng từ cấp huyện (quận) trở lên quản lý, không có thân nhân chủ yếu (vợ hoặc chồng; bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi; con đẻ, con nuôi hợp pháp) phải trực tiếp nuôi dưỡng ở miền Bắc để nhận trợ cấp B, C, K đã về gia đình (không phải đang công tác) - mã số hồ sơ: 037133

48.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi, bổ sung thời gian giải quyết hồ sơ.

Lý do:

Thủ tục không quy định thời gian giải quyết hồ sơ.

48.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bổ sung quy định thời gian giải quyết hồ sơ là 30 ngày làm việc vào điểm 3, Mục III của Thông tư liên tịch số 21/2008/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 26/02/2008 của Liên Bộ Quốc phòng - Lao động - Thương binh và Xã hội - Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 07/12/2005 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 về chế độ, chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của đảng và nhà nước.

49. Thủ tục Thực hiện chế độ trợ cấp 1 lần đối với Hạ sỹ quan, chiến sỹ quân đội nhân dân, công an nhân dân tham gia chiến đấu, hoạt động ở các chiến trường B, C, K sau đó trở thành người hưởng lương từ ngày 30/4/1975 trở về trước, không có thân nhân chủ yếu (vợ hoặc chồng; bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi; con đẻ, con nuôi hợp pháp) phải trực tiếp nuôi dưỡng ở miền Bắc để nhận trợ cấp B, C, K đã về gia đình (không phải đang công tác) - mã số hồ sơ: 037134

49.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi, bổ sung thời gian giải quyết hồ sơ.

Lý do:

Thủ tục không quy định thời gian giải quyết hồ sơ.

49.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bổ sung quy định thời gian giải quyết hồ sơ là 30 ngày làm việc vào điểm 3, Mục III của Thông tư liên tịch số 21/2008/TTLT-BQP-BLĐT BXH-BTC ngày 26/02/2008 của Liên Bộ Quốc phòng - Lao động - Thương binh và Xã hội - Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐT BXH-BTC ngày 07/12/2005 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 về chế độ, chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của đảng và nhà nước.

50. Thủ tục Thực hiện chế độ trợ cấp 1 lần đối với Thanh niên xung phong hưởng lương từ ngân sách Nhà nước được cử vào chiến trường B, C, K, hoặc khi đi chiến trường hưởng sinh hoạt phí sau đó trở thành người hưởng lương trong chiến trường từ ngày 30/4/1975 trở về trước, không có thân nhân chủ yếu (vợ hoặc chồng; bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi; con đẻ, con nuôi hợp pháp) phải trực tiếp nuôi dưỡng ở miền Bắc để nhận trợ cấp B, C, K đã về gia đình (không phải đang đang công tác)– mã số hồ sơ: 037640

50.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi, bổ sung thời gian giải quyết hồ sơ.

Lý do:

Thủ tục không quy định thời gian giải quyết hồ sơ.

50.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bổ sung quy định thời gian giải quyết hồ sơ là 30 ngày làm việc vào điểm 3, Mục III của Thông tư liên tịch số 21/2008/TTLT-BQP-BLĐT BXH-BTC ngày 26/02/2008 của Liên Bộ Quốc phòng - Lao động - Thương binh và Xã hội - Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐT BXH-BTC ngày 07/12/2005 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính

hướng dẫn thực hiện Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 về chế độ, chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của đảng và nhà nước.

51. Thủ tục Thực hiện chế độ trợ cấp 1 lần đối với Cán bộ dân chính đảng ở miền Nam thoát ly hoạt động cách mạng tại các chiến trường B, C, K trong khoảng thời gian từ tháng 7/1954 đến 30/4/1975 do các tổ chức Đảng, chính quyền cách mạng từ cấp huyện (quận) trở lên quản lý, không có thân nhân chủ yếu (vợ hoặc chồng; bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi; con đẻ, con nuôi hợp pháp) phải trực tiếp nuôi dưỡng ở miền Bắc để nhận trợ cấp B, C, K đang công tác - mã số hồ sơ: 037687

51.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi, bổ sung thời gian giải quyết hồ sơ.

Lý do:

Thủ tục không quy định thời gian giải quyết hồ sơ.

51.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bổ sung quy định thời gian giải quyết hồ sơ là 30 ngày làm việc vào điểm 3, Mục III của Thông tư liên tịch số 21/2008/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 26/02/2008 của Liên Bộ Quốc phòng - Lao động - Thương binh và Xã hội - Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 07/12/2005 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 về chế độ, chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của đảng và nhà nước.

52. Thủ tục Thực hiện chế độ trợ cấp 1 lần đối với Hạ sỹ quan, chiến sỹ quân đội nhân dân, công an nhân dân tham gia chiến đấu, hoạt động ở các chiến trường B, C, K sau đó trở thành người hưởng lương từ ngày 30/4/1975 trở về trước, không có thân nhân chủ yếu (vợ hoặc chồng; bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi; con đẻ, con nuôi hợp pháp) phải trực tiếp nuôi dưỡng ở miền Bắc để nhận trợ cấp B, C, K đang công tác - mã số hồ sơ: 037726

52.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi, bổ sung thời gian giải quyết hồ sơ.

Lý do:

Thủ tục không quy định thời gian giải quyết hồ sơ.

52.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi, bổ sung)

Bổ sung quy định thời gian giải quyết hồ sơ là 30 ngày làm việc vào điểm 3, Mục III của Thông tư liên tịch số 21/2008/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 26/02/2008 của Liên Bộ Quốc phòng - Lao động - Thương binh và Xã hội - Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 07/12/2005 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 về chế độ, chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của đảng và nhà nước.

53. Thủ tục Thực hiện chế độ trợ cấp 1 lần đối với Thanh niên xung phong hưởng lương từ ngân sách Nhà nước được cử vào chiến trường B, C, K, hoặc khi đi chiến trường hưởng sinh hoạt phí sau đó trở thành người hưởng lương trong chiến trường từ ngày 30/4/1975 trở về trước, không có thân nhân chủ yếu (vợ hoặc chồng; bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi; con đẻ, con nuôi hợp pháp) phải trực tiếp nuôi dưỡng ở miền Bắc để nhận trợ cấp B, C, K đang công tác- mã số hồ sơ: 037995

53.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi, bổ sung thời gian giải quyết hồ sơ.

Lý do:

Thủ tục không quy định thời gian giải quyết hồ sơ.

53.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi, bổ sung)

Bổ sung quy định thời gian giải quyết hồ sơ là 30 ngày làm việc vào điểm 3,

Mục III của Thông tư liên tịch số 21/2008/TTLT-BQP-BLĐT BXH-BTC ngày 26/02/2008 của Liên Bộ Quốc phòng - Lao động - Thương binh và Xã hội - Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐT BXH-BTC ngày 07/12/2005 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 về chế độ, chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của đảng và nhà nước.

54. Thủ tục Thực hiện bổ sung chế độ trợ cấp 1 lần đối với người có thời gian công tác là hạ sỹ quan, chiến sỹ quân đội, công an tham gia chiến đấu, hoạt động ở các chiến trường B, C, K trong khoảng thời gian từ tháng 7/1954 đến 30/4/1975 nhưng không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng ở miền Bắc đã về gia đình (không phải đang công tác) đã được hưởng chế độ hoặc đã lập hồ sơ để hưởng chế độ theo quy định tại Nghị định số 23/1999/NĐ-CP hoặc Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg - mã số hồ sơ: 038324

54.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi, bổ sung thời gian giải quyết hồ sơ.

Lý do:

Thủ tục không quy định thời gian giải quyết hồ sơ.

54.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bổ sung quy định thời gian giải quyết hồ sơ là 30 ngày làm việc vào điểm 3, Mục III của Thông tư liên tịch số 21/2008/TTLT-BQP-BLĐT BXH-BTC ngày 26/02/2008 của Liên Bộ Quốc phòng - Lao động - Thương binh và Xã hội - Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐT BXH-BTC ngày 07/12/2005 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 về chế độ, chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của đảng và nhà nước.

55. Thủ tục Thực hiện bổ sung chế độ trợ cấp 1 lần đối với người có thời gian công tác là hạ sỹ quan, chiến sỹ quân đội, công an tham gia chiến đấu, hoạt động ở các chiến trường B, C, K trong khoảng thời gian từ tháng 7/1954 đến 30/4/1975 nhưng không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng ở miền Bắc đã

về gia đình (không phải đang công tác) đã được hưởng chế độ hoặc đã lập hồ sơ để hưởng chế độ theo quy định tại Nghị định số 23/1999/NĐ-CP hoặc Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg - mã số hồ sơ: 038353

55.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi, bổ sung thời gian giải quyết hồ sơ.

Lý do:

Thủ tục không quy định thời gian giải quyết hồ sơ.

55.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bổ sung quy định thời gian giải quyết hồ sơ là 30 ngày làm việc vào điểm 3, Mục III của Thông tư liên tịch số 21/2008/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 26/02/2008 của Liên Bộ Quốc phòng - Lao động - Thương binh và Xã hội - Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 07/12/2005 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 về chế độ, chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của đảng và nhà nước.

56. Thủ tục Thực hiện bổ sung chế độ trợ cấp 1 lần đối với người có thời gian công tác là cán bộ xã (phường) hoạt động ở miền Nam, trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước từ tháng 7/1954 đến 30/4/1975 hiện đang công tác - mã số hồ sơ: 038374

56.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi, bổ sung thời gian giải quyết hồ sơ.

Lý do:

Thủ tục không quy định thời gian giải quyết hồ sơ.

56.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bổ sung quy định thời gian giải quyết hồ sơ là 30 ngày làm việc vào điểm 1,

Mục I của Thông tư liên tịch số 21/2008/TTLT-BQP-BLĐT BXH-BTC ngày 26/02/2008 của Liên Bộ Quốc phòng - Lao động - Thương binh và Xã hội - Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐT BXH-BTC ngày 07/12/2005 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 về chế độ, chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của đảng và nhà nước.

57. Thủ tục Thực hiện bổ sung chế độ trợ cấp 1 lần đối với người có thời gian công tác là cán bộ xã (phường) hoạt động ở miền Nam, trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước từ tháng 7/1954 đến 30/4/1975 đã về gia đình (hiện không đang công tác) - mã số hồ sơ: 038391

57.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi, bổ sung thời gian giải quyết hồ sơ.

Lý do:

Thủ tục không quy định thời gian giải quyết hồ sơ.

57.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bổ sung quy định thời gian giải quyết hồ sơ là 30 ngày làm việc vào điểm 1, Mục I của Thông tư liên tịch số 21/2008/TTLT-BQP-BLĐT BXH-BTC ngày 26/02/2008 của Liên Bộ Quốc phòng - Lao động - Thương binh và Xã hội - Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐT BXH-BTC ngày 07/12/2005 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 về chế độ, chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của đảng và nhà nước.

58. Thủ tục Thực hiện bổ sung chế độ trợ cấp 1 lần đối với thân nhân người có thời gian công tác là hạ sỹ quan, chiến sỹ quân đội, công an tham gia chiến đấu, hoạt động ở các chiến trường B, C, K trong khoảng thời gian từ tháng 7/1954 đến 30/4/1975 nhưng không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng ở miền Bắc đã về gia đình (không phải đang công tác) đã được hưởng chế độ hoặc đã lập hồ sơ để hưởng chế độ theo quy định tại Nghị định số 23/1999/NĐ-CP hoặc Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg - mã số hồ sơ: 038417

58.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi, bổ sung thời gian giải quyết hồ sơ.

Lý do:

Thủ tục không quy định thời gian giải quyết hồ sơ.

58.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bổ sung quy định thời gian giải quyết hồ sơ là 30 ngày làm việc vào điểm 3, Mục III của Thông tư liên tịch số 21/2008/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 26/02/2008 của Liên Bộ Quốc phòng - Lao động - Thương binh và Xã hội - Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 07/12/2005 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 về chế độ, chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của đảng và nhà nước.

59. Thủ tục Thực hiện bổ sung chế độ trợ cấp 1 lần đối với thân nhân người có thời gian công tác là cán bộ xã (phường) hoạt động ở miền Nam, trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước từ tháng 7/1954 đến 30/4/1975 đã về gia đình (hiện không đang công tác) - mã số hồ sơ: 038510

59.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi, bổ sung thời gian giải quyết hồ sơ.

Lý do:

Thủ tục không quy định thời gian giải quyết hồ sơ.

59.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bổ sung quy định thời gian giải quyết hồ sơ là 30 ngày làm việc vào điểm 1, Mục I của Thông tư liên tịch số 21/2008/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 26/02/2008 của Liên Bộ Quốc phòng - Lao động - Thương binh và Xã hội - Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày

07/12/2005 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 về chế độ, chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của đảng và nhà nước.

60. Thủ tục Thực hiện chế độ trợ cấp 1 lần đối với người có thời gian công tác là Du kích thôn, ấp ở miền Nam trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước trong khoảng thời gian từ tháng 7/1954 đến 30/4/1975 - mã số hồ sơ: 038540

60.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

Sửa đổi, bổ sung thời gian giải quyết hồ sơ.

Lý do:

Thủ tục không quy định thời gian giải quyết hồ sơ.

60.2. Kiến nghị thực thi (*nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung*)

Bổ sung quy định thời gian giải quyết hồ sơ là 30 ngày làm việc vào điểm 1, Mục I của Thông tư liên tịch số 21/2008/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 26/02/2008 của Liên Bộ Quốc phòng - Lao động - Thương binh và Xã hội - Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 07/12/2005 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 về chế độ, chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của đảng và nhà nước.

61. Thủ tục Thực hiện chế độ trợ cấp 1 lần đối với dân quân tập trung ở miền Bắc, du kích tập trung ở miền Nam (bao gồm cả lực lượng mật) đã về gai đình chưa được hưởng chế độ trợ cấp một lần đối với thời gian phục vụ - mã số hồ sơ: 096723

61.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

Sửa đổi, bổ sung thời gian giải quyết hồ sơ.

Lý do:

Thủ tục không quy định thời gian giải quyết hồ sơ.

61.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bổ sung quy định thời gian giải quyết hồ sơ là 30 ngày làm việc vào điểm 1, Mục I của Thông tư liên tịch số 21/2008/TTLT-BQP-BLĐTĐBXH-BTC ngày 26/02/2008 của Liên Bộ Quốc phòng - Lao động - Thương binh và Xã hội - Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTĐBXH-BTC ngày 07/12/2005 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 về chế độ, chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của đảng và nhà nước.

62. Thủ tục Thành lập cơ sở bảo trợ xã hội công lập - mã số hồ sơ: 032969

62.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi, bổ sung thành phần hồ sơ:

- Mẫu tờ trình thành lập;
- Đề án thành lập;
- Quy chế hoạt động của cơ sở bảo trợ xã hội công lập.

Lý do:

Nghị định số 68/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục thành lập, tổ chức, hoạt động và giải thể cơ sở bảo trợ xã hội nhưng không quy định mẫu tờ trình thành lập, đề án thành lập, quy chế hoạt động của cơ sở bảo trợ xã hội công lập mà chỉ quy định nội dung, không có các chỉ tiêu cụ thể. Vì vậy không có sự thống nhất trong việc lập hồ sơ, mỗi đơn vị lập hồ sơ hiểu một cách khác nhau (kể cả cơ quan thẩm định và người có thẩm quyền quyết định), dẫn đến tình trạng thông tin trong hồ sơ của mỗi đơn vị vừa thừa vừa thiếu, phải giải trình nhiều lần, kéo dài thời gian giải quyết.

62.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ, ngành liên quan ban hành mẫu tờ trình thành lập, đề án thành lập, quy chế hoạt động của cơ sở bảo trợ xã hội công lập với những yêu cầu cụ thể về nội dung theo quy định tại Điều 33 của Nghị định số 68/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục thành lập, tổ chức, hoạt động và giải thể cơ sở bảo trợ xã hội.

63. Thủ tục Thành lập cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập của tổ chức, đoàn thể, tôn giáo thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố - mã số hồ sơ: 032998

63.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

Sửa đổi, bổ sung: Thẩm quyền quyết định thành lập cơ sở bảo trợ xã hội trong Nghị định số 68/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục thành lập, tổ chức, hoạt động và giải thể cơ sở bảo trợ xã hội.

Lý do:

Khoản 2, khoản 3 Điều 19 Nghị định số 68/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục thành lập, tổ chức, hoạt động và giải thể cơ sở bảo trợ xã hội quy định:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định hoặc phân cấp quyết định thành lập cơ sở bảo trợ xã hội hoạt động trên phạm vi tỉnh, thành phố và cơ sở bảo trợ xã hội công lập hoạt động trên phạm vi cấp huyện.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh quyết định thành lập cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập hoạt động trên phạm vi cấp huyện.

Quy định trên không rõ ràng vì không xác định khái niệm phạm vi hoạt động, do đó không phân định được trách nhiệm giải quyết thủ tục hành chính. Đồng thời, tổ chức, cá nhân yêu cầu thực hiện thủ tục cũng không biết được hệ thống cơ quan nào giải quyết thủ tục hành chính này.

63.2. Kiến nghị thực thi (*nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung*)

* Sửa đổi khoản 2, Điều 19 của Nghị định số 68/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục thành lập, tổ chức, hoạt động và giải thể cơ sở bảo trợ xã hội như sau:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định thành lập đối những với cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập sau:

- Có số đối tượng quản lý trên 150 người;
- Có số cơ sở hoạt động trên địa bàn từ 2 quận, huyện trở lên;
- Cơ sở bảo trợ xã hội của tổ chức tôn giáo.

Cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh quyết định thành lập.

* Bỏ khoản 3, Điều 19 của Nghị định số 68/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục thành lập, tổ chức, hoạt động và giải thể cơ sở bảo trợ xã hội vì nội dung đã được quy định trong khoản 2 của Điều 19 sửa đổi.

64. Thủ tục Thành lập cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập khác thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố - mã số hồ sơ: 033048

64.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

Sửa đổi, bổ sung: Thẩm quyền quyết định thành lập cơ sở bảo trợ xã hội trong Nghị định số 68/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục thành lập, tổ chức, hoạt động và giải thể cơ sở bảo trợ xã hội.

Lý do:

Khoản 2, khoản 3 Điều 19 Nghị định số 68/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục thành lập, tổ chức, hoạt động và giải thể cơ sở bảo trợ xã hội quy định:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định hoặc phân cấp quyết định thành lập cơ sở bảo trợ xã hội hoạt động trên phạm vi tỉnh, thành phố và cơ sở bảo trợ xã hội công lập hoạt động trên phạm vi cấp huyện.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh quyết định thành lập cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập hoạt động trên phạm vi cấp huyện.

Quy định trên không rõ ràng vì không xác định khái niệm phạm vi hoạt động, do đó không phân định được trách nhiệm giải quyết thủ tục hành chính. Đồng thời, tổ chức, cá nhân yêu cầu thực hiện thủ tục cũng không biết được hệ thống cơ quan nào giải quyết thủ tục hành chính này.

64.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

* Sửa đổi khoản 2, Điều 19 của Nghị định số 68/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục thành lập, tổ chức, hoạt động và giải thể cơ sở bảo trợ xã hội như sau:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định thành lập đối những với cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập sau:

- Có số đối tượng quản lý trên 150 người;
- Có số cơ sở hoạt động trên địa bàn từ 2 quận, huyện trở lên;
- Cơ sở bảo trợ xã hội của tổ chức tôn giáo.

Cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh quyết định thành lập.

* Bỏ khoản 3, Điều 19 của Nghị định số 68/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục thành lập, tổ chức, hoạt động và giải thể cơ sở bảo trợ xã hội vì nội dung đã được quy định trong khoản 2 của Điều 19 sửa đổi.

65. Thủ tục Giải thể cơ sở bảo trợ xã hội - mã số hồ sơ: 033059

65.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi, bổ sung thành phần hồ sơ:

- Đơn xin giải thể cơ sở bảo trợ xã hội;
- Bản kê khai tài sản, tài chính và phương án xử lý;
- Danh sách đối tượng và phương án giải quyết khi cơ sở giải thể.

Lý do:

Điều 20 của Nghị định số 68/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục thành lập, tổ chức, hoạt động và giải thể cơ sở bảo trợ xã hội quy định phải có Đơn xin giải thể cơ sở bảo trợ xã hội; Bản kê khai tài sản, tài chính và phương án xử lý; Danh sách đối tượng và phương án giải quyết khi cơ sở giải thể nhưng không quy định mẫu.

65.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành các mẫu:

- Đơn xin giải thể cơ sở bảo trợ xã hội;
- Bản kê khai tài sản, tài chính và phương án xử lý;
- Danh sách đối tượng và phương án giải quyết khi cơ sở giải thể.

66. Thủ tục Báo cáo tăng lao động (đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nhà hàng, cửa hàng ăn uống, vũ trường, massage, karaoke, khách sạn, nhà trọ) - mã số hồ sơ: 031428

66.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Thủ tục Báo cáo tăng lao động (đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nhà hàng, cửa hàng ăn uống, vũ trường, massage, karaoke, khách sạn, nhà trọ).

Lý do:

Không cần thiết, gây phiền hà, trùng lặp trong quản lý. Thay thế bằng biện pháp: Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra việc thực hiện pháp luật lao động; pháp luật phòng, chống ma túy, phòng, chống mại dâm tại các cơ sở kinh doanh ngành nghề nhạy cảm dễ phát sinh tệ nạn ma túy, tệ nạn mại dâm

66.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bỏ nội dung: “Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày doanh nghiệp bắt đầu hoạt động, người sử dụng lao động phải khai trình việc sử dụng lao động và trong quá trình hoạt động phải báo cáo tình hình thay đổi về nhân công với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày doanh nghiệp chấm dứt hoạt động, người sử dụng lao động phải báo cáo với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương về việc chấm dứt sử dụng lao động.” trong Điều 182 của Bộ Luật Lao động năm 2002.

- Bãi bỏ Mục I của Công văn số 5217/LĐTĐBXH-LĐ ngày 09/7/2009 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Hồ Chí Minh về việc hướng dẫn các nội dung liên quan đến pháp luật lao động.

67. Thủ tục Đăng ký cấp sổ lao động - mã số hồ sơ: 031430

67.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Thủ tục Đăng ký cấp sổ lao động.

Lý do:

1. Không đáp ứng được các mục tiêu đề ra, gây phiền hà tốn kém cho doanh nghiệp và người lao động:

- Sổ lao động được dùng để ghi chép mọi sự biến đổi của người lao động trong quá trình làm việc có liên quan tới các quyền và quyền lợi mà họ sẽ được hưởng sau này. Nó là hồ sơ gốc làm căn cứ để giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội và các chế độ khác sau khi chấm dứt hợp đồng lao động. Mỗi người lao động chỉ có 1 cuốn sổ lao động dùng trong suốt quá trình làm việc, giúp cho họ có cơ sở để bảo vệ quyền và quyền lợi khi xảy ra tranh chấp lao động và tìm việc làm. Tuy nhiên:

+ Thực tế là sổ lao động không ghi chép được mọi sự biến đổi của người lao động trong quá trình làm việc có liên quan tới các quyền và quyền lợi mà họ sẽ được hưởng sau này.

+ Sổ lao động không phải là hồ sơ gốc làm căn cứ để giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội và các chế độ khác sau khi chấm dứt hợp đồng lao động: Hồ sơ gốc là các hợp đồng lao động và sổ bảo hiểm xã hội.

+ Trong thực tế, đa số người lao động không giữ lại sổ lao động khi không còn làm việc tại doanh nghiệp. Khi tới doanh nghiệp mới thì có thể làm sổ lao động khác.

- Nội dung của sổ lao động cung cấp các thông tin cần thiết và tin cậy cho việc hoạch định các chính sách của Nhà nước đồng thời là một công cụ quản lý lao động xã hội. Thực tế là: Nội dung của sổ lao động không cung cấp các thông tin cần thiết và tin cậy cho việc hoạch định các chính sách của Nhà nước.

- Người sử dụng lao động căn cứ vào sổ lao động để tuyển chọn, sắp xếp, bố trí công việc phù hợp với trình độ, năng lực của người lao động:

Thông tin trong sổ lao động không cung cấp trình độ, năng lực của người lao động để người sử dụng lao động căn cứ vào sổ lao động để tuyển chọn, sắp xếp, bố trí công việc phù hợp với người lao động.

2. Thay thế được bằng biện pháp hiệu quả hơn:

- Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra việc thực hiện pháp luật lao động tại doanh nghiệp; công tác phổ biến pháp luật lao động.

- Điều tra lao động.
- Sử dụng thông tin về bảo hiểm xã hội của người lao động.

67.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bỏ nội dung: “Nơi sử dụng từ 10 người lao động trở lên, thì người sử dụng lao động phải lập sổ lao động” tại Điều 182 của Bộ Luật Lao động năm 2002.

- Bỏ Điều 183 của Bộ Luật Lao động năm 2002.

Bãi bỏ Thông tư số 18/LĐTBOXH-TT ngày 31/5/1994 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn việc cấp, quản lý và sử dụng sổ lao động.

68. Thủ tục Báo cáo giảm lao động - mã số hồ sơ: 031431

68.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Thủ tục Báo cáo giảm lao động.

Lý do:

1. Không đáp ứng mục tiêu, gây phiền hà cho doanh nghiệp

Mục tiêu của thủ tục là: Phục vụ cho việc xây dựng kế hoạch kinh tế xã hội. Tuy nhiên, việc thực hiện thủ tục này chỉ có được dữ liệu về lao động trong các doanh nghiệp sử dụng từ 10 lao động trở lên, vì vậy không thể làm căn cứ phục vụ xây dựng kế hoạch kinh tế xã hội trên địa bàn.

2. Thay thế được bằng biện pháp khác: Sử dụng dữ liệu pháp quy do cơ quan thống kê có thẩm quyền thu thập và xử lý.

68.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bỏ nội dung “Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày doanh nghiệp bắt đầu hoạt động, người sử dụng lao động phải khai trình việc sử dụng lao động và trong quá trình hoạt động phải báo cáo tình hình thay đổi về nhân công với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày doanh nghiệp chấm dứt hoạt động, người sử dụng lao động phải báo cáo với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương về việc chấm dứt sử dụng lao động.” trong Điều 182 của Bộ Luật Lao động năm 2002.

Bãi bỏ Mục I của Công văn số 5217/LĐTBOXH-LĐ ngày 09/7/2009 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Hồ Chí Minh về việc hướng dẫn các nội dung liên quan đến pháp luật lao động.

69. Thủ tục Báo cáo giảm lao động (đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nhà hàng, cửa hàng ăn uống, vũ trường, massage, karaoke, khách sạn, nhà trọ) - mã số hồ sơ: 031432

69.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Thủ tục Báo cáo giảm lao động (đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nhà hàng, cửa hàng ăn uống, vũ trường, massage, karaoke, khách sạn, nhà trọ).

Lý do:

Không cần thiết, gây phiền hà, trùng lặp trong quản lý. Thay thế bằng biện pháp:

Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra việc thực hiện pháp luật lao động; pháp luật phòng chống ma túy, phòng chống mại dâm tại các cơ sở kinh doanh ngành nghề nhạy cảm dễ phát sinh tệ nạn ma túy, tệ nạn mại dâm.

69.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bỏ nội dung: “Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày doanh nghiệp bắt đầu hoạt động, người sử dụng lao động phải khai trình việc sử dụng lao động và trong quá trình hoạt động phải báo cáo tình hình thay đổi về nhân công với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày doanh nghiệp chấm dứt hoạt động, người sử dụng lao động phải báo cáo với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương về việc chấm dứt sử dụng lao động.” trong Điều 182 của Bộ Luật Lao động năm 2002.

- Bãi bỏ Mục I của Công văn số 5217/LĐTBOXH-LĐ ngày 09/7/2009 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Hồ Chí Minh về việc hướng dẫn các nội dung liên quan đến pháp luật lao động.

70. Thủ tục Khai trình sử dụng lao động - mã số hồ sơ: 031433

70.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Khai trình sử dụng lao động.

Lý do:

1. Không đáp ứng mục tiêu, gây phiền hà cho doanh nghiệp.

Mục tiêu của thủ tục là: Phục vụ cho việc xây dựng kế hoạch kinh tế xã hội. Tuy nhiên, việc thực hiện thủ tục này chỉ có được dữ liệu về lao động trong các doanh nghiệp sử dụng từ 10 lao động trở lên, vì vậy không thể làm căn cứ phục vụ xây dựng kế hoạch kinh tế xã hội trên địa bàn.

2. Thay thế được bằng biện pháp khác: Sử dụng dữ liệu pháp quy do cơ quan thống kê có thẩm quyền thu thập và xử lý.

70.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bỏ nội dung “Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày doanh nghiệp bắt đầu hoạt động, người sử dụng lao động phải khai trình việc sử dụng lao động và trong quá trình hoạt động phải báo cáo tình hình thay đổi về nhân công với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày doanh nghiệp chấm dứt hoạt động, người sử dụng lao động phải báo cáo với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương về việc chấm dứt sử dụng lao động.” trong Điều 182 của Bộ Luật Lao động năm 2002.

- Bãi bỏ Mục I của Công văn số 5217/LĐTBXH-LĐ ngày 09/7/2009 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Hồ Chí Minh về việc hướng dẫn các nội dung liên quan đến pháp luật lao động.

71. Thủ tục Khai trình sử dụng lao động (đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nhà hàng, cửa hàng ăn uống, vũ trường, massage, karaoke, khách sạn, nhà trọ) - mã số hồ sơ: 031434

71.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Thủ tục Khai trình sử dụng lao động (đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nhà hàng, cửa hàng ăn uống, vũ trường, massage, karaoke, khách sạn, nhà trọ).

Lý do:

Không cần thiết, gây phiền hà, trùng lặp trong quản lý. Thay thế bằng biện pháp:

Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra việc thực hiện pháp luật lao động; pháp luật phòng chống ma túy, phòng chống mại dâm tại các cơ sở kinh doanh ngành nghề nhạy cảm dễ phát sinh tệ nạn ma túy, tệ nạn mại dâm.

71.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bỏ nội dung: “Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày doanh nghiệp bắt đầu hoạt động, người sử dụng lao động phải khai trình việc sử dụng lao động và trong quá trình hoạt động phải báo cáo tình hình thay đổi về nhân công với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày doanh nghiệp chấm dứt hoạt động, người sử dụng lao động phải báo cáo với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương về việc chấm dứt sử dụng lao động.” trong Điều 182 của Bộ Luật Lao động năm 2002.

- Bãi bỏ Mục I của Công văn số 5217/LĐTĐXH-LĐ ngày 09/7/2009 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Hồ Chí Minh về việc hướng dẫn các nội dung liên quan đến pháp luật lao động.

72. Thủ tục Đăng ký Nội quy lao động - mã số hồ sơ: 032624

72.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Đăng ký Nội quy lao động.

Lý do:

Không đáp ứng mục tiêu của thủ tục là bảo đảm các quy định trong nội quy lao động do doanh nghiệp xây dựng phù hợp với Bộ Luật Lao động vì:

- Không kiểm soát được các trường hợp doanh nghiệp có một số quy định áp dụng tại doanh nghiệp nhưng không thể hiện trong nội quy lao động mà những nội dung này không phù hợp với Bộ Luật Lao động;

- Không kiểm soát được việc áp dụng nội quy lao động của các doanh nghiệp

- Nội dung của nội quy lao động đã được lấy ý kiến tham khảo của Ban chấp hành công đoàn cơ sở hoặc Ban chấp hành công đoàn lâm thời trong đơn vị trước khi ký quyết định ban hành;

- Việc áp dụng nội quy lao động không phụ thuộc vào việc đăng ký nội quy lao động.

* Thay thế được bằng biện pháp hiệu quả hơn:

- Quy định doanh nghiệp phải xây dựng nội quy lao động để thực hiện tại doanh nghiệp và chịu trách nhiệm về sự phù hợp với quy định pháp luật lao động và Pháp luật khác những nội dung trong nội quy lao động.

- Ban hành các biện pháp chế tài nghiêm minh kết hợp với việc tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra những hành vi vi phạm pháp luật lao động tại doanh nghiệp.

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến pháp luật lao động.

- Nâng cao năng lực, kiến thức pháp luật của công đoàn các cấp.

72.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Khoản 3, Điều 82 Bộ Luật Lao động năm 2002;

- Điều 5, Điều 18 của Nghị định số 41/CP ngày 06/7/1995 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ Luật Lao động về kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất;

- Khoản 1 và khoản 7, Điều 1 của Nghị định số 33/2003/NĐ-CP ngày 02/4/2003 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định 41/CP ngày 06/7/1995 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ Luật Lao động về kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất;

- Điểm 4 và điểm 5 Phần II, điểm 1 và điểm 2 Phần IV của Thông tư số 19/2003/TT-BLĐTBXH ngày 22/9/2003 của Bộ LĐTBXH hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 41/CP ngày 06/7/1995 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Bộ Luật Lao động về kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 33/2003/NĐ-CP ngày 02/4/2003 của Chính phủ.

73. Thủ tục Báo cáo danh sách trích ngang về người nước ngoài - mã số hồ sơ: 034438

73.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Báo cáo danh sách trích ngang về người nước ngoài.

Lý do:

1. Không đáp ứng được mục tiêu của thủ tục là: Quản lý người nước ngoài

không thuộc đối tượng cấp giấy phép lao động vào Việt Nam làm việc vì cơ quan lao động không kiểm soát được.

2. Thay thế được bằng biện pháp chặt chẽ, hiệu quả hơn:

Thực hiện quản lý theo Pháp lệnh số 24/1999/PL-UBTVQH10 ngày 28/4/2000 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam.

73.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bãi bỏ toàn bộ thủ tục.

- Bãi bỏ khoản 6 Điều 9 và khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP ngày 25/3/2008 của Chính phủ quy định về tuyển dụng và quản lý người nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

74. Thủ tục Báo cáo giảm lao động - mã số hồ sơ: 034546

74.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Thủ tục Báo cáo giảm lao động.

Lý do:

1. Không đáp ứng mục tiêu, gây phiền hà cho doanh nghiệp

Mục tiêu của thủ tục là: Phục vụ cho việc xây dựng kế hoạch kinh tế xã hội. Tuy nhiên, việc thực hiện thủ tục này chỉ có được dữ liệu về lao động trong các doanh nghiệp sử dụng từ 10 lao động trở lên, vì vậy không thể làm căn cứ phục vụ xây dựng kế hoạch kinh tế xã hội trên địa bàn.

2. Thay thế được bằng biện pháp tốt hơn: Sử dụng dữ liệu pháp quy do cơ quan thống kê có thẩm quyền thu thập và xử lý.

74.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bỏ nội dung “Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày doanh nghiệp bắt đầu hoạt động, người sử dụng lao động phải khai trình việc sử dụng lao động và trong quá trình hoạt động phải báo cáo tình hình thay đổi về nhân công với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã

hội. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày doanh nghiệp chấm dứt hoạt động, người sử dụng lao động phải báo cáo với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương về việc chấm dứt sử dụng lao động.” trong Điều 182 của Bộ Luật Lao động năm 2002.

Bãi bỏ Mục I của Công văn số 5217/LĐT BXH-LĐ ngày 09/7/2009 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Hồ Chí Minh về việc hướng dẫn các nội dung liên quan đến pháp luật lao động.

75. Thủ tục Báo cáo danh sách trích ngang người nước ngoài đối với người nước ngoài là học sinh, sinh viên; phu quân, phu nhân của người nước ngoài làm việc tại các cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự nước ngoài, cơ quan đại diện các tổ chức quốc tế thuộc hệ thống liên hiệp quốc, các tổ chức khu vực, tiểu khu vực; người giúp việc gia đình của người nước ngoài; người nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam không theo các hình thức thực hiện hợp đồng lao động, di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp có hiện diện thương mại tại Việt Nam, thực hiện các loại hợp đồng về kinh tế, thương mại, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, khoa học kỹ thuật, văn hóa, thể thao, giáo dục, y tế, thực hiện cung cấp dịch vụ theo hợp đồng, chào bán dịch vụ, người nước ngoài đại diện cho tổ chức phi chính phủ nước ngoài được phép hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam có nhu cầu làm việc cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tại Việt Nam - mã số hồ sơ: 034554

75.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Báo cáo danh sách trích ngang người nước ngoài đối với người nước ngoài là học sinh, sinh viên; phu quân, phu nhân của người nước ngoài làm việc tại các cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự nước ngoài, cơ quan đại diện các tổ chức quốc tế thuộc hệ thống liên hiệp quốc, các tổ chức khu vực, tiểu khu vực; người giúp việc gia đình của người nước ngoài; người nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam không theo các hình thức thực hiện hợp đồng lao động, di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp có hiện diện thương mại tại Việt Nam, thực hiện các loại hợp đồng về kinh tế, thương mại, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, khoa học kỹ thuật, văn hóa, thể thao, giáo dục, y tế, thực hiện cung cấp dịch vụ theo hợp đồng, chào bán dịch vụ, người nước ngoài đại diện cho tổ chức phi chính phủ nước ngoài được phép hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam có nhu cầu làm việc cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tại Việt Nam.

Lý do:

1. Không đáp ứng được mục tiêu của thủ tục là: Quản lý người nước ngoài không thuộc đối tượng cấp giấy phép lao động vào Việt Nam làm việc vì cơ quan lao động không kiểm soát được.

2. Thay thế được bằng biện pháp chặt chẽ, hiệu quả hơn:

Thực hiện quản lý theo Pháp lệnh số 24/1999/PL-UBTVQH10 ngày 28/4/2000 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam.

75.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ khoản 6 Điều 9 và khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP ngày 25/3/2008 của Chính phủ quy định về tuyển dụng và quản lý người nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

X. CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ QUY HOẠCH - KIẾN TRÚC

1. Thủ tục Giải quyết khiếu nại tố cáo - mã số hồ sơ: 028385

1.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Thay thế thủ tục: “Giải quyết khiếu nại, tố cáo” thành 02 thủ tục là “thủ tục giải quyết khiếu nại” và “thủ tục giải quyết tố cáo”.

Lý do:

Khiếu nại, tố cáo là 02 thủ tục khác nhau do đối tượng điều chỉnh khác nhau nên không thể nhập chung thành một thủ tục được.

1.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Đề nghị bãi bỏ thủ tục giải quyết khiếu nại tố cáo và thành lập 02 thủ tục mới: Thủ tục giải quyết khiếu nại và Thủ tục giải quyết tố cáo.

- Kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố bổ sung 02 thủ tục là thủ tục giải quyết khiếu nại” và “thủ tục giải quyết tố cáo” vào Bộ Thủ tục hành chính của Sở Quy hoạch - Kiến trúc đã được Ủy ban nhân dân thành phố công bố tại Quyết định số 4198/QĐ-UBND ngày 05/9/2009 như sau:

* Thủ tục Giải quyết khiếu nại:

- Thành phần hồ sơ gồm:

+ Đơn

+ Các giấy tờ liên quan (nếu có)

- Số lượng hồ sơ: 1 bộ

Thời gian giải quyết hồ sơ: Thời hạn giải quyết là 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ.

+ Nếu không thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Quy hoạch - Kiến trúc thì không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ sẽ chuyển đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

+ Nếu thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Quy hoạch - Kiến trúc, trong vòng 10 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ sẽ thông báo đến cá nhân và tổ chức về tình hình giải quyết đơn.

* Thủ tục giải quyết tố cáo:

Thành phần hồ sơ gồm:

+ Đơn

- Số lượng hồ sơ: 1 bộ

Thời gian giải quyết hồ sơ: Thời hạn giải quyết tố cáo không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết, đối với vụ việc phức tạp thì thời gian giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 90 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết.

2. Thủ tục Cung cấp Thông tin quy hoạch - kiến trúc - mã số hồ sơ: 028130

2.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

Bãi bỏ thủ tục “Cung cấp Thông tin quy hoạch - kiến trúc”, thay thế bằng thủ tục: “Cung cấp thông tin quy hoạch đô thị”.

Lý do:

+ Điều 55, Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 có hiệu lực ngày 01/01/2010 quy định: “Việc cung cấp thông tin về quy hoạch đô thị được thực hiện dưới các hình thức giải thích trực tiếp, qua phương tiện thông tin đại chúng và cấp chứng chỉ quy hoạch”. Nhưng hiện nay vẫn chưa có văn bản hướng dẫn thực hiện thủ tục.

+ Điều 72, Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 có hiệu lực ngày 01/01/2010 quy định: “Kể từ ngày Luật này có hiệu lực, các quy định của Luật Xây dựng về quy hoạch xây dựng các đô thị và các khu vực trong đô thị được thay thế bằng các quy định của Luật này.”

2.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

+ Bãi bỏ thủ tục “Cung cấp Thông tin quy hoạch - kiến trúc” đã được Ủy ban nhân dân thành phố công bố tại Quyết định số 4198/QĐ-UBND ngày 05/9/2009.

+ Ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Quy hoạch đô thị, trong đó có hướng dẫn thực hiện thủ tục cung cấp thông tin về quy hoạch đô thị.

+ Thay thế các văn bản sau: Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng; Quyết định số 30/2006/QĐ-BXD ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về ban hành quy định công khai thủ tục hành chính và thái độ tác phong của cán bộ, công chức trong việc thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng; cung cấp thông tin và chứng chỉ quy hoạch xây dựng.; Thông tư số 07/2008/TT-BXD ngày 07/4/2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng cho phù hợp với quy định của Luật Quy hoạch đô thị.

3. Thủ tục Thẩm định Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỉ lệ 1/2000 - mã số hồ sơ: 028394

3.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Thay thủ tục “Thẩm định Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỉ lệ 1/2000” bằng thủ tục “Thẩm định Nhiệm vụ và Đồ án quy hoạch phân khu” được quy định tại Điều 23, 29, 32, 33, 34, 35, 42 và Điều 43 của Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 có hiệu lực ngày 01/01/2010.

Lý do:

Do Luật Quy hoạch đô thị đã được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2009 và có hiệu lực 01/01/2010 sẽ thay thế các quy định của Luật Xây dựng về quy hoạch xây dựng các đô thị và các khu vực trong đô thị, do đó thủ tục này sẽ không còn phù hợp.

3.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ thủ tục “Thẩm định Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỉ lệ 1/2000” đã được Ủy ban nhân dân thành phố công bố tại Quyết định số 4198/QĐ-UBND ngày 05/9/2009.

+ Kiến nghị Chính phủ, Bộ Xây dựng sớm ban hành các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thực hiện Luật Quy hoạch đô thị để làm căn cứ xây dựng các thủ tục hành chính của Sở.

+ Thay thế các văn bản sau: Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng; Quyết định số 30/2006/QĐ-BXD ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về ban hành quy định công khai thủ tục hành chính và thái độ tác phong của cán bộ, công chức trong việc thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng; cung cấp thông tin và chứng chỉ quy hoạch xây dựng; Thông tư số 07/2008/TT-BXD ngày 07/4/2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng cho phù hợp với quy định của Luật Quy hoạch đô thị.

4. Thủ tục Thẩm định Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỉ lệ 1/2000 - mã số hồ sơ: 028419

4.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Thay thủ tục “Thẩm định Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỉ lệ 1/2000” bằng thủ tục “Thẩm định Nhiệm vụ và Đồ án quy hoạch phân khu” được quy định tại Điều 23, 29, 32, 33, 34, 35, 42 và Điều 43 của Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 có hiệu lực ngày 01/01/2010.

Lý do: Do Luật Quy hoạch đô thị đã được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2009 và có hiệu lực 01/01/2010 sẽ thay thế các quy định của Luật Xây dựng về quy hoạch xây dựng các đô thị và các khu vực trong đô thị, do đó thủ tục này sẽ không còn phù hợp.

4.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ thủ tục “Thẩm định Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỉ lệ 1/2000” đã được Ủy ban nhân dân thành phố công bố tại Quyết định số 4198/QĐ-UBND ngày 05/9/2009.

+ Kiến nghị Chính phủ, Bộ Xây dựng sớm ban hành các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thực hiện Luật Quy hoạch đô thị để làm căn cứ xây dựng các thủ tục hành chính của Sở .

+ Thay thế các văn bản sau: Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng; Quyết định số 30/2006/QĐ-BXD ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về ban hành quy định công khai thủ tục hành chính và thái độ tác phong của cán bộ, công chức trong việc thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng; cung cấp thông tin và chứng chỉ quy hoạch xây dựng; Thông tư số 07/2008/TT-BXD ngày 07/4/2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng cho phù hợp với quy định của Luật Quy hoạch đô thị.

5. Thủ tục Thẩm định Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỉ lệ 1/2000 - mã số hồ sơ: 028441

5.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

Thay thủ tục “Thẩm định Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỉ lệ 1/2000” bằng thủ tục “Thẩm định Nhiệm vụ và Đồ án quy hoạch phân khu” được quy định tại Điều 23, 29, 32, 33, 34, 35, 42 và Điều 43 của Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 có hiệu lực ngày 01/01/2010.

Lý do:

Do Luật Quy hoạch đô thị đã được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2009 và có hiệu lực 01/01/2010 sẽ thay thế các quy định của Luật Xây dựng về quy hoạch xây dựng các đô thị và các khu vực trong đô thị, do đó thủ tục này sẽ không còn phù hợp.

5.2. Kiến nghị thực thi (*nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung*)

Bãi bỏ thủ tục “Thẩm định Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỉ lệ 1/2000” đã được Ủy ban nhân dân thành phố công bố tại Quyết định số 4198/QĐ-UBND ngày 05/9/2009.

+ Kiến nghị Chính phủ, Bộ Xây dựng sớm ban hành các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thực hiện Luật Quy hoạch đô thị để làm căn cứ xây dựng các thủ tục hành chính của Sở.

+ Thay thế các văn bản sau: Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng; Quyết định số 30/2006/QĐ-BXD ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về ban hành quy định công khai thủ tục hành chính và thái độ tác phong của cán bộ, công chức trong việc thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng; cung cấp thông tin và chứng chỉ quy hoạch xây dựng; Thông tư số 07/2008/TT-BXD ngày 07/4/2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng cho phù hợp với quy định của Luật Quy hoạch đô thị.

6. Thủ tục Thẩm định Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỉ lệ 1/2000 - mã số hồ sơ: 028460

6.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Thay thủ tục “Thẩm định Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỉ lệ 1/2000” bằng thủ tục “Thẩm định Nhiệm vụ và Đồ án quy hoạch phân khu” được quy định tại Điều 23, 29, 32, 33, 34, 35, 42 và Điều 43 của Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 có hiệu lực ngày 01/01/2010.

Lý do:

Do Luật Quy hoạch đô thị đã được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2009 và có hiệu lực 01/01/2010 sẽ thay thế các quy định của Luật Xây dựng về quy hoạch xây dựng các đô thị và các khu vực trong đô thị, do đó thủ tục này sẽ không còn phù hợp.

6.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ thủ tục “Thẩm định Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỉ lệ 1/2000” đã được Ủy ban nhân dân thành phố công bố tại Quyết định số 4198/QĐ-UBND ngày 05/9/2009.

+ Kiến nghị Chính phủ, Bộ Xây dựng sớm ban hành các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thực hiện Luật Quy hoạch đô thị để làm căn cứ xây dựng các thủ tục hành chính của Sở.

+ Thay thế các văn bản sau: Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng; Quyết định số 30/2006/QĐ-BXD ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về ban hành quy định công khai thủ tục hành chính và thái độ tác phong của cán bộ, công chức trong việc thẩm định, phê duyệt quy hoạch

chi tiết xây dựng; cung cấp thông tin và chứng chỉ quy hoạch xây dựng; Thông tư số 07/2008/TT-BXD ngày 07/4/2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng cho phù hợp với quy định của Luật Quy hoạch đô thị.

7. Thủ tục Thẩm định Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỉ lệ 1/500 - mã số hồ sơ: 028479

7.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Thay thủ tục “Thẩm định Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỉ lệ 1/500” bằng thủ tục “Thẩm định nhiệm vụ và đồ án Quy hoạch chi tiết” được quy định tại Điều 23, 30, 32, 33, 34 của Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 có hiệu lực ngày 01/01/2010.

Lý do:

Do Luật Quy hoạch đô thị đã được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2009 và có hiệu lực 01/01/2010 sẽ thay thế các quy định của Luật Xây dựng về quy hoạch xây dựng các đô thị và các khu vực trong đô thị, do đó thủ tục này sẽ không còn phù hợp.

7.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ thủ tục “Thẩm định Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỉ lệ 1/500” đã được Ủy ban nhân dân thành phố công bố tại Quyết định số 4198/QĐ-UBND ngày 05/9/2009.

+ Kiến nghị Chính phủ, Bộ Xây dựng sớm ban hành các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thực hiện Luật Quy hoạch đô thị để làm căn cứ xây dựng các thủ tục hành chính của Sở.

+ Thay thế các văn bản sau: Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng; Quyết định số 30/2006/QĐ-BXD ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về ban hành quy định công khai thủ tục hành chính và thái độ tác phong của cán bộ, công chức trong việc thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng; cung cấp thông tin và chứng chỉ quy hoạch xây dựng; Thông tư số 07/2008/TT-BXD ngày 07/4/2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng cho phù hợp với quy định của Luật Quy hoạch đô thị.

8. Thủ tục Thẩm định Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỉ lệ 1/500 - mã số hồ sơ: 028486

8.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Thay thủ tục “Thẩm định Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỉ lệ 1/500” bằng thủ tục “Thẩm định nhiệm vụ và đồ án Quy hoạch chi tiết” được quy định tại Điều 23, 30, 32, 33, 34 của Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 có hiệu lực ngày 01/01/2010.

Lý do:

Do Luật Quy hoạch đô thị đã được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2009 và có hiệu lực 01/01/2010 sẽ thay thế các quy định của Luật Xây dựng về quy hoạch xây dựng các đô thị và các khu vực trong đô thị, do đó thủ tục này sẽ không còn phù hợp.

8.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ thủ tục “Thẩm định Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỉ lệ 1/500” đã được Ủy ban nhân dân thành phố công bố tại Quyết định số 4198/QĐ-UBND ngày 05/9/2009.

+ Kiến nghị Chính phủ, Bộ Xây dựng sớm ban hành các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thực hiện Luật Quy hoạch đô thị để làm căn cứ xây dựng các thủ tục hành chính của Sở.

+ Thay thế các văn bản sau: Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng; Quyết định số 30/2006/QĐ-BXD ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về ban hành quy định công khai thủ tục hành chính và thái độ tác phong của cán bộ, công chức trong việc thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng; cung cấp thông tin và chứng chỉ quy hoạch xây dựng; Thông tư số 07/2008/TT-BXD ngày 07/4/2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng cho phù hợp với quy định của Luật Quy hoạch đô thị.

9. Thủ tục Thẩm định Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỉ lệ 1/500 - mã số hồ sơ: 028509

9.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Thay thủ tục “Thẩm định Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỉ lệ 1/500” bằng thủ tục “Thẩm định nhiệm vụ và đồ án Quy hoạch chi tiết” được quy định tại Điều 23, 30, 32, 33, 34 của Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 có hiệu lực ngày 01/01/2010.

Lý do:

Do Luật Quy hoạch đô thị đã được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2009 và có hiệu lực 01/01/2010 sẽ thay thế các quy định của Luật Xây dựng về quy hoạch xây dựng các đô thị và các khu vực trong đô thị, do đó thủ tục này sẽ không còn phù hợp.

9.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ thủ tục “Thẩm định Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỉ lệ 1/500” đã được Ủy ban nhân dân thành phố công bố tại Quyết định số 4198/QĐ-UBND ngày 05/9/2009.

+ Kiến nghị Chính phủ, Bộ Xây dựng sớm ban hành các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thực hiện Luật Quy hoạch đô thị để làm căn cứ xây dựng các thủ tục hành chính của Sở .

+ Thay thế các văn bản sau: Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng; Quyết định số 30/2006/QĐ-BXD ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về ban hành quy định công khai thủ tục hành chính và thái độ tác phong của cán bộ, công chức trong việc thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng; cung cấp thông tin và chứng chỉ quy hoạch xây dựng; Thông tư số 07/2008/TT-BXD ngày 07/4/2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng cho phù hợp với quy định của Luật Quy hoạch đô thị.

10. Thủ tục Thẩm định Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỉ lệ 1/500 - mã số hồ sơ: 028524

10.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Thay thủ tục “Thẩm định Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỉ lệ 1/500” bằng thủ tục “Thẩm định nhiệm vụ và đồ án Quy hoạch chi tiết” được quy định tại Điều 23, 30, 32, 33, 34 của Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 có hiệu lực ngày 01/01/2010.

Lý do:

Do Luật Quy hoạch đô thị đã được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2009 và có hiệu lực 01/01/2010 sẽ thay thế các quy định của Luật Xây dựng về quy hoạch xây dựng các đô thị và các khu vực trong đô thị, do đó thủ tục này sẽ không còn phù hợp.

10.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ thủ tục “Thẩm định Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỉ lệ 1/500” đã được Ủy ban nhân dân thành phố công bố tại Quyết định số 4198/QĐ-UBND ngày 05/9/2009.

+ Kiến nghị Chính phủ, Bộ Xây dựng sớm ban hành các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thực hiện Luật Quy hoạch đô thị để làm căn cứ xây dựng các thủ tục hành chính của Sở.

+ Thay thế các văn bản sau: Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng; Quyết định số 30/2006/QĐ-BXD ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về ban hành quy định công khai thủ tục hành chính và thái độ tác phong của cán bộ, công chức trong việc thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng; cung cấp thông tin và chứng chỉ quy hoạch xây dựng; Thông tư số 07/2008/TT-BXD ngày 07/4/2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng cho phù hợp với quy định của Luật Quy hoạch đô thị.

XI. Các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng.**1. Thủ tục Kiểm tra nội nghiệp bản vẽ - mã số hồ sơ: 044819**

1.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi, bổ sung: Rút ngắn thời hạn giải quyết hồ sơ từ 20 ngày xuống còn 15 ngày làm việc.

Lý do:

Các công đoạn và quy trình giải quyết hồ sơ được cải tiến, rút ngắn thời gian.

1.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Sửa khoản 1 Điều 3 Quyết định số 281/2003/QĐ-UB ngày 01/12/2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành bảng “Quy định về quy trình và phương pháp thẩm định giá bán bất động sản thuộc sở hữu Nhà nước tại thành phố Hồ Chí Minh” cho phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

2. Thủ tục hồ sơ khai trình xuất cảnh để thu hồi nhà trống và xét lưu thuê - mã số hồ sơ: 044827

2.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bổ sung số hộ khẩu, số nhân khẩu trong Mẫu đơn xin xác nhận về số hộ khẩu và số nhân khẩu tại căn nhà khai trình xuất cảnh.

Lý do:

Hiện nay, đối với nhà sở hữu tư nhân thì người xuất cảnh khi đi xuất cảnh không khai trình do đó nếu tiếp tục thực hiện cần có cơ quan có thẩm quyền ban hành hướng dẫn cụ thể là UBNDTP ban hành Quyết định hướng dẫn về việc khai trình nhà của người xuất cảnh thuê nhà thuộc sở hữu Nhà nước.

2.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định về việc hướng dẫn khai trình nhà của người xuất cảnh đang sử dụng nhà thuộc sở hữu Nhà nước thay thế cho Công văn số 2654/PP ngày 16/02/1993 của Sở Nhà đất hướng dẫn về việc khai trình của người xuất cảnh.

3. Thủ tục Hủy giấy phép ủy quyền quản lý, sử dụng nhà. - mã số hồ sơ: 048197

3.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Thay thủ tục hành chính tên: Hủy giấy phép ủy quyền quản lý, sử dụng nhà bằng thủ tục “Chấm dứt hợp đồng ủy quyền” theo Điều 588, 589 Bộ Luật Dân sự 2005.

Lý do:

Thủ tục này chưa được cơ quan có thẩm quyền quy định là một thủ tục hành chính.

3.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Kiến nghị thay thế bằng thủ tục “Chấm dứt hợp đồng ủy quyền” theo Điều 588, 589 Bộ Luật Dân sự 2005.

Bãi bỏ thủ tục hành chính này trong Bộ Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng ban hành kèm theo Quyết định số 4187/QĐ-UBND ngày 5/9/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố.

4. Thủ tục Chuyển giao Quỹ nhà ở do đơn vị tự quản cho ngành nhà đất quản lý theo Thông tư số 01/BXD-QLN ngày 04/3/1996 của Bộ Xây dựng. - mã số hồ sơ: 044816

4.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi, bổ sung: Thời gian giải quyết thủ tục hành chính là 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Lý do:

Nhằm cải tiến quy trình thụ lý hồ sơ.

4.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bổ sung điều khoản về thời hạn giải quyết thủ tục hành chính của Thông tư số 01/BXD-QLN ngày 04/3/1996 của Bộ Xây dựng hướng dẫn việc chuyển giao nhà thuộc sở hữu Nhà nước thuộc diện được bán từ các cơ quan hành chính sự nghiệp, lực lượng vũ trang, đoàn thể nhân dân, tổ chức chính trị, xã hội, các doanh nghiệp Nhà nước cho bên bán nhà.

5. Thủ tục Giải quyết hồ sơ theo Nghị quyết số 755/2005/NQ-UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Đề nghị xác định Nhà nước không quản lý nhà). - mã số hồ sơ: 044828

5.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi, bổ sung: Quy định giải quyết đối với một số trường hợp cụ thể về nhà đất mà Nhà nước đã quản lý, bố trí sử dụng trong quá trình thực hiện các chính sách quản

lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa trước ngày 01/7/1991 trong khi Nghị quyết số 23/2003/QH11 và Nghị quyết số 755/2005/NQ-UBTVQH11 đã hết hiệu lực.

Lý do:

Cho phù hợp với tình hình hiện nay, cụ thể trong giải quyết các chính sách về nhà đất đối với trường hợp người có công, người xuất cảnh hợp pháp hồi hương, mở ra hướng xử lý các vấn đề tồn đọng cũng như khắc phục phần nào các trường hợp quản lý sai sót do yếu tố lịch sử để lại trong quá trình thực hiện các chính sách quản lý nhà đất và cải tạo xã hội chủ nghĩa trước đây.

5.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Dự thảo Nghị quyết bổ sung mở rộng hơn đối tượng và phạm vi điều chỉnh khi áp dụng Nghị quyết 23 và Nghị quyết 755. Tuy nhiên, Nghị quyết bổ sung cần đặt vấn đề tính khả thi sao cho phù hợp với tình hình phát triển của đất nước do có liên quan trực tiếp đến việc chuẩn bị quỹ nhà, đất dự phòng hoặc các hình thức có giá trị tương đương khác mà Nhà nước phải có để đảm bảo thực hiện việc xem xét khi trả lại nhà đất và hỗ trợ nhà đất cho các đối tượng theo quy định.

6. Thủ tục Giải quyết hồ sơ theo Nghị quyết số 755/2005/NQ-UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Đề nghị thanh toán tiền trưng mua) - mã số hồ sơ: 044855

6.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi, bổ sung: Quy định giải quyết đối với một số trường hợp cụ thể về nhà đất mà Nhà nước đã quản lý, bố trí sử dụng trong quá trình thực hiện các chính sách quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa trước ngày 01/7/1991 trong khi Nghị quyết số 23/2003/QH11 và Nghị quyết số 755/2005/NQ-UBTVQH11 đã hết hiệu lực.

Lý do:

Cho phù hợp với tình hình hiện nay, cụ thể trong giải quyết các chính sách về nhà đất đối với trường hợp người có công, người xuất cảnh hợp pháp hồi hương, mở ra hướng xử lý các vấn đề tồn đọng cũng như khắc phục phần nào các trường hợp quản lý sai sót do yếu tố lịch sử để lại trong quá trình thực hiện các chính sách quản lý nhà đất và cải tạo xã hội chủ nghĩa trước đây.

6.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Dự thảo Nghị quyết bổ sung mở rộng hơn đối tượng và phạm vi điều chỉnh khi áp dụng Nghị quyết 23 và Nghị quyết 755. Tuy nhiên, Nghị quyết bổ sung cần đặt vấn đề tính khả thi sao cho phù hợp với tình hình phát triển của đất nước do có liên quan trực tiếp đến việc chuẩn bị quỹ nhà, đất dự phòng hoặc các hình thức có giá trị tương đương khác mà Nhà nước phải có để đảm bảo thực hiện việc xem xét khi trả lại nhà đất và hỗ trợ nhà đất cho các đối tượng theo quy định.

7. Thủ tục Giải quyết hồ sơ theo Nghị quyết số 755/2005/NQ-UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Đề nghị giao lại nhà) - mã số hồ sơ: 044869

7.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi, bổ sung: Quy định giải quyết đối với một số trường hợp cụ thể về nhà đất mà Nhà nước đã quản lý, bố trí sử dụng trong quá trình thực hiện các chính sách quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa trước ngày 01/7/1991 trong khi Nghị quyết số 23/2003/QH11 và Nghị quyết số 755/2005/NQ-UBTVQH11 đã hết hiệu lực.

Lý do:

Cho phù hợp với tình hình hiện nay, cụ thể trong giải quyết các chính sách về nhà đất đối với trường hợp người có công, người xuất cảnh hợp pháp hồi hương, mở ra hướng xử lý các vấn đề tồn đọng cũng như khắc phục phần nào các trường hợp quản lý sai sót do yếu tố lịch sử để lại trong quá trình thực hiện các chính sách quản lý nhà đất và cải tạo xã hội chủ nghĩa trước đây.

7.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Dự thảo Nghị quyết bổ sung mở rộng hơn đối tượng và phạm vi điều chỉnh khi áp dụng Nghị quyết 23 và Nghị quyết 755. Tuy nhiên, Nghị quyết bổ sung cần đặt vấn đề tính khả thi sao cho phù hợp với tình hình phát triển của đất nước do có liên quan trực tiếp đến việc chuẩn bị quỹ nhà, đất dự phòng hoặc các hình thức có giá trị tương đương khác mà Nhà nước phải có để đảm bảo thực hiện việc xem xét khi trả lại nhà đất và hỗ trợ nhà đất cho các đối tượng theo quy định.

8. Thủ tục Giải quyết hồ sơ theo Nghị quyết số 755/2005/NQ-UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Đề nghị công nhận nhà đất được để lại) - mã số hồ sơ: 044873

8.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Sửa đổi, bổ sung: Quy định giải quyết đối với một số trường hợp cụ thể về nhà đất mà Nhà nước đã quản lý, bố trí sử dụng trong quá trình thực hiện các chính sách quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa trước ngày 01/7/1991 trong khi Nghị quyết số 23/2003/QH11 và Nghị quyết số 755/2005/NQ-UBTVQH11 đã hết hiệu lực.

Lý do:

Cho phù hợp với tình hình hiện nay, cụ thể trong giải quyết các chính sách về nhà đất đối với trường hợp người có công, người xuất cảnh hợp pháp hồi hương, mở ra hướng xử lý các vấn đề tồn đọng cũng như khắc phục phần nào các trường hợp quản lý sai sót do yếu tố lịch sử để lại trong quá trình thực hiện các chính sách quản lý nhà đất và cải tạo xã hội chủ nghĩa trước đây.

8.2. Kiến nghị thực thi *(nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)*

Dự thảo Nghị quyết bổ sung mở rộng hơn đối tượng và phạm vi điều chỉnh khi áp dụng Nghị quyết 23 và Nghị quyết 755. Tuy nhiên, Nghị quyết bổ sung cần đặt vấn đề tính khả thi sao cho phù hợp với tình hình phát triển của đất nước do có liên quan trực tiếp đến việc chuẩn bị quỹ nhà, đất dự phòng hoặc các hình thức có giá trị tương đương khác mà Nhà nước phải có để đảm bảo thực hiện việc xem xét khi trả lại nhà đất và hỗ trợ nhà đất cho các đối tượng theo quy định.

9. Thủ tục Thẩm định và phê duyệt (hoặc phê duyệt điều chỉnh) Hồ sơ mời thầu đối với gói thầu thuộc dự án đầu tư xây dựng sử dụng nguồn vốn Ngân sách Nhà nước của thành phố nhóm B, C được Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phân cấp cho Sở quyết định đầu tư và các gói thầu theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh - mã số hồ sơ: 043720

9.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

a) Thay đổi thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính là chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng thay vì cơ quan quản lý nhà nước.

Lý do:

Căn cứ khoản 19 Điều 2 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản; khoản 1 Điều 76 Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng, thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính là chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng thay vì cơ quan quản lý nhà nước.

b) Giảm thời hạn giải quyết thủ tục xuống còn 20 ngày làm việc thay vì 30 ngày làm việc như quy định.

Lý do:

Căn cứ khoản 19 Điều 2 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản; khoản 1 Điều 76 Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng, thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính là chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng thay vì cơ quan quản lý nhà nước.

9.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Sửa đổi quy định tại Điều 13 của Quyết định số 126/2007/QĐ-UBND ngày 20/10/2007 của UBND TPHCM ban hành Quy định về quản lý thực hiện các dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước của TPHCM.

- Điều chỉnh khoản 6 Điều 31 của Luật Đấu thầu;

- Điều chỉnh khoản 1 Điều 8 của Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15/9/2009 của Chính phủ.

10. Thủ tục Thẩm định và phê duyệt (hoặc phê duyệt điều chỉnh) Kế hoạch đấu thầu dự án hoặc Kế hoạch đấu thầu gói thầu thuộc dự án đầu tư xây dựng sử dụng nguồn vốn Ngân sách Nhà nước của thành phố nhóm B, C được Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp cho Sở quyết định đầu tư và các gói thầu theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh - mã số hồ sơ: 043729

10.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi, bổ sung: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục xuống còn 20 ngày làm việc thay vì 30 ngày làm việc như quy định.

Lý do:

Do Sở đã cải tiến quy trình làm việc, kéo giảm thời gian thụ lý hồ sơ ở các công đoạn.

10.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Điều chỉnh khoản 6 Điều 31 của Luật Đấu thầu: “Thời gian thẩm định tối đa là hai mươi ngày cho việc thực hiện đối với nội dung về kế hoạch đấu thầu; bảy ngày cho việc thực hiện đối với từng nội dung về hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu. ...”

- Điều chỉnh khoản 1 Điều 8 của Nghị định số 85/2009/NĐ-CP: “Chủ đầu tư có trách nhiệm phê duyệt hồ sơ mời thầu, phê duyệt hoặc có ý kiến xử lý về kết quả lựa chọn nhà thầu trong thời hạn tối đa là ba ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của cơ quan, tổ chức thẩm định”.

11. Thủ tục Thẩm định và phê duyệt (hoặc phê duyệt điều chỉnh) Kế hoạch đấu thầu và Hồ sơ mời thầu của 01 hay nhiều gói thầu thuộc dự án đầu tư xây dựng sử dụng nguồn vốn Ngân sách Nhà nước của thành phố nhóm B, C được Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp cho Sở quyết định đầu tư và các gói thầu theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố - mã số hồ sơ: 043734

11.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Sửa đổi, bổ sung: Chuyển thẩm quyền thẩm định và phê duyệt Hồ sơ mời thầu cho Chủ đầu tư.

Lý do:

Căn cứ quy định của khoản 19, 20, Điều 2 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật liên quan đến đầu tư XDCB số 38/2009/QH12 ngày 19/6/2009 của Quốc hội (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/8/2009) và khoản 2, Điều 56, khoản 6, Điều 59, Điều 76 của Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/12/2009). Theo đó, Sở Xây dựng TPHCM không thẩm định và phê duyệt Hồ sơ mời thầu mà chỉ thẩm định và phê duyệt Kế hoạch đấu thầu

đối với các gói thầu thuộc các dự án nhóm B, C đã được UBND TP phân cấp cho Sở Xây dựng TPHCM quyết định đầu tư. Công việc thẩm định và phê duyệt Hồ sơ mời thầu được chuyển giao cho chủ đầu tư của dự án đầu tư xây dựng công trình thực hiện theo thẩm quyền.

b) Sửa đổi, bổ sung: Giảm thời gian giải quyết thủ tục xuống còn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Lý do:

Căn cứ quy định của khoản 19, 20, Điều 2 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật liên quan đến đầu tư XDCB số 38/2009/QH12 ngày 19/6/2009 của Quốc hội (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/8/2009) và khoản 2, Điều 56, khoản 6, Điều 59, Điều 76 của Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/12/2009). Theo đó, Sở Xây dựng TPHCM không thẩm định và phê duyệt Hồ sơ mời thầu mà chỉ thẩm định và phê duyệt Kế hoạch đấu thầu đối với các gói thầu thuộc các dự án nhóm B, C đã được UBND TP phân cấp cho Sở Xây dựng TPHCM quyết định đầu tư. Công việc thẩm định và phê duyệt Hồ sơ mời thầu được chuyển giao cho chủ đầu tư của dự án đầu tư xây dựng công trình thực hiện theo thẩm quyền.

11.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

1. Sửa đổi khoản 3, Điều 13 của Quyết định số 126/2007/QĐ-UBND ngày 20/10/2007 của UBND TPHCM ban hành Quy định về quản lý thực hiện các dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước của TPHCM.

2. Về thời hạn giải quyết thủ tục:

- Điều chỉnh khoản 6 Điều 31 của Luật Đấu thầu: “Thời gian thẩm định tối đa là hai mươi ngày cho việc thực hiện đối với nội dung về kế hoạch đấu thầu; bảy ngày cho việc thực hiện đối với từng nội dung về hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu. ...”

- Điều chỉnh khoản 1 Điều 8 của Nghị định số 85/2009/NĐ-CP: “Chủ đầu tư có trách nhiệm phê duyệt hồ sơ mời thầu, phê duyệt hoặc có ý kiến xử lý về kết quả lựa chọn nhà thầu trong thời hạn tối đa là ba ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của cơ quan, tổ chức thẩm định”.

12. Thủ tục Thẩm định và phê duyệt (hoặc phê duyệt điều chỉnh) Hồ sơ mời thầu đối với gói thầu thuộc dự án đầu tư xây dựng sử dụng nguồn vốn Ngân sách Nhà nước của thành phố nhóm B, C được Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phân cấp cho Sở quyết định đầu tư và các gói thầu theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh - mã số hồ sơ: 043998

12.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi, bổ sung:

1. Chuyên thẩm quyền giải quyết thủ tục cho Chủ đầu tư dự án xây dựng.
2. Giảm thời hạn giải quyết thủ tục còn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Lý do:

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một điều của các Luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản số 38/2009/QH12 ngày 19/6/2009 của Quốc hội; Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15/9/2009 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng.

12.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

1. Sửa đổi quy định tại Điều 13 của Quyết định số 126/2007/QĐ-UBND ngày 20/10/2007 của UBND TPHCM ban hành Quy định về quản lý thực hiện các dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước của TPHCM theo hướng nêu trên. Trong khi chờ sửa đổi toàn bộ Quyết định số 126/2007/QĐ-UBND, UBND TPHCM ban hành văn bản chỉ đạo thực hiện điều chỉnh thẩm quyền thực hiện thủ tục hành chính nêu trên.

2. Về thời hạn giải quyết thủ tục:

- Điều chỉnh khoản 6 Điều 31 của Luật Đấu thầu: “Thời gian thẩm định tối đa là hai mươi ngày cho việc thực hiện đối với nội dung về kế hoạch đấu thầu; bảy ngày cho việc thực hiện đối với từng nội dung về hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu...”

- Điều chỉnh khoản 1 Điều 8 của Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15/9/2009 của Chính phủ: “Chủ đầu tư có trách nhiệm phê duyệt hồ sơ mời thầu, phê duyệt hoặc có ý kiến xử lý về kết quả lựa chọn nhà thầu trong thời hạn tối đa là ba ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của cơ quan, tổ chức thẩm định”.

13. Thủ tục Cấp Giấy phép xây dựng công trình ngầm đô thị - mã số hồ sơ: 048907

13.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Sửa đổi, bổ sung: Rút ngắn thời hạn giải quyết thủ tục hành chính.

Lý do:

Cải tiến quy trình làm việc, kéo giảm thời gian thụ lý hồ sơ ở các công đoạn.

b) Sửa mẫu đơn “Đơn xin cấp phép xây dựng”:

- Bỏ yêu cầu xác nhận của UBND phường/xã;

- Bổ sung thông tin về nội dung xin phép xây dựng cụ thể hơn để có thể dùng chung mẫu đơn cho nhiều loại công trình xây dựng khác.

Lý do:

Cải tiến quy trình làm việc, kéo giảm thời gian thụ lý hồ sơ ở các công đoạn.

13.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

1. Sửa đổi khoản 4 Điều 25 Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 10/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

2. Sửa mẫu đơn “Đơn xin cấp giấy phép xây dựng” ban hành kèm theo quyết định số 04/2006/QĐ-UBND ngày 17/01/2006 của UBND thành phố quy định về cấp giấy phép xây dựng và quản lý xây dựng theo giấy phép trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

14. Thủ tục Cấp Giấy phép xây dựng trạm thu phát sóng thông tin di động (BTS) loại 1 - mã số hồ sơ: 048989

14.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi, bổ sung: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính còn 15 ngày thay vì 20 ngày như quy định.

Lý do:

Cải tiến quy trình làm việc, kéo giảm thời gian thụ lý hồ sơ ở các công đoạn.

14.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Sửa đổi khoản 4 Điều 25 Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 10/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

15. Thủ tục Cấp Giấy phép xây dựng trạm thu phát sóng thông tin di động (BTS) loại 2 - mã số hồ sơ: 149956

15.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi, bổ sung: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính còn 15 ngày thay vì 20 ngày như quy định.

Lý do:

Cải tiến quy trình làm việc, kéo giảm thời gian thụ lý hồ sơ ở các công đoạn.

15.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Sửa đổi khoản 4 Điều 25 Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 10/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

16. Thủ tục Thẩm định và phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư có sử dụng vốn ngân sách thành phố - mã số hồ sơ: 044505

16.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi, bổ sung: Không phải xin phép xây dựng đối với các công trình sử dụng nguồn vốn ngân sách sau khi đã được cơ quan thẩm quyền thẩm định và phê duyệt. Bổ sung quy định: “Công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng (hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật) đã được Thủ tướng chính phủ, Bộ trưởng, thủ trưởng cấp Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định đầu tư.”

Lý do:

Theo Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình thì:

“Trước khi khởi công xây dựng công trình, chủ đầu tư phải có giấy phép xây dựng trừ công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt”.

Như vậy, quy trình lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật (tổng mức đầu tư <15 tỷ đồng) đối với các công trình sử dụng nguồn vốn ngân sách vừa phải được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt đồng thời phải xin phép xây dựng mới được khởi công xây dựng trong khi đối với dự án đầu tư (tổng mức đầu tư >15 tỷ đồng) lại được miễn phép.

16.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Sửa đổi khoản 2, Điều 4 Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

17. Thủ tục Cấp chứng chỉ hành nghề Giám sát thi công xây dựng công trình - mã số hồ sơ: 048346

17.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a). Sửa đổi, bổ sung: Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 25 ngày xuống còn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Lý do:

Do việc kiểm tra, xem xét các giấy tờ do cá nhân nộp không mất nhiều thời gian.

b). Sửa đổi, bổ sung: Giao cho Giám đốc Sở Xây dựng toàn quyền quyết định cấp chứng chỉ hành nghề, không cần thành lập và thông qua Hội đồng tư vấn.

Lý do:

Trước khi Giám đốc SXD quyết định cấp chứng chỉ, hồ sơ đăng ký của cá nhân phải trình cho từng thành viên của Hội đồng tư vấn xem xét, cho ý kiến; nhưng quyền quyết định cuối cùng vẫn thuộc về Giám đốc SXD. Việc trình hồ sơ cho Hội đồng mất thời gian nhiều nhất trong quá trình xem xét vì các thành viên Hội đồng là cá nhân làm việc ở những đơn vị khác nhau, có nhiều công tác khác nên khi nhận được hồ sơ phải chờ đợi để được xem xét, trong khi vẫn không chịu trách nhiệm, không có ý nghĩa quyết định.

c) Sửa đổi, bổ sung: Tăng lệ phí cấp chứng chỉ lên mức 500.000đ/chứng chỉ.

Lý do:

Quy trình thực hiện cấp chứng chỉ cần các chi phí như in phôi chứng chỉ, lập bản đánh giá, gửi hồ sơ đăng ký của cá nhân tới từng thành viên của Hội đồng tư vấn cho ý kiến, in nội dung lên chứng chỉ... Với mức thu như hiện tại không đủ cho chi phí cần thiết.

d). Sửa đổi, bổ sung: Về mẫu đơn/tờ khai xin cấp chứng chỉ hành nghề:

- Bổ sung thêm ngôn ngữ (tiếng Anh);
- Bổ sung thêm phần khai báo địa chỉ của người xin cấp chứng chỉ.

Lý do:

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính.

e). Sửa đổi, bổ sung: Về yêu cầu/điều kiện của thủ tục: Không quy định việc phải là các công trình đã được nghiệm thu bàn giao đối với điều kiện số công trình đã tham gia.

Lý do:

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính

17.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

1. Sửa quy định về thời hạn giải quyết thủ tục tại khoản 3, Điều 8 Thông tư số 12/2009/TT-BXD ngày 24/6/2009 của Bộ Xây dựng hướng dẫn chi tiết về cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng.

2. Bãi bỏ các quy định liên quan về Hội đồng tư vấn trong Thông tư số 12/2009/TT-BXD ngày 24/6/2009 của Bộ Xây dựng (Điều 3, khoản 2 - Điều 8, khoản 3 - Điều 9, Điều 11, điểm b - khoản 2 - Điều 12).

3. Sửa đổi mức thu lệ phí quy định tại Điều 2 - Thông tư số 167/2009/TT-BTC ngày 19/8/2009 của Bộ Tài chính Quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí trong lĩnh vực xây dựng.

4. Về mẫu đơn/tờ khai: sửa Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2009/TT-BXD ngày 24/6/2009 của Bộ Xây dựng hướng dẫn chi tiết về cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng.

5. Về yêu cầu/ điều kiện: sửa điểm c, khoản 4, Điều 6 của Thông tư số

12/2009/TT-BXD ngày 24/6/2009 của Bộ Xây dựng hướng dẫn chi tiết về cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng.

18. Thủ tục Cấp chứng chỉ hành nghề Kiến trúc sư hoạt động xây dựng - mã số hồ sơ: 048312

18.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

a) Sửa đổi, bổ sung: Chuyển thẩm quyền cấp Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng cho Hiệp hội nghề nghiệp để xã hội hóa và phù hợp với thông lệ quốc tế;

Lý do:

Để tăng cường vai trò, trách nhiệm của các Hội, Hiệp hội (yêu cầu các Hội, Hiệp hội có ý kiến về năng lực kinh nghiệm các cá nhân trước khi cấp chứng chỉ và giải quyết cấp chứng chỉ theo danh sách do Hiệp, Hội chuyển đến và cơ chế liên đới chịu trách nhiệm của tổ chức cấp chứng chỉ đối với các vi phạm của nhà thầu, đơn vị tư vấn trong quá trình hoạt động; đồng thời xác định trách nhiệm của các cơ quan Nhà nước trong kiểm tra, xử lý vi phạm, quy trình, thủ tục phối hợp xử lý vi phạm...).

b) Sửa đổi, bổ sung: Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính xuống còn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Lý do:

Có thể sắp xếp rút ngắn thời gian nếu quy trình không phải thông qua Hội đồng tư vấn xét cấp chứng chỉ hành nghề (phụ thuộc vào thời gian của các thành viên Hội đồng mà cơ cấu thuộc các sở, ngành, hội nghề nghiệp ngoài Sở Xây dựng) và chỉ thực hiện các nghiệp vụ ở cơ quan Sở Xây dựng. Việc có Hội đồng tư vấn hay không, quyết định cuối cùng cấp hay không cấp chứng chỉ hành nghề thuộc thẩm quyền Giám đốc Sở Xây dựng. Sở Xây dựng là cơ quan chịu trách nhiệm toàn diện về việc cấp và quản lý sau khi cấp chứng chỉ hành nghề.

18.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

1. Sửa đổi các nội dung liên quan đến chức năng, thẩm quyền, trách nhiệm quản lý việc cấp các loại chứng chỉ hành nghề được quy định tại Thông tư số 12/2009/TT-BXD ngày 24/6/2009 của Bộ Xây dựng.

2. Sửa đổi các nội dung liên quan đến trình tự, thủ tục, thời hạn giải quyết việc

cấp các loại chứng chỉ hành nghề được quy định tại Thông tư số 12/2009/TT-BXD ngày 24/6/2009 của Bộ Xây dựng.

19. Thủ tục Cấp chứng chỉ hành nghề Kỹ sư hoạt động xây dựng - mã số hồ sơ: 048246

19.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

a) Sửa đổi, bổ sung: Chuyển thẩm quyền cấp Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng cho Hiệp hội nghề nghiệp để xã hội hóa và phù hợp với thông lệ quốc tế.

Lý do:

Để tăng cường vai trò, trách nhiệm của các Hội, Hiệp hội (yêu cầu các Hội, Hiệp hội có ý kiến về năng lực kinh nghiệm các cá nhân trước khi cấp chứng chỉ và giải quyết cấp chứng chỉ theo danh sách do Hiệp, Hội chuyển đến và cơ chế liên đới chịu trách nhiệm của tổ chức cấp chứng chỉ đối với các vi phạm của nhà thầu, đơn vị tư vấn trong quá trình hoạt động; đồng thời xác định trách nhiệm của các cơ quan Nhà nước trong kiểm tra, xử lý vi phạm, quy trình, thủ tục phối hợp xử lý vi phạm...)

b) Sửa đổi, bổ sung: Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính xuống còn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Lý do:

Có thể sắp xếp rút ngắn thời gian nếu quy trình không phải thông qua Hội đồng tư vấn xét cấp chứng chỉ hành nghề (phụ thuộc vào thời gian của các thành viên Hội đồng mà cơ cấu thuộc các sở, ngành, hội nghề nghiệp ngoài Sở Xây dựng) và chỉ thực hiện các nghiệp vụ ở cơ quan Sở Xây dựng. Việc có Hội đồng tư vấn hay không, quyết định cuối cùng cấp hay không cấp chứng chỉ hành nghề thuộc thẩm quyền Giám đốc Sở Xây dựng. Sở Xây dựng là cơ quan chịu trách nhiệm toàn diện về việc cấp và quản lý sau khi cấp chứng chỉ hành nghề.

19.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

1. Sửa đổi các nội dung liên quan đến chức năng, thẩm quyền, trách nhiệm quản lý việc cấp các loại chứng chỉ hành nghề được quy định tại Thông tư số 12/2009/TT-BXD ngày 24/6/2009 của Bộ Xây dựng.

2. Sửa đổi các nội dung liên quan đến trình tự, thủ tục, thời hạn giải quyết việc

cấp các loại chứng chỉ hành nghề được quy định tại Thông tư số 12/2009/TT-BXD ngày 24/6/2009 của Bộ Xây dựng.

20. Thủ tục Cấp lại chứng chỉ hành nghề Kiến trúc sư, kỹ sư, giám sát thi công xây dựng công trình - mã số hồ sơ: 149791

20.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

Sửa đổi, bổ sung: Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính đã công bố từ 25 ngày xuống còn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Lý do:

Do trong trường hợp cấp lại chứng chỉ bị mất hoặc rách, nát thì Giám đốc Sở Xây dựng tự xem xét quyết định, không phải thông qua Hội đồng tư vấn.

20.2. Kiến nghị thực thi (*nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung*)

Sửa đổi khoản 3, Điều 9 Thông tư số 12/2009/TT-BXD ngày 24/6/2009 của Bộ Xây dựng hướng dẫn chi tiết về cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng.

21. Thủ tục Cấp bổ sung chứng chỉ hành nghề Kiến trúc sư, kỹ sư, giám sát thi công xây dựng công trình - mã số hồ sơ: 149737

21.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

Sửa đổi, bổ sung: Rút ngắn thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 30 ngày làm việc xuống còn 25 ngày làm việc.

Lý do:

Do cải tiến quy trình thụ lý hồ sơ.

21.2. Kiến nghị thực thi (*nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung*)

Sửa đổi khoản 3 Điều 9 Thông tư số 12/2009/TT-BXD ngày 24/6/2009 của Bộ Xây dựng hướng dẫn chi tiết về cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng.

22. Thủ tục Tiếp nhận báo cáo của chủ đầu tư về chất lượng công trình xây dựng - mã số hồ sơ: 049171

22.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi, bổ sung: Quy định cụ thể về thời hạn giải quyết thủ tục hành chính là trong vòng 40 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo về chất lượng công trình, Sở Xây dựng sẽ tiến hành kiểm tra quy trình quản lý chất lượng để có các xử lý, hướng dẫn phù hợp.

Lý do:

Hiện chưa có quy định cụ thể nào về thời hạn xử lý hồ sơ trong trường hợp có phát sinh.

22.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Sửa khoản 6 Điều 4 Thông tư số 27/2009/TT-BXD ngày 31/7/2009 của Bộ Xây dựng: bổ sung việc chủ đầu tư phải chấp hành các xử lý, hướng dẫn của Sở Xây dựng về hoàn chỉnh quy trình, thủ tục Quản lý chất lượng theo kết quả kiểm tra của Sở Xây dựng, tiến hành trong thời gian 40 ngày sau khi nhận được báo cáo về chất lượng công trình.

23. Thủ tục Tiếp nhận báo cáo nhanh sự cố công trình xây dựng - mã số hồ sơ: 150002

23.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi, bổ sung: Quy định về thời gian xử lý thông tin sau khi nhận báo cáo nhanh về sự cố công trình xây dựng như sau về thời gian xử lý thông tin sau khi nhận báo cáo nhanh về sự cố công trình xây dựng để Sở Xây dựng có văn bản hướng dẫn hay đề xuất xử lý, khắc phục: “trong thời hạn 3 ngày sau khi nhận được báo cáo nhanh về sự cố công trình...”.

Lý do:

Hiện chưa có quy định cụ thể nào về thời hạn xử lý hồ sơ trong trường hợp có phát sinh.

23.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bổ sung tại điểm b, khoản 2, Điều 21 của Thông tư số 27/2009/TT-BXD ngày 31/7/2009 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

24. Thủ tục Cấp chứng chỉ định giá bất động sản - mã số hồ sơ: 048437

24.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Sửa đổi, bổ sung: Về thành phần hồ sơ:

+ Thống nhất sử dụng một cỡ hình 3x4.

+ Quy định rõ số lượng bộ hồ sơ cần nộp là 01 bộ.

Lý do:

Do các văn bản quy định về thủ tục hành chính này không quy định cụ thể số lượng bộ hồ sơ người xin cấp chứng chỉ phải nộp khi thực hiện thủ tục. Quy định về cỡ ảnh không thống nhất trong các văn bản quy định do cơ quan nhà nước ban hành, gây khó khăn phiền hà cho người dân có nhu cầu.

b) Sửa đổi, bổ sung: Về thời hạn giải quyết thủ tục hành chính:

Quy định cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và cấp chứng chỉ trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Lý do:

Do việc cấp chứng chỉ thực hiện chỉ đơn giản dựa trên cơ sở kiểm tra, xem xét các giấy tờ do cá nhân nộp mà không cần phải xin ý kiến tham vấn hay thỏa thuận của cơ quan hành chính khác.

c) Sửa đổi, bổ sung: Về yêu cầu, điều kiện của thủ tục hành chính:

Quy định người có nhu cầu cấp chứng chỉ định giá bất động sản phải có bằng tốt nghiệp cao đẳng hoặc đại học chuyên ngành kinh tế, tài chính, bất động sản.

Lý do:

Để đảm bảo cho cá nhân có đủ năng lực chuyên môn để thực hiện dịch vụ định giá bất động sản.

24.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

1. Về thành phần hồ sơ:

- Sửa đổi quy định dán hình cỡ 3 x 4 trong mẫu đơn xin cấp chứng chỉ tại Phụ lục số 6 ban hành kèm theo Thông tư số 13/2008/TT-BXD ngày 21/5/2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 153/2007/NĐ-CP ngày 15/10/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Kinh doanh bất động sản.

- Sửa đổi khoản 2 Điều 14 Nghị định số 153/2007/NĐ-CP ngày 15/10/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Kinh doanh bất động sản.

2. Về thời hạn giải quyết thủ tục hành chính:

Sửa đổi khoản 2 Điều 16 Nghị định số 153/2007/NĐ-CP ngày 15/10/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Kinh doanh bất động sản.

3. Về yêu cầu, điều kiện: Bổ sung ở điểm d khoản 1 Điều 15 Nghị định số 153/2007/NĐ-CP ngày 15/10/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Kinh doanh bất động sản.

25. Thủ tục Cấp chứng chỉ môi giới bất động sản - mã số hồ sơ: 048207

25.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

a) Sửa đổi, bổ sung: Về thành phần hồ sơ:

+ Thống nhất sử dụng một cỡ hình 3 x 4.

+ Quy định rõ số lượng bộ hồ sơ cần nộp là 01 bộ.

Lý do:

Do các văn bản quy định về thủ tục hành chính này không quy định cụ thể số lượng bộ hồ sơ người xin cấp chứng chỉ phải nộp khi thực hiện thủ tục. Quy định về cỡ ảnh không thống nhất trong các văn bản quy định do cơ quan nhà nước ban hành, gây khó khăn phiền hà cho người dân có nhu cầu.

b) Sửa đổi, bổ sung: Về thời hạn giải quyết thủ tục hành chính:

Quy định cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và cấp chứng chỉ trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Lý do:

Do việc cấp chứng chỉ thực hiện chỉ đơn giản dựa trên cơ sở kiểm tra, xem xét các giấy tờ do cá nhân nộp mà không cần phải xin ý kiến tham vấn hay thỏa thuận của cơ quan hành chính khác.

25.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

1. Về thành phần hồ sơ:

- Sửa đổi quy định dán hình cỡ 3 x 4 trong mẫu đơn xin cấp chứng chỉ tại Phụ lục số 6 ban hành kèm theo Thông tư số 13/2008/TT-BXD ngày 21/5/2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 153/2007/NĐ-CP ngày 15/10/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Kinh doanh bất động sản.

- Sửa đổi khoản 2 Điều 15 Nghị định số 153/2007/NĐ-CP ngày 15/10/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Kinh doanh bất động sản.

2. Về thời hạn giải quyết thủ tục hành chính:

Sửa đổi khoản 2 Điều 16 Nghị định số 153/2007/NĐ-CP ngày 15/10/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Kinh doanh bất động sản.

26. Thủ tục Cấp lại chứng chỉ định giá bất động sản, môi giới bất động sản (trong trường hợp chứng chỉ bị rách, nát hoặc mất) - mã số hồ sơ: 150777

26.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi, bổ sung: Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính bằng quy định cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và cấp chứng chỉ trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Lý do:

Do việc cấp chứng chỉ thực hiện chỉ đơn giản dựa trên cơ sở kiểm tra, xem xét các giấy tờ do cá nhân nộp mà không cần phải xin ý kiến tham vấn hay thỏa thuận của cơ quan hành chính khác.

26.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Sửa đổi khoản 2 Điều 16 Nghị định số 153/2007/NĐ-CP ngày 15/10/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Kinh doanh bất động sản.

27. Thủ tục Thỏa thuận xây dựng biển quảng cáo - mã số hồ sơ: 048960

27.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính “Thỏa thuận xây dựng biển quảng cáo”.

Lý do:

“Thủ tục” này thực chất là sự trao đổi ý kiến nội bộ giữa hai cơ quan quản lý nhà nước (Sở Xây dựng và Sở VH-TT-DL), không thuộc phạm vi thống kê, rà soát của đề án.

27.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bỏ nội dung thủ tục đã công bố Bộ Thủ tục hành chính của Sở Xây dựng ban hành kèm theo Quyết định số 4187/QĐ-UBND ngày 05/9/2009 của UBND thành phố Hồ Chí Minh.

28. Thủ tục Tiếp nhận và quản lý giấy chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng do chủ đầu tư gửi - mã số hồ sơ: 149677

28.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính “Tiếp nhận và quản lý giấy chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng do chủ đầu tư gửi”.

Lý do:

Thủ tục hành chính khi thực hiện không đáp ứng mục tiêu do toàn bộ quá trình thực hiện chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực do chủ đầu tư tổ chức thực hiện, đơn vị tư vấn do chủ đầu tư thuê nên kết quả chứng nhận không đáng tin cậy.

28.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bỏ nội dung liên quan tại điểm a khoản 3 Phần II Thông tư số 16/2008/TT-BXD ngày 11/9/2008 của Bộ Xây dựng .

- Bỏ nội dung thủ tục đã công bố Bộ Thủ tục hành chính của Sở Xây dựng ban hành kèm theo Quyết định số 4187/QĐ-UBND ngày 05/9/2009 của UBND thành phố Hồ Chí Minh.

29. Thủ tục Phê duyệt phương án phá dỡ các công trình xây dựng - mã số hồ sơ: 149704

29.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính “Phê duyệt phương án phá dỡ các công trình xây dựng”.

Lý do:

Phương án tháo dỡ được lập căn cứ trên kết quả khảo sát hiện trạng công trình do đơn vị chuyên môn thực hiện, tự chịu trách nhiệm, cơ quan quản lý nhà nước không đủ điều kiện để khẳng định phương án được lập có phù hợp thực tế hay không.

29.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bỏ nội dung thủ tục đã công bố Bộ Thủ tục hành chính của Sở Xây dựng ban hành kèm theo Quyết định số 4187/QĐ-UBND ngày 05/9/2009 của UBND thành phố Hồ Chí Minh.

30. Thủ tục Kiểm tra công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng - mã số hồ sơ: 149691

30.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính “Kiểm tra công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng”.

Lý do:

Kiểm tra công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng của cơ quan quản lý nhà nước là nhằm tăng cường việc tuân thủ các quy định về quản lý chất lượng công trình dựa trên thực tế kiểm tra nhiều công trình, nhiều đợt, mang tính tổng kết, không phải cho một công trình hay đối tượng riêng lẻ. Đây là một công tác thường xuyên và cần thiết của cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng, không phải và cũng không đủ yếu tố để cấu thành một thủ tục hành chính. Do đó, công tác này không phải là một thủ tục hành chính thuộc phạm vi thống kê của Đề án 30. Vì vậy, Sở Xây dựng kiến

ngộ loại bỏ nội dung của thủ tục hành chính đã công bố kèm theo quyết định số 4187/QĐ-UBND ngày 05/9/2009 của UBND thành phố.

30.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bỏ nội dung thủ tục đã công bố Bộ Thủ tục hành chính của Sở Xây dựng ban hành kèm theo Quyết định số 4187/QĐ-UBND ngày 05/9/2009 của UBND thành phố Hồ Chí Minh.

31. Thủ tục Thỏa thuận cấp phép khai thác mỏ để sản xuất sản phẩm đá, phụ gia và vật liệu xây dựng - mã số hồ sơ: 049223

31.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính “Thỏa thuận cấp phép khai thác mỏ để sản xuất sản phẩm đá, phụ gia và vật liệu xây dựng”.

Lý do:

Sở Xây dựng thấy không cần thiết phải thực hiện thủ tục này. Khi có phát sinh, cơ quan cấp phép chỉ cần gửi 01 bộ hồ sơ hoàn chỉnh để Sở Xây dựng theo dõi và thực hiện quản lý nhà nước về vật liệu xây dựng.

31.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bỏ nội dung thủ tục đã công bố Bộ Thủ tục hành chính của sở Xây dựng ban hành kèm theo quyết định số 4187/QĐ-UBND ngày 05/9/2009 của UBND thành phố Hồ Chí Minh.

32. Thủ tục Giải quyết hồ sơ khiếu nại đòi lại nhà do Nhà nước đã quản lý, bố trí sử dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố - mã số hồ sơ: 044877

32.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính “Giải quyết hồ sơ khiếu nại đòi lại nhà do Nhà nước đã quản lý, bố trí sử dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố”.

Lý do:

Để đảm bảo tính công bằng trong quá trình giải quyết vụ việc (vì xét xử công khai, có tranh tụng giữa 02 bên,...); hệ thống Tòa án được tổ chức đồng bộ, phán quyết có hiệu lực, có lực lượng cưỡng chế thi hành; cơ quan hành chính có trách nhiệm hơn trong việc ban hành quyết định hành chính, thực hiện hành vi hành chính; cơ quan hành chính tập trung vào công tác chuyên môn, không mất thời gian và tiền bạc vào giải quyết khiếu nại.

32.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bỏ từ Điều 17 đến Điều 56 Luật Khiếu nại, tố cáo năm 1998.

- Bỏ nội dung thủ tục đã công bố Bộ Thủ tục hành chính của Sở Xây dựng ban hành kèm theo Quyết định số 4187/QĐ-UBND ngày 05/9/2009 của UBND thành phố Hồ Chí Minh.

33. Thủ tục Giải quyết hồ sơ khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Giám đốc Sở Xây dựng - mã số hồ sơ: 044889

33.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính “Giải quyết hồ sơ khiếu nại đòi lại nhà do Nhà nước đã quản lý, bố trí sử dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố”.

Lý do:

Để đảm bảo tính công bằng trong quá trình giải quyết vụ việc (vì xét xử công khai, có tranh tụng giữa 02 bên,...); hệ thống Tòa án được tổ chức đồng bộ, phán quyết có hiệu lực, có lực lượng cưỡng chế thi hành; cơ quan hành chính có trách nhiệm hơn trong việc ban hành quyết định hành chính, thực hiện hành vi hành chính; cơ quan hành chính tập trung vào công tác chuyên môn, không mất thời gian và tiền bạc vào giải quyết khiếu nại.

33.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bỏ từ Điều 17 đến Điều 56 Luật Khiếu nại, tố cáo năm 1998.

- Bỏ nội dung thủ tục đã công bố Bộ Thủ tục hành chính của Sở Xây dựng ban hành kèm theo Quyết định số 4187/QĐ-UBND ngày 05/9/2009 của UBND thành phố Hồ Chí Minh.

34. Thủ tục Giải quyết hồ sơ tranh chấp quyền sử dụng nhà thuộc sở hữu Nhà nước, khiếu nại việc mua nhà thuộc sở hữu Nhà nước, khiếu nại liên quan hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân thành phố trong việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và quyền sử dụng đất ở thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố - mã số hồ sơ: 044901

34.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính “Giải quyết hồ sơ khiếu nại đòi lại nhà do Nhà nước đã quản lý, bố trí sử dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố”.

Lý do:

Để đảm bảo tính công bằng trong quá trình giải quyết vụ việc (vì xét xử công khai, có tranh tụng giữa 02 bên,...); hệ thống Tòa án được tổ chức đồng bộ, phán quyết có hiệu lực, có lực lượng cưỡng chế thi hành; cơ quan hành chính có trách nhiệm hơn trong việc ban hành quyết định hành chính, thực hiện hành vi hành chính; cơ quan hành chính tập trung vào công tác chuyên môn, không mất thời gian và tiền bạc vào giải quyết khiếu nại.

34.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bỏ từ Điều 17 đến Điều 56 Luật Khiếu nại, tố cáo năm 1998.

- Bỏ nội dung thủ tục đã công bố Bộ Thủ tục hành chính của Sở Xây dựng ban hành kèm theo Quyết định số 4187/QĐ-UBND ngày 05/9/2009 của UBND thành phố Hồ Chí Minh.

35. Thủ tục Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng công trình xây dựng cho tổ chức - mã số hồ sơ: 044751

35.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Thay thế thủ tục hành chính, thay thế mẫu đơn và điều kiện thực hiện thủ tục hành chính.

Lý do:

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thay thế Nghị định số 95/2005/NĐ-CP ngày 15/7/2005 của Chính phủ về việc cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sở hữu công trình xây dựng.

35.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Thay thế thủ tục “Cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng cho tổ chức” bằng thủ tục “Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” được quy định bởi Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ.

36. Thủ tục Cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cho tổ chức - mã số hồ sơ: 044764

36.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Thay thế thủ tục hành chính, thay thế mẫu đơn và điều kiện thực hiện thủ tục hành chính.

Lý do:

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thay thế Nghị định số 95/2005/NĐ-CP ngày 15/7/2005 của Chính phủ về việc cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sở hữu công trình xây dựng.

36.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Thay thế thủ tục này bằng thủ tục “Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” được quy định bởi Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ.

37. Thủ tục Cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng cho tổ chức - mã số hồ sơ: 044809

37.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Thay thế thủ tục hành chính, thay thế mẫu đơn và điều kiện thực hiện thủ tục hành chính.

Lý do:

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thay thế Nghị định số 95/2005/NĐ-CP ngày 15/7/2005 của Chính phủ về việc cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sở hữu công trình xây dựng.

37.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Thay thế thủ tục này bằng thủ tục “Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” được quy định bởi Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ.

38. Thủ tục Cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cho tổ chức - mã số hồ sơ: 044810

38.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Thay thế thủ tục hành chính, thay thế mẫu đơn và điều kiện thực hiện thủ tục hành chính.

Lý do:

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thay thế Nghị định số 95/2005/NĐ-CP ngày 15/7/2005 của Chính phủ về việc cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sở hữu công trình xây dựng.

38.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Thay thế thủ tục này bằng thủ tục “Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” được quy định bởi Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ.

39. Thủ tục Cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cho tổ chức nhận chuyển nhượng căn hộ chung cư, phần sở hữu riêng trong nhà chung cư trong dự án đầu tư xây dựng nhà của tổ chức kinh doanh nhà ở - mã số hồ sơ: 149106

39.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Thay thế thủ tục hành chính, thay thế mẫu đơn và điều kiện thực hiện thủ tục hành chính.

Lý do:

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thay thế Nghị định số 95/2005/NĐ-CP ngày 15/7/2005 của Chính phủ về việc cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sở hữu công trình xây dựng.

39.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Thay thế thủ tục này bằng thủ tục “Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” được quy định bởi Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ.

40. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cho tổ chức, cá nhân nước ngoài mua nhà ở tại Việt Nam - mã số hồ sơ: 149438

40.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Thay thế thủ tục hành chính, thay thế mẫu đơn và điều kiện thực hiện thủ tục hành chính.

Lý do:

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thay thế Nghị định số 95/2005/NĐ-CP ngày 15/7/2005 của Chính phủ về việc cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sở hữu công trình xây dựng.

40.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Thay thế thủ tục này bằng thủ tục “Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” được quy định bởi Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ.

41. Thủ tục Xác nhận thay đổi trên giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng cho tổ chức - mã số hồ sơ: 048826

41.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Thay thế thủ tục hành chính, thay thế mẫu đơn và điều kiện thực hiện thủ tục hành chính.

Lý do:

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thay thế Nghị định số 95/2005/NĐ-CP ngày 15/7/2005 của Chính phủ về việc cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sở hữu công trình xây dựng.

41.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Thay thế thủ tục này bằng thủ tục “Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” được quy định bởi Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ.

42. Thủ tục xác nhận thay đổi trên giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cho tổ chức, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở - mã số hồ sơ: 048877

42.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Thay thế thủ tục hành chính, thay thế mẫu đơn và điều kiện thực hiện thủ tục hành chính.

Lý do:

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thay thế Nghị định số 95/2005/NĐ-CP ngày 15/7/2005 của Chính phủ về việc cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sở hữu công trình xây dựng.

42.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Thay thế thủ tục này bằng thủ tục “Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” được quy định bởi Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ.

XII. CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ Y TẾ

1. Thủ tục Cấp mới Chứng chỉ hành nghề Dược đối với công dân Việt Nam - mã số hồ sơ: 021108

1.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ biểu mẫu bản cam kết trong thành phần hồ sơ cấp Chứng chỉ hành nghề Dược và Chuyển nội dung bản cam kết: “Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân, Luật Dược, các chương trình y tế quốc gia phổ cập, các quy định về chuyên môn kỹ thuật y tế, về giá thu phí và các văn bản quy phạm pháp luật khác về y tế có liên quan. Nếu vi phạm tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.” vào biểu mẫu đơn đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề Dược.

Lý do:

Căn cứ vào Nghị định số 79/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Dược, nội dung cam kết không cần thiết phải quy định thêm bản cam kết trong thành phần hồ sơ.

1.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Khoản 1, Điều 16, Mục 1, Chương 4 - Nghị định số 79/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Dược.

2. Thủ tục Cấp lại Chứng chỉ hành nghề Dược - mã số hồ sơ: 021175

2.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ biểu mẫu bản cam kết trong thành phần hồ sơ cấp lại Chứng chỉ hành nghề Dược và chuyển nội dung bản cam kết: “Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân, Luật Dược, các chương trình y tế quốc gia phổ cập, các quy định về chuyên môn kỹ thuật y tế, về giá thu phí và các văn bản quy phạm pháp luật khác về y tế có liên quan. Nếu vi phạm tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.” vào biểu mẫu đơn đề nghị cấp lại Chứng chỉ hành nghề Dược.

Lý do:

Căn cứ vào Nghị định số 79/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Dược, nội dung cam kết không cần thiết phải quy định thêm bản cam kết trong thành phần hồ sơ.

2.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Khoản 1, Điều 16, Mục 1, Chương 4 - Nghị định số 79/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Dược.

3. Thủ tục Đổi Chứng chỉ hành nghề Dược đối với công dân Việt Nam - mã số hồ sơ: 021222

3.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ biểu mẫu bản cam kết trong thành phần hồ sơ cấp đổi Chứng chỉ hành nghề Dược và chuyển nội dung bản cam kết: “Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân, Luật Dược, các chương trình y tế quốc gia phổ cập, các quy định về chuyên môn kỹ thuật y tế, về giá thu phí và các văn bản quy phạm pháp luật khác về y tế có liên quan. Nếu vi phạm tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.” vào biểu mẫu đơn đề nghị cấp, đổi Chứng chỉ hành nghề Dược.

Lý do:

Căn cứ vào Nghị định số 79/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Dược, nội dung cam kết không cần thiết phải quy định thêm bản cam kết trong thành phần hồ sơ.

3.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Khoản 1, Điều 16, Mục 1, Chương 4 - Nghị định số 79/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Dược.

4. Thủ tục Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề Dược đối với công dân Việt Nam - mã số hồ sơ: 021306

4.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ biểu mẫu bản cam kết trong thành phần hồ sơ cấp gia hạn Chứng chỉ hành nghề Dược và Chuyển nội dung bản cam kết: “Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân, Luật Dược, các chương trình y tế quốc gia phổ cập, các quy định về chuyên môn kỹ thuật y tế, về giá thu phí và các văn bản quy phạm pháp luật khác về y tế có liên quan. Nếu vi phạm tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.” vào biểu mẫu đơn đề nghị cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề Dược.

Lý do:

Căn cứ vào Nghị định số 79/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Dược, nội dung cam kết không cần thiết phải quy định thêm bản cam kết trong thành phần hồ sơ.

4.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Khoản 1, Điều 16, Mục 1, Chương 4 - Nghị định số 79/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Dược.

5. Thủ tục Cấp mới Chứng chỉ hành nghề Dược đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài - mã số hồ sơ: 021344

5.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ biểu mẫu bản cam kết trong thành phần hồ sơ cấp Chứng chỉ hành nghề Dược và Chuyển nội dung bản cam kết: “Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân, Luật Dược, các chương trình y tế quốc gia phổ cập, các quy định về chuyên môn kỹ thuật y tế, về giá thu phí và các văn bản quy phạm pháp luật khác về y tế có liên quan. Nếu vi phạm tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.” vào biểu mẫu đơn đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề Dược.

Lý do:

Căn cứ vào Nghị định số 79/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Dược, nội dung cam kết không cần thiết phải quy định thêm bản cam kết trong thành phần hồ sơ.

5.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Khoản 2, Điều 16, Mục 1, Chương IV - Nghị định số 79/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Dược.

6. Thủ tục Cấp lại Chứng chỉ hành nghề Dược đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài - mã số hồ sơ: 021446

6.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ biểu mẫu bản cam kết trong thành phần hồ sơ cấp lại Chứng chỉ hành nghề Dược và Chuyển nội dung bản cam kết: “Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân, Luật Dược, các chương trình y tế quốc gia phổ cập, các quy định về chuyên môn kỹ thuật y tế, về giá thu phí và các văn bản quy phạm pháp luật khác về y tế có liên quan. Nếu vi phạm tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.” vào biểu mẫu đơn đề nghị cấp lại Chứng chỉ hành nghề Dược.

Lý do:

Căn cứ vào Nghị định số 79/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Dược, nội dung cam kết không cần thiết phải quy định thêm bản cam kết trong thành phần hồ sơ.

6.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Khoản 2, Điều 16, Mục 1, Chương IV - Nghị định số 79/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Dược.

7. Thủ tục Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề Dược đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài - mã số hồ sơ: 021492

7.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

Bỏ biểu mẫu bản cam kết trong thành phần hồ sơ cấp gia hạn Chứng chỉ hành nghề Dược và Chuyển nội dung bản cam kết: “Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân, Luật Dược, các chương trình y tế quốc gia phổ cập, các quy định về chuyên môn kỹ thuật y tế, về giá thu phí và các văn bản quy phạm pháp luật khác về y tế có liên quan. Nếu vi phạm tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.” vào biểu mẫu đơn đề nghị cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề Dược.

Lý do:

Căn cứ vào Nghị định số 79/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Dược, nội dung cam kết không cần thiết phải quy định thêm bản cam kết trong thành phần hồ sơ.

7.2. Kiến nghị thực thi (*nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung*)

Điều 16 - Nghị định số 79/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Dược.

8. Thủ tục Cấp đổi Chứng chỉ hành nghề Dược đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài - mã số hồ sơ: 021564

8.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

Bỏ biểu mẫu bản cam kết trong thành phần hồ sơ cấp đổi Chứng chỉ hành nghề Dược và Chuyển nội dung bản cam kết: “Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân, Luật Dược, các chương trình y tế quốc gia phổ cập, các quy định về chuyên môn kỹ thuật y tế, về giá thu phí và các văn bản quy phạm pháp luật khác về y tế có liên quan. Nếu vi phạm tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.” vào biểu mẫu đơn đề nghị cấp đổi Chứng chỉ hành nghề Dược.

Lý do:

Căn cứ vào Nghị định số 79/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ quy

định chi tiết thi hành một số điều của Luật Dược, nội dung cam kết không cần thiết phải quy định thêm bản cam kết trong thành phần hồ sơ.

8.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Điều 16 - Mục 1, Chương IV - Nghị định số 79/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Dược.

9. Thủ tục Cấp mới chứng chỉ hành nghề y học cổ truyền không dùng thuốc - mã số hồ sơ: 019852

9.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ biểu mẫu “Bản cam kết thực hiện theo Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân, Pháp lệnh hành nghề, Pháp lệnh hành nghề y dược tư nhân, các chương trình y tế quốc gia phổ cập, các quy định về chuyên môn kỹ thuật y tế, về giá thu phí” trong thành phần hồ sơ cấp mới chứng chỉ hành nghề y học cổ truyền không dùng thuốc và chuyển nội dung cam kết vào Đơn đề nghị cấp, gia hạn chứng chỉ hành nghề Y, Y học cổ truyền tư nhân.

Lý do:

Theo Thông tư số 07/2007/TT-BYT ngày 25/5/2007 của Bộ Y tế Hướng dẫn về hành nghề y, Y học cổ truyền và trang thiết bị y tế tư nhân thì biểu mẫu “Bản cam kết” được yêu cầu trong thành phần hồ sơ nhưng biểu mẫu này chỉ thể hiện nội dung người hành nghề phải cam kết thực hiện theo Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân, Pháp lệnh hành nghề, Pháp lệnh hành nghề y dược tư nhân, các chương trình y tế quốc gia phổ cập, các quy định về chuyên môn kỹ thuật y tế, về giá thu phí và các văn bản quy phạm pháp luật khác về y tế có liên quan, vì thế không cần thiết phải có thêm biểu mẫu này trong thành phần hồ sơ.

9.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Điều 05 của Nghị định số 103/2003/NĐ-CP ngày 12/9/2003 quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Hành nghề y, dược tư nhân.

10. Thủ tục Cấp lại chứng chỉ hành nghề y học cổ truyền không dùng thuốc - mã số hồ sơ: 020135

10.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

Bãi bỏ biểu mẫu “Bản cam kết thực hiện theo Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân, Pháp lệnh hành nghề, Pháp lệnh hành nghề y dược tư nhân, các chương trình y tế quốc gia phổ cập, các quy định về chuyên môn kỹ thuật y tế, về giá thu phí” trong thành phần hồ sơ Cấp lại chứng chỉ hành nghề y học cổ truyền không dùng thuốc và chuyển nội dung cam kết vào Đơn đề nghị cấp, gia hạn chứng chỉ hành nghề y, y học cổ truyền tư nhân.

Lý do:

Theo Thông tư số 07/2007/TT-BYT ngày 25/5/2007 của Bộ Y tế hướng dẫn về hành nghề y, Y học cổ truyền và trang thiết bị y tế tư nhân thì biểu mẫu “Bản cam kết” được yêu cầu trong thành phần hồ sơ nhưng biểu mẫu này chỉ thể hiện nội dung người hành nghề phải cam kết thực hiện theo Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân, Pháp lệnh Hành nghề y dược tư nhân, các chương trình y tế quốc gia phổ cập, các quy định về chuyên môn kỹ thuật y tế, về giá thu phí và các văn bản quy phạm pháp luật khác về y tế có liên quan, vì thế không cần thiết phải có thêm biểu mẫu này trong thành phần hồ sơ.

10.2. Kiến nghị thực thi (*nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung*)

Điều 05 của Nghị định số 103/2003/NĐ-CP ngày 12/9/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Hành nghề y, dược tư nhân.

11. Thủ tục Gia hạn chứng chỉ hành nghề y học cổ truyền không dùng thuốc - mã số hồ sơ: 020250

11.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

Bãi bỏ Bản cam kết thực hiện theo Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân, Pháp lệnh hành nghề, Pháp lệnh hành nghề y dược tư nhân, các chương trình y tế quốc gia phổ cập, các quy định về chuyên môn kỹ thuật y tế, về giá thu phí” trong thành phần hồ sơ gia hạn chứng chỉ hành nghề y học cổ truyền không dùng thuốc và chuyển nội dung cam kết vào Đơn đề nghị cấp, gia hạn chứng chỉ hành nghề Y, Y học cổ truyền tư nhân.

Lý do:

Theo Thông tư số 07/2007/TT-BYT ngày 25/5/2007 của Bộ Y tế Hướng dẫn về hành nghề y, Y học cổ truyền và trang thiết bị y tế tư nhân thì Bản cam kết được yêu cầu trong thành phần hồ sơ nhưng biểu mẫu này chỉ thể hiện nội dung người hành nghề phải cam kết thực hiện theo Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân, Pháp lệnh hành nghề, Pháp lệnh Hành nghề y dược tư nhân, các chương trình y tế quốc gia phổ cập, các quy định về chuyên môn kỹ thuật y tế, về giá thu phí và các văn bản quy phạm pháp luật khác về y tế có liên quan, vì thế không cần thiết phải có thêm biểu mẫu này trong thành phần hồ sơ.

11.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Điều 05 của Nghị định 103/2003/NĐ-CP ngày 12/9/2003 quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Hành nghề y, dược tư nhân.

12. Thủ tục Cấp mới Chứng chỉ hành nghề y học cổ truyền tư nhân (loại hình phòng chẩn trị Y học cổ truyền) - mã số hồ sơ: 021690

12.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ biểu mẫu bản cam kết trong thành phần hồ sơ cấp Chứng chỉ hành nghề y học cổ truyền. Chuyển nội dung bản cam kết: “Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân, Pháp lệnh Hành nghề y, dược tư nhân, các chương trình y tế quốc gia phổ cập, các quy định về chuyên môn kỹ thuật y tế, về giá thu phí và các văn bản quy phạm pháp luật khác về y tế có liên quan. Nếu vi phạm tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.” vào biểu mẫu đơn đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề y học cổ truyền tư nhân.

Lý do:

Căn cứ vào quy định Pháp lệnh Hành nghề y, dược tư nhân số 07/2003/PL-UBTVQH11 do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 25/02/2003, nội dung cam kết không cần thiết phải quy định thêm bản cam kết trong thành phần hồ sơ.

12.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Chương IX - Thông tư số 07/2007/TT-BYT ngày 25/5/2007 của Bộ Y tế hướng dẫn hành nghề y, Y học cổ truyền và trang thiết bị y tế tư nhân - quy định thủ tục,

thẩm quyền cấp, gia hạn, thu hồi chứng chỉ hành nghề, giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề và cấp giấy phép hoạt động cho người nước ngoài, cho phép tổ chức các đợt khám, chữa bệnh nhân đạo, cá nhân tình nguyện phục vụ người bệnh tại các cơ sở khám, chữa bệnh.

13. Thủ tục Cấp lại Chứng chỉ hành nghề y học cổ truyền tư nhân (loại hình Phòng chẩn trị Y học cổ truyền) - mã số hồ sơ: 022246

13.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ biểu mẫu bản cam kết trong thành phần hồ sơ cấp lại Chứng chỉ hành nghề y học cổ truyền. Chuyển nội dung bản cam kết: “Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân, Pháp lệnh Hành nghề y, dược tư nhân, các chương trình y tế quốc gia phổ cập, các quy định về chuyên môn kỹ thuật y tế, về giá thu phí và các văn bản quy phạm pháp luật khác về y tế có liên quan. Nếu vi phạm tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật” vào biểu mẫu đơn đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề y học cổ truyền tư nhân.

Lý do:

Căn cứ vào quy định Pháp lệnh Hành nghề y, dược tư nhân số 07/2003/PL-UBTVQH11 do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 25/02/2003, nội dung cam kết không cần thiết phải quy định thêm bản cam kết trong thành phần hồ sơ.

13.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Điểm 1a, Chương IX - Thông tư số 07/2007/TT-BYT ngày 25/5/2007 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn hành nghề Y, Y học cổ truyền và trang thiết bị y tế tư nhân - quy định thủ tục, thẩm quyền cấp, gia hạn, thu hồi chứng chỉ hành nghề, giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề và cấp giấy phép hoạt động cho người nước ngoài, cho phép tổ chức các đợt khám, chữa bệnh nhân đạo, cá nhân tình nguyện phục vụ người bệnh tại các cơ sở khám, chữa bệnh.

14. Thủ tục Đổi Chứng chỉ hành nghề y học cổ truyền tư nhân (loại hình Phòng chẩn trị y học cổ truyền) - mã số hồ sơ: 022482

14.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ biểu mẫu bản cam kết trong thành phần hồ sơ cấp đổi Chứng chỉ hành nghề y học cổ truyền. Chuyển nội dung bản cam kết: “Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân, Pháp lệnh Hành nghề y, dược tư nhân, các chương trình y tế quốc gia phổ cập, các quy định về chuyên môn kỹ thuật y tế, về giá thu phí và các văn bản quy phạm pháp luật khác về y tế có liên quan. Nếu vi phạm tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.” vào biểu mẫu Đơn đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề y học cổ truyền tư nhân.

Lý do:

Căn cứ vào quy định Pháp lệnh Hành nghề y, dược tư nhân số 07/2003/PL-UBTVQH11 do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 25/02/2003, nội dung cam kết không cần thiết phải quy định thêm bản cam kết trong thành phần hồ sơ.

14.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Chương IX - Thông tư số 07/2007/TT-BYT ngày 25/5/2007 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn hành nghề y, Y học cổ truyền và trang thiết bị y tế tư nhân - quy định thủ tục, thẩm quyền cấp, gia hạn, thu hồi chứng chỉ hành nghề, giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề và cấp giấy phép hoạt động cho người nước ngoài, cho phép tổ chức các đợt khám, chữa bệnh nhân đạo, cá nhân tình nguyện phục vụ người bệnh tại các cơ sở khám, chữa bệnh.

15. Thủ tục Gia hạn Chứng chỉ hành nghề y học cổ truyền tư nhân (loại hình Phòng chẩn trị y học cổ truyền) - mã số hồ sơ: 020592

15.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ biểu mẫu bản cam kết trong thành phần hồ sơ cấp đổi Chứng chỉ hành nghề y học cổ truyền. Chuyển nội dung bản cam kết: “Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân, Pháp lệnh Hành nghề y, dược tư nhân, các chương trình y tế quốc gia phổ cập, các quy định về chuyên môn kỹ thuật y tế, về giá thu phí và các văn bản quy phạm pháp luật khác về y tế có liên quan. Nếu vi phạm tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.” vào biểu mẫu Đơn đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề y học cổ truyền tư nhân.

Lý do:

Căn cứ vào quy định Pháp lệnh Hành nghề y, dược tư nhân số 07/2003/PL-UBTVQH11 do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 25/02/2003, nội dung cam kết không cần thiết phải quy định thêm bản cam kết trong thành phần hồ sơ.

15.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Chương IX - Thông tư số 07/2007/TT-BYT ngày 25/5/2007 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn hành nghề y, Y học cổ truyền và trang thiết bị y tế tư nhân - quy định thủ tục, thẩm quyền cấp, gia hạn, thu hồi chứng chỉ hành nghề, giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề và cấp giấy phép hoạt động cho người nước ngoài, cho phép tổ chức các đợt khám, chữa bệnh nhân đạo, cá nhân tình nguyện phục vụ người bệnh tại các cơ sở khám, chữa bệnh.

16. Thủ tục Cấp mới Chứng chỉ hành nghề y học cổ truyền tư nhân đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài thường trú lâu dài tại Việt Nam đối với hình thức phòng khám y học cổ truyền - mã số hồ sơ: 018403

16.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ biểu mẫu bản cam kết trong thành phần hồ sơ cấp mới Chứng chỉ hành nghề y học cổ truyền tư nhân đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài thường trú lâu dài tại Việt Nam đối với hình thức phòng khám y học cổ truyền. Chuyển nội dung bản cam kết: “Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân, Pháp lệnh Hành nghề y, dược tư nhân, các chương trình y tế quốc gia phổ cập, các quy định về chuyên môn kỹ thuật y tế, về giá thu phí và các văn bản quy phạm pháp luật khác về y tế có liên quan. Nếu vi phạm tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.” vào biểu mẫu đơn đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề y học cổ truyền tư nhân.

Lý do:

Căn cứ vào quy định Pháp lệnh Hành nghề y, dược tư nhân số 07/2003/PL-UBTVQH11 do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 25/02/2003, nội dung cam kết không cần thiết phải quy định thêm bản cam kết trong thành phần hồ sơ.

16.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Chương IX - Thông tư số 07/2007/TT-BYT ngày 25/5/2007 của Bộ Y tế hướng dẫn hành nghề y, Y học cổ truyền và trang thiết bị y tế tư nhân - quy định thủ tục, thẩm quyền cấp, gia hạn, thu hồi chứng chỉ hành nghề, giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề và cấp giấy phép hoạt động cho người nước ngoài, cho phép tổ chức các

đợt khám, chữa bệnh nhân đạo, cá nhân tình nguyện phục vụ người bệnh tại các cơ sở khám, chữa bệnh.

17. Thủ tục Cấp lại Chứng chỉ hành nghề y học cổ truyền tư nhân đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài thường trú lâu dài tại Việt Nam đối với hình thức phòng khám y học cổ truyền - mã số hồ sơ: 018861

17.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

Bỏ biểu mẫu bản cam kết trong thành phần hồ sơ cấp lại Chứng chỉ hành nghề y học cổ truyền tư nhân đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài thường trú lâu dài tại Việt Nam đối với hình thức phòng khám y học cổ truyền. Chuyển nội dung bản cam kết: “Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân, Pháp lệnh Hành nghề y, dược tư nhân, các chương trình y tế quốc gia phổ cập, các quy định về chuyên môn kỹ thuật y tế, về giá thu phí và các văn bản quy phạm pháp luật khác về y tế có liên quan. Nếu vi phạm tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.” vào biểu mẫu đơn đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề y học cổ truyền tư nhân.

Lý do:

Căn cứ vào quy định Pháp lệnh Hành nghề y, dược tư nhân số 07/2003/PL-UBTVQH11 do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 25/02/2003, nội dung cam kết không cần thiết phải quy định thêm bản cam kết trong thành phần hồ sơ.

17.2. Kiến nghị thực thi (*nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung*)

Điều 1a, Chương IX - Thông tư số 07/2007/TT-BYT ngày 25/5/2007 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn hành nghề Y, Y học cổ truyền và trang thiết bị y tế tư nhân - quy định thủ tục, thẩm quyền cấp, gia hạn, thu hồi chứng chỉ hành nghề, giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề và cấp giấy phép hoạt động cho người nước ngoài, cho phép tổ chức các đợt khám, chữa bệnh nhân đạo, cá nhân tình nguyện phục vụ người bệnh tại các cơ sở khám, chữa bệnh.

18. Thủ tục Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề y học cổ truyền tư nhân đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài thường trú lâu dài tại Việt Nam đối với hình thức phòng khám y học cổ truyền - mã số hồ sơ: 018788

18.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ biểu mẫu bản cam kết trong thành phần hồ sơ gia hạn Chứng chỉ hành nghề y học cổ truyền tư nhân đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài thường trú lâu dài tại Việt Nam đối với hình thức phòng khám y học cổ truyền. Chuyển nội dung bản cam kết: “Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân, Pháp lệnh Hành nghề y, dược tư nhân, các chương trình y tế quốc gia phổ cập, các quy định về chuyên môn kỹ thuật y tế, về giá thu phí và các văn bản quy phạm pháp luật khác về y tế có liên quan. Nếu vi phạm tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.” vào biểu mẫu đơn đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề y học cổ truyền tư nhân.

Lý do:

Căn cứ vào quy định Pháp lệnh Hành nghề y, dược tư nhân số 07/2003/PL-UBTVQH11 do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 25/02/2003, nội dung cam kết không cần thiết phải quy định thêm bản cam kết trong thành phần hồ sơ.

18.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Chương IX - Thông tư số 07/2007/TT-BYT ngày 25/5/2007 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn hành nghề Y, Y học cổ truyền và trang thiết bị y tế tư nhân - quy định thủ tục, thẩm quyền cấp, gia hạn, thu hồi chứng chỉ hành nghề, giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề và cấp giấy phép hoạt động cho người nước ngoài, cho phép tổ chức các đợt khám, chữa bệnh nhân đạo, cá nhân tình nguyện phục vụ người bệnh tại các cơ sở khám, chữa bệnh.

19. Thủ tục Cấp phép cho người nước ngoài làm công việc chuyên môn trong cơ sở y học cổ truyền tư nhân - mã số hồ sơ: 018776

19.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ biểu mẫu bản cam kết trong thành phần hồ sơ Cấp phép cho người nước ngoài làm công việc chuyên môn trong cơ sở y học cổ truyền tư nhân. Chuyển nội dung bản cam kết: “Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân, Pháp lệnh Hành nghề y, dược tư nhân, các chương trình y tế quốc gia phổ cập, các quy định về chuyên môn kỹ thuật y tế, về giá thu phí và các văn bản quy phạm pháp luật khác về y tế có liên quan. Nếu vi

phạm tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.” vào biểu mẫu đơn đề nghị Cấp phép cho người nước ngoài làm công việc chuyên môn trong cơ sở y học cổ truyền tư nhân.

- Đề nghị Cấp giấy phép làm công việc chuyên môn cho người nước ngoài theo thời hạn giấy phép lao động.

Lý do:

Căn cứ vào quy định Pháp lệnh Hành nghề y, dược tư nhân số 07/2003/PL-UBTVQH11 do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 25/02/2003, nội dung cam kết không cần thiết phải quy định thêm bản cam kết trong thành phần hồ sơ.

19.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Chương IX – Thông tư số 07/2007/TT-BYT ngày 25/5/2007 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn hành nghề y, Y học cổ truyền và trang thiết bị y tế tư nhân - quy định thủ tục, thẩm quyền cấp, gia hạn, thu hồi chứng chỉ hành nghề, giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề và cấp giấy phép hoạt động cho người nước ngoài, cho phép tổ chức các đợt khám, chữa bệnh nhân đạo, cá nhân tình nguyện phục vụ người bệnh tại các cơ sở khám, chữa bệnh.

20. Thủ tục Cấp lại giấy phép cho người nước ngoài làm công việc chuyên môn trong cơ sở y học cổ truyền tư nhân - mã số hồ sơ: 018878

20.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ biểu mẫu bản cam kết trong thành phần hồ sơ cấp lại giấy phép cho người nước ngoài làm công việc chuyên môn trong cơ sở y học cổ truyền tư nhân. Chuyển nội dung bản cam kết: “Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân, Pháp lệnh Hành nghề y, dược tư nhân, các chương trình y tế quốc gia phổ cập, các quy định về chuyên môn kỹ thuật y tế, về giá thu phí và các văn bản quy phạm pháp luật khác về y tế có liên quan. Nếu vi phạm tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.” vào biểu mẫu đơn đề nghị cấp lại giấy phép cho người nước ngoài làm công việc chuyên môn trong cơ sở y học cổ truyền tư nhân.

Lý do:

Căn cứ vào quy định Pháp lệnh Hành nghề y, dược tư nhân số 07/2003/PL-UBTVQH11 do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 25/02/2003, nội dung cam kết không cần thiết phải quy định thêm bản cam kết trong thành phần hồ sơ

20.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Điều 1a, Chương IX - Thông tư số 07/2007/TT-BYT ngày 25/5/2007 của Bộ Y tế hướng dẫn hành nghề y, Y học cổ truyền và trang thiết bị y tế tư nhân - quy định thủ tục, thẩm quyền cấp, gia hạn, thu hồi chứng chỉ hành nghề, giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề và cấp giấy phép hoạt động cho người nước ngoài, cho phép tổ chức các đợt khám, chữa bệnh nhân đạo, cá nhân tình nguyện phục vụ người bệnh tại các cơ sở khám, chữa bệnh.

21. Thủ tục Cấp, gia hạn giấy phép cho người nước ngoài làm công việc chuyên môn trong cơ sở y học cổ truyền tư nhân - mã số hồ sơ: 018797

21.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ biểu mẫu bản cam kết trong thành phần hồ sơ gia hạn giấy phép cho người nước ngoài làm công việc chuyên môn trong cơ sở y học cổ truyền tư nhân. Chuyển nội dung bản cam kết: “Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân, Pháp lệnh Hành nghề y, dược tư nhân, các chương trình y tế quốc gia phổ cập, các quy định về chuyên môn kỹ thuật y tế, về giá thu phí và các văn bản quy phạm pháp luật khác về y tế có liên quan. Nếu vi phạm tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.” vào biểu mẫu đơn đề nghị hồ sơ gia hạn giấy phép cho người nước ngoài làm công việc chuyên môn trong cơ sở y học cổ truyền tư nhân.

* Đề nghị Cấp giấy phép làm công việc chuyên môn cho người nước ngoài theo thời hạn giấy phép lao động.

Lý do:

Căn cứ vào quy định Pháp lệnh Hành nghề y, dược tư nhân số 07/2003/PL-UBTVQH11 do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 25/02/2003, nội dung cam kết không cần thiết phải quy định thêm bản cam kết trong thành phần hồ sơ.

21.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Chương IX - Thông tư số 07/2007/TT-BYT ngày 25/5/2007 của Bộ Y tế hướng dẫn về hành nghề Y, Y học cổ truyền và trang thiết bị y tế tư nhân - quy định thủ tục, thẩm quyền cấp, gia hạn, thu hồi chứng chỉ hành nghề, giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề và cấp giấy phép hoạt động cho người nước ngoài, cho phép tổ chức các

đợt khám, chữa bệnh nhân đạo, cá nhân tình nguyện phục vụ người bệnh tại các cơ sở khám, chữa bệnh.

22. Thủ tục Đăng ký bổ sung khoa vào bệnh viện tư nhân - mã số hồ sơ: 020757

22.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ biểu mẫu bản cam kết trong thành phần hồ sơ đăng ký bổ sung khoa vào bệnh viện tư nhân. Chuyển nội dung bản cam kết: “Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân, Pháp lệnh Hành nghề y, dược tư nhân, các chương trình y tế quốc gia phổ cập, các quy định về chuyên môn kỹ thuật y tế, về giá thu phí và các văn bản quy phạm pháp luật khác về y tế có liên quan. Nếu vi phạm tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.” vào biểu mẫu Đơn đề nghị hồ sơ đăng ký bổ sung khoa vào bệnh viện tư nhân

Lý do:

Căn cứ vào quy định Pháp lệnh Hành nghề y, dược tư nhân số 07/2003/PL-UBTVQH11 do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 25/02/2003, nội dung cam kết không cần thiết phải quy định thêm bản cam kết trong thành phần hồ sơ.

22.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Khoản 3, Chương IX - Thông tư số 07/2007/TT-BYT ngày 25/5/2007 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn hành nghề y, Y học cổ truyền và trang thiết bị y tế tư nhân - quy định thủ tục, thẩm quyền cấp, gia hạn, thu hồi chứng chỉ hành nghề, giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề và cấp giấy phép hoạt động cho người nước ngoài, cho phép tổ chức các đợt khám, chữa bệnh nhân đạo, cá nhân tình nguyện phục vụ người bệnh tại các cơ sở khám, chữa bệnh.

23. Thủ tục Cấp mới Chứng chỉ hành nghề Y tư nhân đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài thường trú lâu dài tại Việt Nam đối với hình thức phòng khám và dịch vụ y tế - mã số hồ sơ: 018307

23.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ biểu mẫu bản cam kết trong thành phần hồ sơ Cấp mới Chứng chỉ hành nghề y tư nhân đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài thường trú lâu dài tại Việt Nam đối với hình thức phòng khám và dịch vụ y tế. Chuyển nội dung bản cam kết: “Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân, Pháp lệnh Hành nghề y, dược tư nhân, các chương trình y tế quốc gia phổ cập, các quy định về chuyên môn kỹ thuật y tế, về giá thu phí và các văn bản quy phạm pháp luật khác về y tế có liên quan. Nếu vi phạm tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.” vào biểu mẫu đơn đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề y tư nhân.

Lý do:

Căn cứ vào quy định Pháp lệnh Hành nghề y, dược tư nhân số 07/2003/PL-UBTVQH11 do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 25/02/2003, nội dung cam kết không cần thiết phải quy định thêm bản cam kết trong thành phần hồ sơ.

23.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Chương IX - Thông tư số 07/2007/TT-BYT ngày 25/5/2007 của Bộ Y tế hướng dẫn hành nghề y, Y học cổ truyền và trang thiết bị y tế tư nhân - quy định thủ tục, thẩm quyền cấp, gia hạn, thu hồi chứng chỉ hành nghề, giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề và cấp giấy phép hoạt động cho người nước ngoài, cho phép tổ chức các đợt khám, chữa bệnh nhân đạo, cá nhân tình nguyện phục vụ người bệnh tại các cơ sở khám, chữa bệnh.

24. Thủ tục Cấp lại Chứng chỉ hành nghề Y tư nhân đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài thường trú lâu dài tại Việt Nam đối với hình thức phòng khám và dịch vụ y tế - mã số hồ sơ: 018144

24.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ biểu mẫu bản cam kết trong thành phần hồ sơ Cấp lại Chứng chỉ hành nghề Y tư nhân đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài thường trú lâu dài tại Việt Nam đối với hình thức phòng khám và dịch vụ y tế. Chuyển nội dung bản cam kết: “Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân, Pháp lệnh Hành nghề y, dược tư nhân, các chương trình y tế quốc gia phổ cập, các quy định về chuyên môn kỹ thuật y tế, về giá thu phí và các văn bản quy phạm pháp luật khác về y tế có liên quan. Nếu vi phạm tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.” vào biểu mẫu đơn đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề y tư nhân.

Lý do:

Căn cứ vào quy định Pháp lệnh Hành nghề y, được tư nhân số 07/2003/PL-UBTVQH11 do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 25/02/2003, nội dung cam kết không cần thiết phải quy định thêm bản cam kết trong thành phần hồ sơ.

24.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Điều 1a, Chương IX - Thông tư số 07/2007/TT-BYT ngày 25/5/2007 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn hành nghề Y, Y học cổ truyền và trang thiết bị y tế tư nhân - quy định thủ tục, thẩm quyền cấp, gia hạn, thu hồi chứng chỉ hành nghề, giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề và cấp giấy phép hoạt động cho người nước ngoài, cho phép tổ chức các đợt khám, chữa bệnh nhân đạo, cá nhân tình nguyện phục vụ người bệnh tại các cơ sở khám, chữa bệnh.

25. Thủ tục Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề Y tư nhân đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài thường trú lâu dài tại Việt Nam đối với hình thức phòng khám và dịch vụ y tế. - mã số hồ sơ: 018238

25.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

Bỏ biểu mẫu bản cam kết trong thành phần hồ sơ gia hạn Chứng chỉ hành nghề Y tư nhân đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài thường trú lâu dài tại Việt Nam đối với hình thức phòng khám và dịch vụ y tế. Chuyển nội dung bản cam kết: “Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân, Pháp lệnh Hành nghề y, được tư nhân, các chương trình y tế quốc gia phổ cập, các quy định về chuyên môn kỹ thuật y tế, về giá thu phí và các văn bản quy phạm pháp luật khác về y tế có liên quan. Nếu vi phạm tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.” vào biểu mẫu đơn đề nghị gia hạn Chứng chỉ hành nghề Y tư nhân đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài thường trú lâu dài tại Việt Nam đối với hình thức phòng khám và dịch vụ y tế.

Lý do:

Căn cứ vào quy định Pháp lệnh Hành nghề y, được tư nhân số 07/2003/PL-UBTVQH11 do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 25/02/2003, nội dung cam kết không cần thiết phải quy định thêm bản cam kết trong thành phần hồ sơ.

25.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Chương IX - Thông tư số 07/2007/TT-BYT ngày 25/5/2007 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn hành nghề y, Y học cổ truyền và trang thiết bị y tế tư nhân - quy định thủ tục, thẩm quyền cấp, gia hạn, thu hồi chứng chỉ hành nghề, giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề và cấp giấy phép hoạt động cho người nước ngoài, cho phép tổ chức các đợt khám, chữa bệnh nhân đạo, cá nhân tình nguyện phục vụ người bệnh tại các cơ sở khám, chữa bệnh.

26. Thủ tục Cấp phép cho người nước ngoài làm công việc chuyên môn trong cơ sở y tư nhân - mã số hồ sơ: 018419

26.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ biểu mẫu bản cam kết trong thành phần hồ sơ Cấp phép cho người nước ngoài làm công việc chuyên môn trong cơ sở y tư nhân. Chuyển nội dung bản cam kết: “Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân, Pháp lệnh Hành nghề y, dược tư nhân, các chương trình y tế quốc gia phổ cập, các quy định về chuyên môn kỹ thuật y tế, về giá thu phí và các văn bản quy phạm pháp luật khác về y tế có liên quan. Nếu vi phạm tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.” vào biểu mẫu đơn đề nghị Cấp phép cho người nước ngoài làm công việc chuyên môn trong cơ sở y tư nhân.

- Đề nghị Cấp giấy phép làm công việc chuyên môn cho người nước ngoài theo thời hạn giấy phép lao động.

Lý do:

Căn cứ vào quy định Pháp lệnh Hành nghề y, dược tư nhân số 07/2003/PL-UBTVQH11 do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 25/02/2003, nội dung cam kết không cần thiết phải quy định thêm bản cam kết trong thành phần hồ sơ.

26.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Chương IX - Thông tư số 07/2007/TT-BYT ngày 25/5/2007 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn hành nghề y, Y học cổ truyền và trang thiết bị y tế tư nhân- quy định thủ tục, thẩm quyền cấp, gia hạn, thu hồi chứng chỉ hành nghề, giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề và cấp giấy phép hoạt động cho người nước ngoài, cho phép tổ chức các đợt khám, chữa bệnh nhân đạo, cá nhân tình nguyện phục vụ người bệnh tại các cơ sở khám, chữa bệnh.

27. Thủ tục Cấp lại giấy phép cho người nước ngoài làm công việc chuyên môn trong cơ sở y tư nhân - mã số hồ sơ: 018252

27.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ biểu mẫu bản cam kết trong thành phần hồ sơ cấp lại giấy phép cho người nước ngoài làm công việc chuyên môn trong cơ sở y tư nhân. Chuyển nội dung bản cam kết: “Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân, Pháp lệnh Hành nghề y, dược tư nhân, các chương trình y tế quốc gia phổ cập, các quy định về chuyên môn kỹ thuật y tế, về giá thu phí và các văn bản quy phạm pháp luật khác về y tế có liên quan. Nếu vi phạm tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.” vào biểu mẫu đơn đề nghị cấp lại giấy phép cho người nước ngoài làm công việc chuyên môn trong cơ sở y tư nhân.

Lý do:

Căn cứ vào quy định Pháp lệnh Hành nghề y, dược tư nhân số 07/2003/PL-UBTVQH11 do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 25/02/2003, nội dung cam kết không cần thiết phải quy định thêm bản cam kết trong thành phần hồ sơ.

27.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Điểm 1a, Chương IX - Thông tư số 07/2007/TT-BYT ngày 25/5/2007 của Bộ Y tế hướng dẫn hành nghề y, Y học cổ truyền và trang thiết bị y tế tư nhân - quy định thủ tục, thẩm quyền cấp, gia hạn, thu hồi chứng chỉ hành nghề, giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề và cấp giấy phép hoạt động cho người nước ngoài, cho phép tổ chức các đợt khám, chữa bệnh nhân đạo, cá nhân tình nguyện phục vụ người bệnh tại các cơ sở khám, chữa bệnh.

28. Thủ tục Cấp, gia hạn giấy phép cho người nước ngoài làm công việc chuyên môn trong cơ sở y tư nhân - mã số hồ sơ: 018269

28.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ biểu mẫu bản cam kết trong thành phần hồ sơ gia hạn giấy phép cho người nước ngoài làm công việc chuyên môn trong cơ sở y tư nhân. Chuyển nội dung bản cam kết: “Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân, Pháp lệnh Hành nghề y, dược tư nhân, các chương trình y tế quốc gia phổ cập, các quy định về chuyên môn kỹ thuật y tế, về giá thu phí và các văn bản quy phạm pháp luật khác về y tế có liên quan. Nếu vi phạm tôi

xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.” vào biểu mẫu đơn đề nghị hồ sơ gia hạn giấy phép cho người nước ngoài làm công việc chuyên môn trong cơ sở y tư nhân.

Lý do:

Căn cứ vào quy định Pháp lệnh Hành nghề y, được tư nhân số 07/2003/PL-UBTVQH11 do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 25/02/2003, nội dung cam kết không cần thiết phải quy định thêm bản cam kết trong thành phần hồ sơ.

28.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Chương IX - Thông tư số 07/2007/TT-BYT ngày 25/5/2007 của Bộ Y tế hướng dẫn về hành nghề Y, Y học cổ truyền và trang thiết bị y tế tư nhân - quy định thủ tục, thẩm quyền cấp, gia hạn, thu hồi chứng chỉ hành nghề, giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề và cấp giấy phép hoạt động cho người nước ngoài, cho phép tổ chức các đợt khám, chữa bệnh nhân đạo, cá nhân tình nguyện phục vụ người bệnh tại các cơ sở khám, chữa bệnh.

29. Thủ tục Cấp mới Chứng chỉ hành nghề y tư nhân - mã số hồ sơ: 018931

29.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ biểu mẫu bản cam kết trong thành phần hồ sơ Cấp mới Chứng chỉ hành nghề y tư nhân. Chuyển nội dung bản cam kết: “Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân, Pháp lệnh Hành nghề y, được tư nhân, các chương trình y tế quốc gia phổ cập, các quy định về chuyên môn kỹ thuật y tế, về giá thu phí và các văn bản quy phạm pháp luật khác về y tế có liên quan. Nếu vi phạm tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.” vào biểu mẫu đơn đề nghị cấp mới Chứng chỉ hành nghề y tư nhân.

Lý do:

Căn cứ vào quy định Pháp lệnh Hành nghề y, được tư nhân số 07/2003/PL-UBTVQH11 do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 25/02/2003, nội dung cam kết không cần thiết phải quy định thêm bản cam kết trong thành phần hồ sơ.

29.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Chương IX - Thông tư số 07/2007/TT-BYT ngày 25/5/2007 của Bộ Y tế hướng

dẫn hành nghề y, Y học cổ truyền và trang thiết bị y tế tư nhân - quy định thủ tục, thẩm quyền cấp, gia hạn, thu hồi chứng chỉ hành nghề, giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề và cấp giấy phép hoạt động cho người nước ngoài, cho phép tổ chức các đợt khám, chữa bệnh nhân đạo, cá nhân tình nguyện phục vụ người bệnh tại các cơ sở khám, chữa bệnh.

30. Thủ tục Cấp lại Chứng chỉ hành nghề Y tư nhân - mã số hồ sơ: 019530

30.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

Bỏ biểu mẫu bản cam kết trong thành phần hồ sơ cấp đổi Chứng chỉ hành nghề Y. Chuyển nội dung bản cam kết: “Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân, Pháp lệnh Hành nghề y, dược tư nhân, các chương trình y tế quốc gia phổ cập, các quy định về chuyên môn kỹ thuật y tế, về giá thu phí và các văn bản quy phạm pháp luật khác về y tế có liên quan. Nếu vi phạm tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.” vào biểu mẫu đơn đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề y tư nhân.

Lý do:

Căn cứ vào quy định Pháp lệnh Hành nghề y, dược tư nhân số 07/2003/PL-UBTVQH11 do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 25/02/2003, nội dung cam kết không cần thiết phải quy định thêm bản cam kết trong thành phần hồ sơ.

30.2. Kiến nghị thực thi (*nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung*)

Điểm 1a, Chương IX - Thông tư số 07/2007/TT-BYT ngày 25/5/2007 của Bộ Y tế hướng dẫn hành nghề y, Y học cổ truyền và trang thiết bị y tế tư nhân - quy định thủ tục, thẩm quyền cấp, gia hạn, thu hồi chứng chỉ hành nghề, giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề và cấp giấy phép hoạt động cho người nước ngoài, cho phép tổ chức các đợt khám, chữa bệnh nhân đạo, cá nhân tình nguyện phục vụ người bệnh tại các cơ sở khám, chữa bệnh.

31. Thủ tục Đổi Chứng chỉ hành nghề y tư nhân - mã số hồ sơ: 019199

31.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

Bỏ biểu mẫu bản cam kết trong thành phần hồ sơ cấp đổi Chứng chỉ hành nghề Y tư nhân. Chuyển nội dung bản cam kết: “Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân, Pháp

lệnh Hành nghề y, dược tư nhân, các chương trình y tế quốc gia phổ cập, các quy định về chuyên môn kỹ thuật y tế, về giá thu phí và các văn bản quy phạm pháp luật khác về y tế có liên quan. Nếu vi phạm tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.” vào biểu mẫu đơn đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề y tư nhân.

Lý do:

Căn cứ vào quy định Pháp lệnh Hành nghề y, dược tư nhân số 07/2003/PL-UBTVQH11 do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 25/02/2003, nội dung cam kết không cần thiết phải quy định thêm bản cam kết trong thành phần hồ sơ.

31.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Chương IX - Thông tư số 07/2007/TT-BYT ngày 25/5/2007 của Bộ Y tế hướng dẫn hành nghề y, Y học cổ truyền và trang thiết bị y tế tư nhân - quy định thủ tục, thẩm quyền cấp, gia hạn, thu hồi chứng chỉ hành nghề, giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề và cấp giấy phép hoạt động cho người nước ngoài, cho phép tổ chức các đợt khám, chữa bệnh nhân đạo, cá nhân tình nguyện phục vụ người bệnh tại các cơ sở khám, chữa bệnh.

32. Thủ tục Gia hạn Chứng chỉ hành nghề y tư nhân - mã số hồ sơ: 019474

32.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ biểu mẫu bản cam kết trong thành phần hồ sơ cấp đổi Chứng chỉ hành nghề Y tư nhân. Chuyển nội dung bản cam kết: “Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân, Pháp lệnh Hành nghề y, dược tư nhân, các chương trình y tế quốc gia phổ cập, các quy định về chuyên môn kỹ thuật y tế, về giá thu phí và các văn bản quy phạm pháp luật khác về y tế có liên quan. Nếu vi phạm tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.” vào biểu mẫu đơn đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề y tư nhân.

Lý do:

Căn cứ vào quy định Pháp lệnh Hành nghề y, dược tư nhân số 07/2003/PL-UBTVQH11 do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 25/02/2003, nội dung cam kết không cần thiết phải quy định thêm bản cam kết trong thành phần hồ sơ.

32.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Chương IX - Thông tư số 07/2007/TT-BYT ngày 25/5/2007 của Bộ Y tế hướng dẫn hành nghề y, Y học cổ truyền và trang thiết bị y tế tư nhân - quy định thủ tục, thẩm quyền cấp, gia hạn, thu hồi chứng chỉ hành nghề, giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề và cấp giấy phép hoạt động cho người nước ngoài, cho phép tổ chức các đợt khám, chữa bệnh nhân đạo, cá nhân tình nguyện phục vụ người bệnh tại các cơ sở khám, chữa bệnh.

33. Thủ tục Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề Y tư nhân (loại hình Phòng khám chuyên khoa) - mã số hồ sơ: 019545

33.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

Bỏ quy định chiều cao phòng khám 3,1m và thay vào đó là quy định cơ sở phải thông thoáng, đạt vệ sinh, có thể vệ sinh lau chùi phòng khám dễ dàng.

Lý do:

Căn cứ vào Thông tư số 07/2007/TT- BYT ngày 25/5/2007 của Bộ Y tế hướng dẫn về hành nghề Y, Y học cổ truyền và trang thiết bị y tế tư nhân quy định Phòng khám bệnh phải có chiều cao 3,1m. Tuy nhiên, do đặc thù của hầu hết kết cấu nhà ít có căn nhà có trần cao trên 3,1 m. Ngoài ra, đối với điều kiện cơ sở vật chất của Phòng khám thì Phòng khám cần thông thoáng, cơ sở đạt vệ sinh và có thể dễ dàng vệ sinh lau rửa, bố trí thích hợp thì vấn đề chiều cao 3,1 m của phòng khám không cần thiết vì gây khó khăn cho người hành nghề.

33.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Chương V - Thông tư số 07/2007/TT- BYT ngày 25/5/2007 của Bộ Y tế hướng dẫn về hành nghề Y, Y học cổ truyền và trang thiết bị y tế tư nhân.

34. Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề Y tư nhân (loại hình Phòng khám chuyên khoa) - mã số hồ sơ: 019715

34.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

Bỏ quy định chiều cao phòng khám 3,1m và thay vào đó là quy định cơ sở phải thông thoáng, đạt vệ sinh, có thể vệ sinh lau chùi phòng khám dễ dàng.

Lý do:

Căn cứ vào Thông tư số 07/2007/TT- BYT ngày 25/5/2007 của Bộ Y tế hướng dẫn về hành nghề Y, Y học cổ truyền và trang thiết bị y tế tư nhân quy định Phòng khám bệnh phải có chiều cao 3,1m. Tuy nhiên, do đặc thù của hầu hết kết cấu nhà ít có căn nhà có trần cao trên 3,1 m. Ngoài ra, đối với điều kiện cơ sở vật chất của Phòng khám thì Phòng khám cần thông thoáng, cơ sở đạt vệ sinh và có thể dễ dàng vệ sinh lau rửa, bố trí thích hợp thì vấn đề chiều cao 3,1 m của phòng khám không cần thiết vì gây khó khăn cho người hành nghề.

34.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Chương V - Thông tư số 07/2007/TT- BYT ngày 25/5/2007 của Bộ Y tế hướng dẫn về hành nghề Y, Y học cổ truyền và trang thiết bị y tế tư nhân.

35. Thủ tục Chuyển địa điểm Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề Y tư nhân (loại hình Phòng khám chuyên khoa) - mã số hồ sơ: 019778

35.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ quy định chiều cao phòng khám 3,1m và thay vào đó là quy định cơ sở phải thông thoáng, đạt vệ sinh, có thể vệ sinh lau chùi phòng khám dễ dàng.

Lý do:

Căn cứ vào Thông tư số 07/2007/TT- BYT ngày 25/5/2007 của Bộ Y tế hướng dẫn về hành nghề Y, Y học cổ truyền và trang thiết bị y tế tư nhân quy định Phòng khám bệnh phải có chiều cao 3,1m. Tuy nhiên, do đặc thù của hầu hết kết cấu nhà ít có căn nhà có trần cao trên 3,1 m. Ngoài ra, đối với điều kiện cơ sở vật chất của Phòng khám thì Phòng khám cần thông thoáng, cơ sở đạt vệ sinh và có thể dễ dàng vệ sinh lau rửa, bố trí thích hợp thì vấn đề chiều cao 3,1 m của phòng khám không cần thiết vì gây khó khăn cho người hành nghề.

35.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Chương V - Thông tư số 07/2007/TT- BYT ngày 25/5/2007 của Bộ Y tế hướng dẫn về hành nghề Y, Y học cổ truyền và trang thiết bị y tế tư nhân.

36. Thủ tục Cấp, gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề Y tư nhân (loại hình phòng khám chuyên khoa) - mã số hồ sơ: 019838

36.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

Bỏ quy định chiều cao phòng khám 3,1m và thay vào đó là quy định cơ sở phải thông thoáng, đạt vệ sinh, có thể vệ sinh lau chùi phòng khám dễ dàng.

Lý do:

Căn cứ vào Thông tư số 07/2007/TT- BYT ngày 25/5/2007 của Bộ Y tế hướng dẫn về hành nghề Y, Y học cổ truyền và trang thiết bị y tế tư nhân quy định Phòng khám bệnh phải có chiều cao 3,1m. Tuy nhiên, do đặc thù của hầu hết kết cấu nhà ít có căn nhà có trần cao trên 3,1 m. Ngoài ra, đối với điều kiện cơ sở vật chất của Phòng khám thì Phòng khám cần thông thoáng, cơ sở đạt vệ sinh và có thể dễ dàng vệ sinh lau rửa, bố trí thích hợp thì vấn đề chiều cao 3,1m của phòng khám không cần thiết vì gây khó khăn cho người hành nghề.

36.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Chương V - Thông tư số 07/2007/TT- BYT ngày 25/5/2007 của Bộ Y tế hướng dẫn về hành nghề Y, Y học cổ truyền và trang thiết bị y tế tư nhân.

37. Thủ tục Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề Y tư nhân (loại hình Phòng khám đa khoa) - mã số hồ sơ: 019887

37.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

Bỏ quy định chiều cao phòng khám 3,1m và thay vào đó là quy định cơ sở phải thông thoáng, đạt vệ sinh, có thể vệ sinh lau chùi phòng khám dễ dàng.

Lý do:

Căn cứ vào Thông tư số 07/2007/TT- BYT ngày 25/5/2007 của Bộ Y tế hướng dẫn về hành nghề Y, Y học cổ truyền và trang thiết bị y tế tư nhân quy định Phòng khám bệnh phải có chiều cao 3,1m. Tuy nhiên, do đặc thù của hầu hết kết cấu nhà ít có căn nhà có trần cao trên 3,1 m. Ngoài ra, đối với điều kiện cơ sở vật chất của Phòng khám thì Phòng khám cần thông thoáng, cơ sở đạt vệ sinh và có thể dễ dàng vệ

sinh lau rửa, bố trí thích hợp thì vấn đề chiều cao 3,1 m của phòng khám không cần thiết vì gây khó khăn cho người hành nghề.

37.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Chương V - Thông tư số 07/2007/TT- BYT ngày 25/5/2007 của Bộ Y tế hướng dẫn về hành nghề Y, Y học cổ truyền và trang thiết bị y tế tư nhân.

38. Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề Y tư nhân (loại hình Phòng khám đa khoa)– mã số hồ sơ: 020213

38.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ quy định chiều cao phòng khám 3,1m và thay vào đó là quy định cơ sở phải thông thoáng, đạt vệ sinh, có thể vệ sinh lau chùi phòng khám dễ dàng.

Lý do:

Căn cứ vào Thông tư số 07/2007/TT- BYT ngày 25/5/2007 của Bộ Y tế hướng dẫn về hành nghề Y, Y học cổ truyền và trang thiết bị y tế tư nhân quy định Phòng khám bệnh phải có chiều cao 3,1m. Tuy nhiên, do đặc thù của hầu hết kết cấu nhà ít có căn nhà có trần cao trên 3,1 m. Ngoài ra, đối với điều kiện cơ sở vật chất của Phòng khám thì Phòng khám cần thông thoáng, cơ sở đạt vệ sinh và có thể dễ dàng vệ sinh lau rửa, bố trí thích hợp thì vấn đề chiều cao 3,1 m của phòng khám không cần thiết vì gây khó khăn cho người hành nghề.

38.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Chương V - Thông tư số 07/2007/TT- BYT ngày 25/5/2007 của Bộ Y tế hướng dẫn về hành nghề Y, Y học cổ truyền và trang thiết bị y tế tư nhân.

39. Thủ tục Chuyển địa điểm Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề Y tư nhân (loại hình Phòng khám đa khoa) - mã số hồ sơ: 020304

39.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ quy định chiều cao phòng khám 3,1m và thay vào đó là quy định cơ sở phải thông thoáng, đạt vệ sinh, có thể vệ sinh lau chùi phòng khám dễ dàng.

Lý do:

Căn cứ vào Thông tư số 07/2007/TT- BYT ngày 25/5/2007 của Bộ Y tế hướng dẫn về hành nghề Y, Y học cổ truyền và trang thiết bị y tế tư nhân quy định Phòng khám bệnh phải có chiều cao 3,1m. Tuy nhiên, do đặc thù của hầu hết kết cấu nhà ít có căn nhà có trần cao trên 3,1m. Ngoài ra, đối với điều kiện cơ sở vật chất của Phòng khám thì Phòng khám cần thông thoáng, cơ sở đạt vệ sinh và có thể dễ dàng vệ sinh lau rửa, bố trí thích hợp thì vấn đề chiều cao 3,1m của phòng khám không cần thiết vì gây khó khăn cho người hành nghề.

39.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Chương V - Thông tư số 07/2007/TT- BYT ngày 25/5/2007 của Bộ Y tế hướng dẫn về hành nghề Y, Y học cổ truyền và trang thiết bị y tế tư nhân.

40. Thủ tục Cấp, gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề Y tư nhân (loại hình Phòng khám đa khoa) - mã số hồ sơ: 020388

40.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ quy định chiều cao phòng khám 3,1m và thay vào đó là quy định cơ sở phải thông thoáng, đạt vệ sinh, có thể vệ sinh lau chùi phòng khám dễ dàng.

Lý do:

Căn cứ vào Thông tư số 07/2007/TT- BYT ngày 25/5/2007 của Bộ Y tế hướng dẫn về hành nghề Y, Y học cổ truyền và trang thiết bị y tế tư nhân quy định Phòng khám bệnh phải có chiều cao 3,1m. Tuy nhiên, do đặc thù của hầu hết kết cấu nhà ít có căn nhà có trần cao trên 3,1m. Ngoài ra, đối với điều kiện cơ sở vật chất của Phòng khám thì Phòng khám cần thông thoáng, cơ sở đạt vệ sinh và có thể dễ dàng vệ sinh lau rửa, bố trí thích hợp thì vấn đề chiều cao 3,1m của phòng khám không cần thiết vì gây khó khăn cho người hành nghề.

40.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Chương V - Thông tư số 07/2007/TT- BYT ngày 25/5/2007 của Bộ Y tế hướng dẫn về hành nghề Y, Y học cổ truyền và trang thiết bị y tế tư nhân.

41. Thủ tục Cấp giấy phép kiểm dịch thi hài (trong nước) - mã số hồ sơ: 018688

41.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Nội dung sửa đổi:

- Quy trình thực hiện cấp phép vận chuyển thi hài hiện nay.
- Chuẩn hóa các mẫu đơn, tờ khai, giấy cam đoan nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân đặc biệt là người dân nhập cư (đối với những mẫu đơn cần xác nhận địa phương)

Lý do:

- Vì hiện nay bộ y tế chưa có hướng dẫn cụ thể về trình tự cách thức thực hiện, hồ sơ và thời hạn giải quyết thủ tục hành chính này. Cơ quan y tế địa phương chỉ thực hiện cấp phép nhằm giám sát, ngăn ngừa các nguy cơ phát tán mầm bệnh có thể xảy ra.

- Các trình tự, thủ tục hồ sơ thực hiện cho đến hiện nay chỉ mang tính chất địa phương, chưa được bộ y tế ban hành thống nhất trong cả nước.

41.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Điều 18 Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm số 03/2007/QH12 ngày 21/11/2007.

- Điều 48 Luật Bảo vệ môi trường số 52/2005/QH11 ngày 12/12/2005.

- Thông tư số 02/2009/TT-BYT ngày 26/5/2009 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn vệ sinh trong hoạt động mai táng và hỏa táng.

- Công văn số 2397/SYT-NVY ngày 27 tháng 04 năm 2007 của Sở Y Tế về việc phân cấp việc cấp phép bốc mộ, chuyển tro cốt, hài cốt, chuyển xác chết ra khỏi thành phố Hồ Chí Minh.

* Đề nghị Bộ Y tế hoặc Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh sớm ban hành:

Trình tự, cách thức thực hiện cấp phép vận chuyển thi hài trong nước (từ địa phương này đến địa phương khác).

Thời hạn có giá trị của giấy phép.

Thành phần hồ sơ cấp phép gồm:

- + Đơn xin vận chuyển thi hài;
- + Giấy sao CMND của người làm đơn;
- + Giấy chứng tử của người chết;
- + Giấy cam đoan của đơn vị mai táng.

42. Thủ tục Cấp giấy phép kiểm dịch xương cốt, tro cốt (trong nước) - mã số hồ sơ: 018460

42.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Nội dung sửa đổi

- Quy trình thực hiện cấp phép vận chuyển xương, tro cốt hiện nay.
- Chuẩn hóa các mẫu đơn, tờ khai, giấy cam đoan nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân đặc biệt là người dân nhập cư (đối với những mẫu đơn cần xác nhận địa phương)

Lý do:

- Vì hiện nay Bộ y tế chưa có hướng dẫn cụ thể về trình tự, cách thức thực hiện, hồ sơ và thời hạn giải quyết thủ tục hành chính này. Cơ quan y tế địa phương chỉ thực hiện cấp phép nhằm giám sát, ngăn ngừa các nguy cơ phát tán mầm bệnh có thể xảy ra.

- Các trình tự, thủ tục hồ sơ thực hiện cho đến hiện nay chỉ mang tính chất địa phương, chưa được bộ y tế ban hành thống nhất trong cả nước.

42.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Điều 18 Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm số 03/2007/QH12 ngày 21/11/2007.

- Điều 48 Luật Bảo vệ môi trường số 52/2005/QH11 ngày 12/12/2005.

Thông tư số 02/2009/TT-BYT ngày 26/5/2009 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn vệ sinh trong hoạt động mai táng và hỏa táng.

- Công văn số 2397/SYT-NVY ngày 27 tháng 04 năm 2007 của Sở Y Tế về việc phân cấp việc cấp phép bốc mộ, chuyển tro cốt, hài cốt, chuyển xác chết ra khỏi thành phố Hồ Chí Minh.

* Đề nghị Bộ Y tế hoặc Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh sớm ban hành:

- Trình tự, cách thức thực hiện cấp phép vận chuyển thi hài trong nước (từ địa phương này đến địa phương khác).

- Thời hạn có giá trị của giấy phép.

- Thành phần hồ sơ cấp phép

+ Đơn xin vận chuyển xương, tro cốt ;

+ Giấy sao CMND của người làm đơn;

+ Giấy chứng tử.

43. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận Kiểm dịch Y tế thi hài, tro, hài cốt - mã số hồ sơ: 018462

43.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

Nội dung sửa đổi: Chỉ thực hiện kiểm tra và cấp giấy chứng nhận đối với thi hài, hài cốt xuất nhập khẩu.

Lý do:

Theo quy định của Luật số 03/2007/QH12 ngày 21/11/2007 do Quốc hội ban hành về phòng, chống bệnh truyền nhiễm thì tro cốt không phải là đối tượng phải kiểm dịch y tế mà chỉ quy định thi thể (thi hài), hài cốt là đối tượng phải kiểm dịch y tế. Do đó thủ tục cấp Giấy chứng nhận Kiểm dịch Y tế thi hài, tro, hài cốt quy định kiểm tra và cấp giấy chứng nhận đối với cả tro cốt là không hợp pháp.

43.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Đề nghị sửa đổi Quyết định số 2331/2004/QĐ-BYT ngày 06/7/2004 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành quy trình kiểm dịch y tế biên giới nước CHXHCN Việt Nam do tro cốt xuất, nhập khẩu không phải là đối tượng phải kiểm dịch y tế và cấp giấy chứng nhận nhằm đảm bảo không trái quy định của Luật số 03/2007/QH12 ngày 21/11/2007 do Quốc hội ban hành về phòng, chống bệnh truyền nhiễm.

44. Thủ tục Gia hạn Công bố tiêu chuẩn sản phẩm thực phẩm - mã số hồ sơ: 026862

44.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Đề nghị bãi bỏ thủ tục gia hạn công bố tiêu chuẩn sản phẩm là nhằm đơn giản thủ tục hành chính cho doanh nghiệp đồng thời giúp cho cơ quan quản lý nhà nước vẫn có đầy đủ thông tin để quản lý trong địa bàn, lĩnh vực phụ trách cần thay đổi như sau:

- Sửa đổi thời hạn của Giấy chứng nhận tiêu chuẩn sản phẩm là không thời hạn, doanh nghiệp chỉ công bố lại khi có thay đổi trong tiêu chuẩn đã công bố, không cần làm thủ tục gia hạn 3 năm/lần.

- Quy định doanh nghiệp phải thực hiện chế độ tự kiểm tra chất lượng sản phẩm, định kỳ gửi kết quả kiểm nghiệm về Sở Y tế để có cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước.

Lý do:

Hiện nay, theo Quyết định 42/2005/QĐ-BYT ngày 8/12/2005 của Bộ Y tế về việc công bố tiêu chuẩn sản phẩm quy định: khi doanh nghiệp thực hiện thủ tục công bố tiêu chuẩn sản phẩm sẽ được cấp Giấy chứng nhận tiêu chuẩn sản phẩm có giá trị trong vòng 3 năm. Sau 3 năm, doanh nghiệp phải thực hiện thủ tục gia hạn lại.

Việc gia hạn này là một thủ tục hành chính không cần thiết vì doanh nghiệp vẫn sử dụng tiếp Giấy chứng nhận tiêu chuẩn sản phẩm cũ cộng thêm Giấy gia hạn.

44.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Khoản a Điều 7 Chương III Quyết định số 42/2005/QĐ-BYT ngày 08/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Y tế về ban hành quy chế công bố tiêu chuẩn sản phẩm thực phẩm.

XIII. CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA BAN QUẢN LÝ ĐẦU TƯ - XÂY DỰNG KHU ĐÔ THỊ MỚI THỦ THIÊM

1. Thủ tục giao đất, thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất - mã số hồ sơ: 008404

1.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay

thể thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Ngôn ngữ yêu cầu trong mẫu đơn xin thuê đất (Mẫu số 04/ĐK) đề nghị sử dụng cả tiếng Việt và tiếng Anh.

Lý do:

Thủ tục này áp dụng cho cá nhân, tổ chức người Việt Nam và người nước ngoài.

1.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bổ sung ngôn ngữ yêu cầu trong mẫu đơn xin thuê đất (mẫu số 04/DK trong Thông tư số 09/2007/TT-BTNMT ngày 02/8/2007 hướng dẫn việc lập, chỉnh lý, quản lý hồ sơ địa chính.

2. Thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép - mã số hồ sơ: 008575

2.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Kiến nghị hủy bỏ thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép và mẫu tờ khai đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất (của thủ tục này)

Lý do:

Do việc chuyển mục đích sử dụng đất này theo quy định của Luật Đất đai là không phải xin phép, nên người sử dụng đất có thể tự ý chuyển mục đích sử dụng bất cứ lúc nào theo nhu cầu mà không phải đăng ký lại, không nhất thiết phải đợi đủ 18 ngày (hơn 3 tuần) mới được chuyển mục đích. Khi người dân hoặc tổ chức có nhu cầu chỉnh lý, cấp lại GCNQSDĐ cho đúng mục đích sử dụng đất mới thì cơ quan chức năng mới tiến hành cập nhật vào hồ sơ địa chính gốc để theo dõi quản lý.

2.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Kiến nghị hủy bỏ thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép và mẫu tờ khai đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất (của thủ tục này) đã được Ủy ban nhân dân thành phố công bố tại Quyết định số 4210/QĐ-UBND ngày 05/9/2009.

3. Thủ tục thẩm định và phê duyệt dự án phát triển nhà ở trên địa bàn Khu Đô thị mới Thủ Thiêm - mã số hồ sơ: 160561

3.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Sửa đổi, bổ sung: Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính.

Giảm thời gian giải quyết hồ sơ xuống còn 40 ngày (thay vì 45 ngày theo quy định).

Lý do:

Với mục tiêu thu hút ngày càng nhiều nhà đầu tư tham gia các dự án trong Khu Thủ Thiêm, tạo nhiều điều kiện thuận lợi trong giải quyết thủ tục hành chính cho nhà đầu tư; tăng cường nhân lực giải quyết hồ sơ ở các công đoạn.

b) Sửa đổi, bổ sung: Đề nghị ban hành quy định để thống nhất thành phần hồ sơ đang áp dụng tại thủ tục hành chính này: Tờ trình thẩm định, phê duyệt dự án nhà ở. Cụ thể:

Mẫu hóa “Tờ trình thẩm định phê duyệt dự án nhà ở” đã công bố trong Bộ Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý Thủ Thiêm.

Lý do:

Tờ trình đang áp dụng không được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật.

3.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Sửa đổi mục đ, khoản 2, Điều 14 của Quyết định số 19/2008/QĐ-UBND ngày 21/3/2008 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về Ban hành Quy định về thủ tục giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Bổ sung thêm quy định mẫu “Tờ trình thẩm định, phê duyệt dự án nhà ở” vào Quyết định số 19/2008/QĐ-UBND ngày 21/3/2008 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về Ban hành Quy định về thủ tục giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

4. Thủ tục thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư (đối với trường hợp không gắn với thành lập doanh nghiệp) - mã số hồ sơ: 160550

4.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay

thể thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Giảm thời gian trình thẩm tra dự án tại Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố xuống còn 10 ngày làm việc thay vì 20 ngày.

Lý do:

Thời gian thực hiện thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư là 55 (năm mươi lăm) ngày, mất khoảng thời gian hơn 06 tuần lễ để thực hiện thẩm định, thẩm tra hồ sơ là quá lâu đối với nhà đầu tư.

4.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Kiến nghị sửa đổi (quy định rõ, rút ngắn về thời gian) khoản 4 Điều 49, Nghị định số 108/NĐ-CP ngày 22/9/2008 về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư, như sau: “Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và văn bản trả lời của các Bộ, ngành hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm tra, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm tra, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận đầu tư”.

5. Thủ tục thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư (đối với trường hợp gắn với thành lập doanh nghiệp) - mã số hồ sơ: 160551

5.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Giảm thời gian trình thẩm tra dự án tại Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố xuống còn 10 ngày làm việc thay vì 20 ngày.

Lý do:

Thời gian thực hiện thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư là 55 (năm mươi lăm) ngày, mất khoảng thời gian hơn 06 tuần lễ để thực hiện thẩm định, thẩm tra hồ sơ là quá lâu đối với nhà đầu tư.

5.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Kiến nghị sửa đổi (quy định rõ, rút ngắn về thời gian) khoản 4 Điều 49, Nghị định số 108/NĐ-CP ngày 22/9/2008 về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một

số điều của Luật Đầu tư, như sau: “Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và văn bản trả lời của các Bộ, ngành hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm tra, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm tra, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận đầu tư”.

6. Thủ tục điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư (đối với trường hợp không gắn với thành lập doanh nghiệp/ hoặc chi nhánh) - mã số hồ sơ: 160552

6.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Giảm thời gian trình thẩm tra dự án tại Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố xuống còn 10 ngày làm việc thay vì 20 ngày.

Lý do:

Tạo điều kiện thuận lợi về thủ tục hành chính cho nhà đầu tư.

6.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Kiến nghị sửa đổi tại mục C, khoản 1 Điều 52 của Nghị định số 108/NĐ-CP ngày 22/9/2008 về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư như sau: “Trong thời hạn 10 ngày làm việc Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc cơ quan thẩm định hồ sơ lập báo cáo, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận đầu tư”.

7. Thủ tục điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư (đối với trường hợp gắn với thành lập doanh nghiệp/hoặc chi nhánh) - mã số hồ sơ: 160554

7.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi, bổ sung:

Làm rõ quy định về thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan có thẩm quyền thẩm định tổng hợp trình UBND thành phố xem xét cấp giấy chứng nhận đầu tư (là Ban Quản lý Khu Thủ Thiêm) và thời gian của cơ quan ra quyết định cấp giấy chứng nhận đầu tư (là UBND thành phố).

Lý do:

Quy định về thời gian giải quyết thủ tục hành chính tại mục C, khoản 1, Điều 52 của Nghị định số 108/NĐ-CP ngày 22/9/2008 về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư không rõ ràng, gây khó khăn, lúng túng cho các cơ quan liên quan.

7.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Kiến nghị giải thích và quy định rõ về thời gian giải quyết thủ tục hành chính được quy định tại mục C, khoản 1 Điều 52 của Nghị định 108/NĐ-CP ngày 22/9/2008 về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư như sau:

+ Trường hợp 1: nếu đây là thời gian quy định riêng đối với cơ quan nhận và thẩm định hồ sơ (là Ban Quản lý Khu Thủ Thiêm) để thực hiện thẩm định hồ sơ trình cơ quan cấp giấy chứng nhận đầu tư (là Ủy ban nhân dân thành phố) trong 15 ngày làm việc là phù hợp.

+ Trường hợp 2: nếu đây là thời gian quy định chung cho cả hai cơ quan nhận và thẩm định hồ sơ (là Ban Quản lý Khu Thủ Thiêm) và cơ quan cấp giấy chứng nhận đầu tư (là Ủy ban nhân dân thành phố) ra quyết định cấp giấy chứng nhận đầu tư trong thời hạn 15 ngày làm việc là không rõ ràng và không đủ thời gian để thực hiện cho cả hai quy trình trên.

8. Thủ tục cung cấp thông tin quy hoạch kiến trúc - mã số hồ sơ: 162022

8.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi, bổ sung: Hợp pháp hóa mẫu “Đơn đề nghị cung cấp thông tin quy hoạch kiến trúc”.

Lý do:

Mẫu đơn đang sử dụng không có văn bản quy định.

8.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Kiến nghị bổ sung quy định về mẫu đơn tại Thông tư số 07/2008/TT-BXD ngày 07 tháng 04 năm 2008 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng và chuẩn hóa mẫu đơn trên phạm vi toàn quốc theo

nội dung mẫu đơn đã công bố tại Bộ Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý Đầu tư - Xây dựng Khu Đô thị mới Thủ Thiêm nếu xét thấy phù hợp.

9. Thủ tục thẩm định nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/500 - mã số hồ sơ: 162023

9.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Hợp pháp hóa mẫu “Tờ trình đề nghị phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/500”.

Lý do:

Mẫu tờ trình đang sử dụng không có văn bản quy định.

9.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Kiến nghị bổ sung quy định về mẫu đơn tại Thông tư số 07/2008/TT-BXD ngày 07 tháng 04 năm 2008 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng và chuẩn hóa mẫu đơn trên phạm vi toàn quốc theo nội dung mẫu đơn đã công bố tại Bộ Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý Đầu tư - Xây dựng Khu Đô thị mới Thủ Thiêm nếu xét thấy phù hợp.

10. Thủ tục thẩm định nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/500 - mã số hồ sơ: 162024

10.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Hợp pháp hóa mẫu “Tờ trình đề nghị phê duyệt điều chỉnh nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/500”.

Lý do:

Mẫu tờ trình đang sử dụng không có văn bản quy định.

10.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Kiến nghị bổ sung quy định về mẫu đơn tại Thông tư số 07/2008/TT-BXD ngày 07 tháng 04 năm 2008 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng và chuẩn hóa mẫu đơn trên phạm vi toàn quốc theo nội dung mẫu đơn đã công bố tại Bộ Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý Đầu tư - Xây dựng Khu Đô thị mới Thủ Thiêm nếu xét thấy phù hợp.

11. Thủ tục thẩm định đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/500 - mã số hồ sơ: 162025

11.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Hợp pháp hóa mẫu “Tờ trình đề nghị phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/500”.

Lý do:

Mẫu tờ trình đang sử dụng không có văn bản quy định.

11.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Kiến nghị bổ sung quy định về mẫu đơn tại Thông tư số 07/2008/TT-BXD ngày 07 tháng 04 năm 2008 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng và chuẩn hóa mẫu đơn trên phạm vi toàn quốc theo nội dung mẫu đơn đã công bố tại Bộ Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý Đầu tư - Xây dựng Khu Đô thị mới Thủ Thiêm nếu xét thấy phù hợp.

12. Thủ tục thẩm định điều chỉnh đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/500 - mã số hồ sơ: 162026

12.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Hợp pháp hóa mẫu “Tờ trình đề nghị phê duyệt điều chỉnh đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/500”.

Lý do:

Mẫu tờ trình đang sử dụng không có văn bản quy định.

12.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Kiến nghị bổ sung quy định về mẫu đơn tại Thông tư số 07/2008/TT-BXD ngày 07 tháng 04 năm 2008 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng và chuẩn hóa mẫu đơn trên phạm vi toàn quốc theo nội dung mẫu đơn đã công bố tại Bộ Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý Đầu tư - Xây dựng Khu Đô thị mới Thủ Thiêm nếu xét thấy phù hợp.

13. Thủ tục cấp Giấy phép xây dựng công trình cấp đặc biệt, cấp I, công trình di tích lịch sử văn hoá; công trình tượng đài, quảng cáo, tranh hoành tráng, những công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài; công trình thuộc dự án và các công trình khác do UBND cấp tỉnh quy định - mã số hồ sơ: 160953

13.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Cấp Giấy phép xây dựng công trình cấp đặc biệt, cấp I, công trình di tích lịch sử văn hoá; công trình tượng đài, quảng cáo, tranh hoành tráng, những công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài; công trình thuộc dự án và các công trình khác do UBND cấp tỉnh quy định.

Lý do:

Theo quy định tại mục 2 của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, thì trước khi khởi công xây dựng công trình, chủ đầu tư phải có giấy phép xây dựng, trừ trường hợp xây dựng các công trình sau đây: "...Công trình xây dựng thuộc dự án khu đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu nhà ở có quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt".

Do đó, các dự án trong địa bàn Khu Đô thị mới Thủ Thiêm đã có QHCT 1/500 nên không cần phải cấp giấy phép xây dựng.

13.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Loại bỏ toàn bộ nội dung của thủ tục này trong Bộ Thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 996/QĐ-UBND ngày 05/3/2010 của UBND thành phố Hồ Chí Minh.

14. Thủ tục cấp giấy phép xây dựng công trình ngầm đô thị - mã số hồ sơ: 160961

14.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính tên: cấp giấy phép xây dựng công trình ngầm đô thị.

Lý do:

Theo quy định tại mục 2 của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, thì trước khi khởi công xây dựng công trình, chủ đầu tư phải có giấy phép xây dựng, trừ trường hợp xây dựng các công trình sau đây: "...Công trình xây dựng thuộc dự án khu đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu nhà ở có quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt".

Do đó, các dự án trong địa bàn Khu Đô thị mới Thủ Thiêm đã có QHCT 1/500 nên không cần phải cấp giấy phép xây dựng.

14.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Loại bỏ toàn bộ nội dung của thủ tục hành chính này trong Bộ Thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 996/QĐ-UBND ngày 05/3/2010 của UBND thành phố Hồ Chí Minh.

15. Thủ tục điều chỉnh giấy phép xây dựng - mã số hồ sơ: 162016

15.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính tên: điều chỉnh giấy phép xây dựng.

Lý do:

Theo quy định tại mục 2 của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, thì trước khi khởi công xây dựng công trình, chủ đầu tư phải có giấy phép xây dựng, trừ trường hợp xây dựng các công trình sau đây: "...Công trình xây dựng thuộc dự án khu đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu nhà ở có quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt".

Do đó, các dự án trong địa bàn Khu Đô thị mới Thủ Thiêm đã có QHCT 1/500 nên không cần phải cấp giấy phép xây dựng.

15.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Loại bỏ toàn bộ nội dung của thủ tục hành chính này trong Bộ Thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 996/QĐ-UBND ngày 05/3/2010 của UBND thành phố Hồ Chí Minh.

16. Thủ tục điều chỉnh thiết kế đã được duyệt kèm theo giấy phép xây dựng - mã số hồ sơ: 162019

16.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Điều chỉnh thiết kế đã được duyệt kèm theo giấy phép xây dựng.

Lý do:

Theo quy định tại mục 2 của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, thì trước khi khởi công xây dựng công trình, chủ đầu tư phải có giấy phép xây dựng, trừ trường hợp xây dựng các công trình sau đây: "...Công trình xây dựng thuộc dự án khu đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu nhà ở có quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt".

Do đó, các dự án trong địa bàn Khu Đô thị mới Thủ Thiêm đã có QHCT 1/500 nên không cần phải cấp giấy phép xây dựng.

16.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Loại bỏ toàn bộ nội dung của thủ tục hành chính này trong Bộ Thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 996/QĐ-UBND ngày 05/3/2010 của UBND thành phố Hồ Chí Minh.

17. Thủ tục gia hạn giấy phép xây dựng - mã số hồ sơ: 162021

17.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính tên: gia hạn giấy phép xây dựng.

Lý do:

Theo quy định tại mục 2 của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, thì trước khi khởi công xây dựng công trình, chủ đầu tư phải có giấy phép xây dựng, trừ trường hợp xây dựng các công trình sau đây: "...Công trình xây dựng thuộc dự án khu đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu nhà ở có quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt".

Do đó, các dự án trong địa bàn Khu Đô thị mới Thủ Thiêm đã có QHCT 1/500 nên không cần phải cấp giấy phép xây dựng.

17.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Loại bỏ toàn bộ nội dung của thủ tục hành chính này trong Bộ Thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 996/QĐ-UBND ngày 05/3/2010 của UBND thành phố Hồ Chí Minh.

XIV. Các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

1. Thủ tục Cấp giấy phép Tổ chức hoạt động Lân Sư Rồng - mã số hồ sơ: 030906

1.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi, bổ sung: Ban hành Quy chế quản lý loại hình hoạt động Lân Sư Rồng và văn bản quy định thực hiện thủ tục cấp giấy phép Tổ chức hoạt động Lân Sư Rồng.

Lý do:

Tại thành phố Hồ Chí Minh hiện nay có trên 50 đội lân sư rồng hoạt động. Để quản lý được loại hình hoạt động này, ngành Văn hóa Thể thao và Du lịch xin chủ trương Ủy ban nhân dân thành phố được cấp phép để quản lý cho chặt chẽ.

Hiện nay, chưa có văn bản quy phạm pháp luật nào quy định việc cấp phép hoạt động Lân Sư Rồng.

1.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Kiến nghị Chính phủ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sớm ban hành các văn bản pháp luật quản lý loại hình hoạt động Lân Sư Rồng.

Trước mắt, kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố sớm ban hành Quy chế quản lý loại hình hoạt động Lân Sư Rồng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

2. Thủ tục Cấp Giấy giới thiệu Lân Sư Rồng biểu diễn tại các tỉnh, thành ngoài thành phố Hồ Chí Minh - mã số hồ sơ: 030901

2.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi, bổ sung: Ban hành Quy chế quản lý loại hình hoạt động Lân Sư Rồng và văn bản quy định thực hiện thủ tục Cấp Giấy giới thiệu Lân Sư Rồng biểu diễn tại các tỉnh, thành ngoài thành phố Hồ Chí Minh.

Lý do:

Tại thành phố Hồ Chí Minh hiện nay có trên 50 đội lân sư rồng hoạt động. Để quản lý được loại hình hoạt động này, ngành Văn hóa Thể thao và Du lịch xin chủ trương Ủy ban nhân dân thành phố được cấp phép để quản lý cho chặt chẽ.

Hiện nay, chưa có văn bản quy phạm pháp luật nào quy định việc cấp phép hoạt động Lân Sư Rồng.

2.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Kiến nghị Chính phủ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sớm ban hành các văn bản pháp luật quản lý loại hình hoạt động Lân Sư Rồng.

Trước mắt, kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố sớm ban hành Quy chế quản lý loại hình hoạt động Lân Sư Rồng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

3. Thủ tục Đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia– mã số hồ sơ: 032276

3.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi, bổ sung: Ban hành văn bản hướng dẫn thu phí, lệ phí của thủ tục Đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.

Lý do:

- Hiện nay, phí giám định di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia chưa được Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện (phí thuộc lĩnh vực văn hóa, xã hội - theo quy định tại Danh mục chi tiết phí, lệ phí.

- Phí, lệ phí trong thủ tục đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia cũng không được quy định, toàn bộ chi phí thực hiện phải sử dụng từ ngân sách nhà nước, không được bù đắp. Mặt khác, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chưa quy định chi tiết về dấu hiệu xác định di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia đã được đăng ký để làm cơ sở nhận biết.

3.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với Bộ Tài chính sớm ban hành thông tư hướng dẫn về phí, lệ phí áp dụng cho thủ tục hành chính này.

- Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/06/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí, được sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 về phí giám định di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia và lệ phí thủ tục đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.

4. Thủ tục Thành lập và giải thể bảo tàng tư nhân - mã số hồ sơ: 032309

4.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi, bổ sung: Quy định về số lượng hồ sơ, thành phần hồ sơ về thành lập bảo tàng tư nhân.

Lý do:

Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch chưa có hướng dẫn về thành phần hồ sơ, biểu mẫu theo quy định của Nghị định số 92/2002/NĐ-CP ngày 11/11/2002 của Chính phủ hướng dẫn thực hiện Luật Di sản Văn hóa.

4.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sớm quy định về số lượng bộ hồ sơ cần nộp, biểu mẫu thành phần hồ sơ theo đúng quy định của Nghị định số 92/2002/NĐ-CP ngày 11/11/2002 của Chính phủ hướng dẫn thực hiện Luật Di sản Văn hóa.

5. Thủ tục Giấy phép thành lập văn phòng đại diện của Doanh nghiệp Du lịch nước ngoài tại Việt Nam - mã số hồ sơ: 133598

5.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi, bổ sung: Ban hành văn bản hướng dẫn thu phí thủ tục giấy phép thành lập văn phòng đại diện của Doanh nghiệp Du lịch nước ngoài tại Việt Nam.

Lý do:

Hiện nay, Bộ Tài chính chưa có văn bản hướng mức dẫn mức thu phí theo quy định của Nghị định số 92/2007/NĐ-CP ngày 01/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Du lịch quy định có thu phí.

5.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bộ Tài chính sớm có văn bản hướng mức dẫn mức thu phí cụ thể căn cứ theo Luật Du lịch số 44/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc hội; Nghị định số 92/2007/NĐ-CP ngày 01/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Du lịch quy định có thu phí.

6. Thủ tục Giấy phép thực hiện quảng cáo trên băng - rôn - mã số hồ sơ: 030898

6.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Sửa đổi tên Thủ tục hành chính: Giấy phép thực hiện quảng cáo trên băng - rôn (Mã số hồ sơ 030898) thành thủ tục cấp Giấy phép thực hiện quảng cáo trên băng, biển, pa-nô đối với hàng hóa, dịch vụ thông thường.

Lý do:

Thủ tục hành chính: Giấy phép thực hiện quảng cáo trên băng - rôn (Mã số hồ sơ 030898) chưa thống nhất với Quyết định số 2772/QĐ-BVHTTDL ngày 11/8/2009 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

b) Sửa đổi tên mẫu đơn, mẫu tờ khai thành tên: Đơn đề nghị cấp phép thực hiện quảng cáo.

Lý do:

Đề giảm bớt cơ chế “xin, cho”; đề nghị sửa đổi tên thủ tục hành chính này cho phù hợp.

c) Sửa đổi mức thu lệ phí, mức thu theo Thông tư số 154/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính:

+ 50.000đ/1 bảng - rôn.

+ Diện tích dưới 10m²: 100.000 đ/1bảng.

+ Phương tiện di động: 100.000đ/1 xe.

Lý do:

Thông tư số 64/2008/TT-BTC ngày 18/7/2008 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 67/2004/TT-BTC ngày 07/7/2004 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí cấp giấy phép thực hiện quảng cáo hết hiệu lực và thay bằng Thông tư số 154/2009/TT-BTC ngày 30/7/2009 của Bộ Tài chính chính về việc quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí cấp giấy phép thực hiện quảng cáo.

6.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Thông tư số 43/2003/TT-BVHTT ngày 16/7/2003 của Bộ Văn hóa và Thông tin hướng dẫn thực hiện Nghị định số 24/2002/NĐ-CP ngày 13/3/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Quảng cáo.

7. Thủ tục Giấy phép thực hiện quảng cáo trên bảng - rôn liên quan đến lĩnh vực y tế - mã số hồ sơ: 030908

7.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Sửa đổi tên Thủ tục hành chính: Giấy phép thực hiện quảng cáo trên bảng - rôn liên quan đến lĩnh vực y tế (Mã số hồ sơ 030908) thành thủ tục cấp Giấy phép thực hiện quảng cáo trên bảng - rôn, phương tiện giao thông, vật phát quang, vật thể trên không, dưới nước đối với hàng hóa, dịch vụ trong lĩnh vực y tế.

Lý do:

Thủ tục hành chính: Giấy phép thực hiện quảng cáo trên bảng - rôn liên quan đến lĩnh vực y tế (Mã số hồ sơ 030908) chưa thống nhất với Quyết định số 2772/QĐ-

BVHTTDL ngày 11/8/2009 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

b) Đề nghị đổi tên đơn thành tên: Đơn đề nghị cấp phép thực hiện quảng cáo

Lý do:

Để giảm bớt cơ chế “xin, cho”

c) Sửa đổi mức thu lệ phí: Mức thu theo Thông tư số 154/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính:

- 50.000đ/1 băng - rôn.
- Diện tích dưới 10m²: 100.000 đ/1băng.
- Phương tiện di động: 100.000đ/1 xe.

Lý do:

Thông tư số 64/2008/TT-BTC ngày 18/7/2008 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 67/2004/TT-BTC ngày 07/7/2004 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí cấp giấy phép thực hiện quảng cáo hết hiệu lực và thay bằng Thông tư số 154/2009/TT-BTC ngày 30/7/2009 của Bộ Tài chính chính về việc quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí cấp giấy phép thực hiện quảng cáo.

7.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Thông tư số 43/2003/TT-BVHTT ngày 16/7/2003 của Bộ Văn hóa Thông tin hướng dẫn thực hiện Nghị định số 24/2002/NĐ-CP ngày 13/3/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Quảng cáo.

8. Thủ tục Giấy phép thực hiện quảng cáo trên băng - rôn liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp - mã số hồ sơ: 030911

8.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Đổi tên thủ tục hành chính này thành thủ tục Giấy phép thực hiện quảng cáo trên băng - rôn, phương tiện giao thông, vật phát quang, vật thể trên không, dưới nước đối với hàng hóa, dịch vụ trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Lý do:

Thủ tục hành chính: Giấy phép thực hiện quảng cáo trên bảng - rôn liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp (Mã số hồ sơ 030911) chưa thống nhất với Quyết định số 2772/QĐ-BVHTTDL ngày 11/8/2009 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

b) Sửa đổi tên mẫu đơn, mẫu tờ khai thành tên: Đơn đề nghị cấp phép thực hiện quảng cáo.

Lý do:

Để giảm bớt cơ chế “xin, cho”; đề nghị sửa đổi tên thủ tục hành chính này cho phù hợp.

c) Sửa đổi mức thu lệ phí Mức thu theo Thông tư số 154/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính:

+ 50.000đ/1 bảng - rôn.

+ Diện tích dưới 10m²: 100.000 đ/1bảng.

+ Phương tiện di động: 100.000đ/1 xe.

Lý do:

Thông tư số 64/2008/TT-BTC ngày 18/7/2008 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 67/2004/TT-BTC ngày 07/7/2004 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí cấp giấy phép thực hiện quảng cáo hết hiệu lực và thay bằng Thông tư số 154/2009/TT-BTC ngày 30/7/2009 của Bộ Tài chính chính về việc quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí cấp giấy phép thực hiện quảng cáo.

8.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Thông tư số 43/2003/TT-BVHTT ngày 16/7/2003 của Bộ Văn hóa Thông tin hướng dẫn thực hiện Nghị định số 24/2002/NĐ-CP ngày 13/3/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Quảng cáo.

9. Thủ tục Giấy phép thực hiện quảng cáo diện tích từ 10m² - 20m² - mã số hồ sơ: 031249**9.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay**

thể thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Đổi tên thủ tục hành chính này thành thủ tục cấp Giấy phép thực hiện quảng cáo trên bảng, biển, pa-nô đối với hàng hóa, dịch vụ thông thường.

Lý do:

Thủ tục hành chính: Giấy phép thực hiện quảng cáo diện tích từ 10m² - 20m² (Mã số hồ sơ 031249) chưa thống nhất với Quyết định số 2772/QĐ-BVHTTDL ngày 11/8/2009 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

b) Sửa đổi tên mẫu đơn, mẫu tờ khai thành tên: Đơn đề nghị cấp phép thực hiện quảng cáo.

Lý do:

Để giảm bớt cơ chế “xin, cho”.

c) Sửa đổi mức thu lệ phí Mức thu theo Thông tư số 154/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính:

- Diện tích từ 10m² - 20m²: 200.000 đ/1bảng.
- Diện tích từ 20m² - 30m²: 400.000 đ/1bảng.
- Diện tích từ 30m² - 40m²: 500.000 đ/1bảng.
- Diện tích trên 40m²: 600.000 đ/1bảng.
- Quảng cáo phương tiện màn hình điện tử: 600.000 đ/1bảng.

Lý do:

Thông tư số 64/2008/TT-BTC ngày 18/7/2008 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 67/2004/TT-BTC ngày 07/7/2004 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí cấp giấy phép thực hiện quảng cáo hết hiệu lực và thay bằng Thông tư số 154/2009/TT-BTC ngày 30/7/2009 của Bộ Tài chính về việc quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí cấp giấy phép thực hiện quảng cáo.

9.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Thông tư số 43/2003/TT-BVHTT ngày 16/7/2003 của Bộ Văn hóa Thông tin hướng dẫn thực hiện Nghị định số 24/2002/NĐ-CP ngày 13/3/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Quảng cáo.

10. Thủ tục Giấy phép thực hiện quảng cáo diện tích từ 10m² - 20m² liên quan đến lĩnh vực y tế - mã số hồ sơ: 031273

10.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Đổi tên thủ tục hành chính này thành thủ tục Giấy phép thực hiện quảng cáo trên bảng, biển, pa-nô đối với hàng hóa, dịch vụ trong lĩnh vực y tế.

Lý do:

Thủ tục hành chính: Giấy phép thực hiện quảng cáo diện tích từ 10m² - 20m² liên quan đến lĩnh vực y tế (Mã số hồ sơ 031273) chưa thống nhất với Quyết định số 2772/QĐ-BVHTTDL ngày 11/8/2009 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

b) Sửa đổi tên mẫu đơn, mẫu tờ khai thành tên: Đơn đề nghị cấp phép thực hiện quảng cáo.

Lý do: Để giảm bớt cơ chế “xin, cho”.

c) Sửa đổi mức thu lệ phí. Mức thu theo Thông tư số 154/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính:

- Diện tích từ 10m² - 20m²: 200.000 đ/1bảng.
- Diện tích từ 20m² - 30m²: 400.000 đ/1bảng.
- Diện tích từ 30m² - 40m²: 500.000 đ/1bảng.
- Diện tích trên 40m²: 600.000 đ/1bảng.
- Quảng cáo phương tiện màn hình điện tử: 600.000 đ/1bảng.

Lý do:

Thông tư số 64/2008/TT-BTC ngày 18/7/2008 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 67/2004/TT-BTC ngày 07/7/2004 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí cấp giấy phép thực hiện quảng cáo hết hiệu lực và thay bằng Thông tư số 154/2009/TT-BTC ngày 30/7/2009 của Bộ Tài chính chính về việc quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí cấp giấy phép thực hiện quảng cáo.

10.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Thông tư số 43/2003/TT-BVHTT ngày 16/7/2003 của Bộ Văn hóa Thông tin hướng dẫn thực hiện Nghị định số 24/2002/NĐ-CP ngày 13/3/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Quảng cáo.

11. Thủ tục Giấy phép thực hiện quảng cáo diện tích từ 10m² - 20m² liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp - mã số hồ sơ: 031288

11.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Đổi tên thủ tục hành chính này thành thủ tục cấp Giấy phép thực hiện quảng cáo trên bảng, biển, pa-nô đối với hàng hóa, dịch vụ trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Lý do:

Thủ tục hành chính: Giấy phép thực hiện quảng cáo diện tích từ 10m² - 20m² liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp (Mã số hồ sơ 031288) chưa thống nhất với Quyết định số 2772/QĐ-BVHTTDL ngày 11/8/2009 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

b) Sửa đổi tên mẫu đơn, mẫu tờ khai thành tên: Đơn đề nghị cấp phép thực hiện quảng cáo.

Lý do:

Để giảm bớt cơ chế “xin, cho”.

c) Sửa đổi mức thu lệ phí. Mức thu theo Thông tư số 154/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính:

- Diện tích từ 10m² - 20m²: 200.000 đ/1bảng.
- Diện tích từ 20m² - 30m²: 400.000 đ/1bảng.
- Diện tích từ 30m² - 40m²: 500.000 đ/1bảng.
- Diện tích trên 40m²: 600.000 đ/1bảng.
- Quảng cáo phương tiện màn hình điện tử: 600.000 đ/1bảng.

Lý do:

Thông tư số 64/2008/TT-BTC ngày 18/7/2008 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 67/2004/TT-BTC ngày 07/7/2004 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí cấp giấy phép thực hiện quảng cáo hết hiệu lực và thay bằng Thông tư số 154/2009/TT-BTC ngày 30/7/2009 của Bộ Tài chính chính về việc quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí cấp giấy phép thực hiện quảng cáo.

11.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Thông tư số 43/2003/TT-BVHTT ngày 16/7/2003 của Bộ Văn hóa Thông tin hướng dẫn thực hiện Nghị định số 24/2002/NĐ-CP ngày 13/3/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Quảng cáo.

12. Thủ tục Giấy phép thực hiện quảng cáo - gia hạn diện tích từ 10m² - 20m² - mã số hồ sơ: 030873

12.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Đổi tên thủ tục hành chính này thành thủ tục Gia hạn Giấy phép thực hiện quảng cáo trên bảng, biển, pa-nô, phương tiện giao thông.

Lý do:

Thủ tục hành chính: Giấy phép thực hiện quảng cáo - gia hạn diện tích từ 10m² - 20m² (Mã số hồ sơ 030873) chưa thống nhất với Quyết định số 2772/QĐ-BVHTTDL ngày 11/8/2009 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

b) Sửa đổi tên mẫu đơn, mẫu tờ khai thành tên: Đơn đề nghị cấp phép thực hiện quảng cáo.

Lý do:

Để giảm bớt cơ chế “xin, cho”.

c) Sửa đổi mức thu lệ phí. Mức thu theo Thông tư số 154/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính:

- Diện tích từ 10m² - 20m²: 100.000 đ/1bảng.
- Diện tích từ 20m² - 30m²: 200.000 đ/1bảng.
- Diện tích từ 30m² - 40m²: 250.000 đ/1bảng.

- Diện tích trên 40m²: 300.000 đ/1bảng.
- Quảng cáo phương tiện màn hình điện tử: 300.000 đ/1bảng.

Lý do:

Thông tư số 64/2008/TT-BTC ngày 18/7/2008 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 67/2004/TT-BTC ngày 07/7/2004 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí cấp giấy phép thực hiện quảng cáo hết hiệu lực và thay bằng Thông tư số 154/2009/TT-BTC ngày 30/7/2009 của Bộ Tài chính chính về việc quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí cấp giấy phép thực hiện quảng cáo.

12.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Thông tư số 64/2008/TT-BTC ngày 18/7/2008 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 67/2004/TT-BTC ngày 07/7/2004 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí cấp giấy phép thực hiện quảng cáo hết hiệu lực và thay bằng Thông tư số 154/2009/TT-BTC ngày 30/7/2009 của Bộ Tài chính chính về việc quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí cấp giấy phép thực hiện quảng cáo.

13. Thủ tục giấy phép kinh doanh karaoke - mã số hồ sơ: 031815

13.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ một phần của yêu cầu điều kiện “địa điểm hoạt động karaoke trong khu dân cư phải được sự đồng ý bằng văn bản của các hộ liền kề”.

Lý do:

Quy định yêu cầu điều kiện “địa điểm hoạt động karaoke trong khu dân cư phải được sự đồng ý bằng văn bản của các hộ liền kề” gây khó khăn cho tổ chức, cá nhân kinh doanh vì bị lệ thuộc vào sự yêu, ghét chủ quan của hộ liền kề, thêm vào đó không hợp lý vì cơ sở karaoke đã được chính quyền địa phương quy hoạch, nếu hộ liền kề không đồng ý thì hiệu lực của các quyết định quy hoạch sẽ bị vô hiệu.

13.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ Điều 30, 34 Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 của Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng.

14. Thủ tục gia hạn Giấy phép kinh doanh karaoke - mã số hồ sơ: 031856

14.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ một phần của yêu cầu điều kiện “địa điểm hoạt động karaoke trong khu dân cư phải được sự đồng ý bằng văn bản của các hộ liền kề”.

Lý do:

Quy định yêu cầu điều kiện “địa điểm hoạt động karaoke trong khu dân cư phải được sự đồng ý bằng văn bản của các hộ liền kề” gây khó khăn cho tổ chức, cá nhân kinh doanh vì bị lệ thuộc vào sự yêu, ghét chủ quan của hộ liền kề, thêm vào đó không hợp lý vì cơ sở karaoke đã được chính quyền địa phương quy hoạch, nếu hộ liền kề không đồng ý thì hiệu lực của các quyết định quy hoạch sẽ bị vô hiệu.

14.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ Điều 30 - Điều 34 Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 của Chính phủ ban hành quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng.

15. Thủ tục giấy phép thực hiện quảng cáo (trên pano nhỏ dưới 10m²) và vật thể trên không, dưới nước - Thời gian dưới 30 ngày. - mã số hồ sơ: 030916

15.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Thủ tục giấy phép thực hiện quảng cáo (trên pano nhỏ dưới 10m²) và vật thể trên không, dưới nước - Thời gian dưới 30 ngày.

Lý do:

- Thủ tục hành chính này được nhập vào thủ tục hành chính có tên là Giấy phép thực hiện quảng cáo trên băng - rôn, phương tiện giao thông, vật phát quang, vật thể trên không, dưới nước đối với hàng hóa, dịch vụ trong lĩnh vực y tế.

- Trước đây là thủ tục Giấy phép thực hiện quảng cáo trên băng - rôn liên quan đến lĩnh vực y tế (Mã số hồ sơ 030908).

15.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Thủ tục hành chính này được quy định tại Pháp lệnh Quảng cáo số 39/2001/PL-UBTVQH ngày 16/11/2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

16. Thủ tục giấy phép thực hiện quảng cáo trên pano nhỏ (dưới 10m²) và vật thể trên không, dưới nước - Thời gian dưới 30 ngày (liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp) - mã số hồ sơ: 030928

16.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Thủ tục giấy phép thực hiện quảng cáo trên pano nhỏ (dưới 10m²) và vật thể trên không, dưới nước - Thời gian dưới 30 ngày (liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp).

Lý do:

Thủ tục hành chính này được nhập vào thủ tục hành chính có tên là Giấy phép thực hiện quảng cáo trên băng - rôn quan đến lĩnh vực nông nghiệp (Mã số hồ sơ 030911).

16.2. Kiến nghị thực thi (*nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung*)

Thủ tục hành chính này được quy định tại Pháp lệnh Quảng cáo số 39/2001/PL-UBTVQH ngày 16/11/2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

17. Thủ tục giấy phép thực hiện quảng cáo (diện tích từ 20m² - 30m²) - mã số hồ sơ: 031296

17.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Thủ tục giấy phép thực hiện quảng cáo (diện tích từ 20m² - 30m²).

Lý do

Thủ tục hành chính này được nhập vào thủ tục hành chính có tên là Giấy phép thực hiện quảng cáo diện tích từ 10m² - 20m² (Mã số hồ sơ 031249).

17.2. Kiến nghị thực thi (*nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung*)

Thủ tục hành chính này được quy định tại Pháp lệnh Quảng cáo số 39/2001/PL-UBTVQH ngày 16/11/2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

18. Thủ tục giấy phép thực hiện quảng cáo (diện tích từ 20m² - 30m² - liên quan đến lĩnh vực y tế) - mã số hồ sơ: 031303

18.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Thủ tục giấy phép thực hiện quảng cáo (diện tích từ 20m² - 30m² - liên quan đến lĩnh vực y tế).

Lý do:

Thủ tục hành chính này được nhập vào thủ tục hành chính có tên là Giấy phép thực hiện quảng cáo diện tích từ 10m² - 20m² liên quan đến lĩnh vực y tế (Mã số hồ sơ 031273).

18.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Thủ tục hành chính này được quy định tại Pháp lệnh Quảng cáo số 39/2001/PL-UBTVQH ngày 16/11/2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

19. Thủ tục giấy phép thực hiện quảng cáo (diện tích từ 20m² - 30m² - liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp) - mã số hồ sơ: 031307

19.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Thủ tục giấy phép thực hiện quảng cáo (diện tích từ 20m² - 30m² - liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp).

Lý do:

Thủ tục hành chính này được nhập vào thủ tục hành chính có tên là Giấy phép thực hiện quảng cáo diện tích từ 10m² - 20m² liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp (031288).

19.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Thủ tục hành chính này được quy định tại Pháp lệnh Quảng cáo số 39/2001/PL-UBTVQH ngày 16/11/2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

20. Thủ tục giấy phép thực hiện quảng cáo (diện tích từ 30m² - 40m²) - mã số hồ sơ: 031310

20.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Thủ tục giấy phép thực hiện quảng cáo (diện tích từ 30m² - 40m²).

Lý do:

Thủ tục hành chính này được nhập vào thủ tục hành chính có tên là Giấy phép thực hiện quảng cáo diện tích từ 10m² - 20m² (031249).

20.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Thủ tục hành chính này được quy định tại Pháp lệnh Quảng cáo số 39/2001/PL-UBTVQH ngày 16/11/2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

21. Thủ tục giấy phép thực hiện quảng cáo (diện tích từ 30m² - 40m² - liên quan đến lĩnh vực y tế) - mã số hồ sơ: 031314

21.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Thủ tục giấy phép thực hiện quảng cáo (diện tích từ 30m² - 40m² - liên quan đến lĩnh vực y tế).

Lý do:

Thủ tục hành chính này được nhập vào thủ tục hành chính có tên là Giấy phép thực hiện quảng cáo diện tích từ 10m² - 20m² liên quan đến lĩnh vực y tế (Mã số hồ sơ 031273).

21.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Thủ tục hành chính này được quy định tại Pháp lệnh Quảng cáo số 39/2001/PL-UBTVQH ngày 16/11/2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

22. Thủ tục giấy phép thực hiện quảng cáo (diện tích từ 30m² - 40m² - liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp) - mã số hồ sơ: 031318

22.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Thủ tục giấy phép thực hiện quảng cáo (diện tích từ 30m² - 40m² - liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp).

Lý do:

Thủ tục hành chính này được nhập vào thủ tục hành chính có tên là Giấy phép thực hiện quảng cáo diện tích từ 10m² - 20m² liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp (Mã số hồ sơ 031288).

22.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Thủ tục hành chính này được quy định tại Pháp lệnh Quảng cáo số 39/2001/PL-UBTVQH ngày 16/11/2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

23. Thủ tục giấy phép thực hiện quảng cáo (trên 40m²) - mã số hồ sơ: 031323

23.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Thủ tục giấy phép thực hiện quảng cáo (trên 40m²).

Lý do:

Thủ tục hành chính này được nhập vào thủ tục hành chính có tên là Giấy phép thực hiện quảng cáo diện tích từ 10m² - 20m² (Mã số hồ sơ 031249).

23.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Thủ tục hành chính này được quy định tại Pháp lệnh Quảng cáo số 39/2001/PL-UBTVQH ngày 16/11/2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

24. Thủ tục giấy phép thực hiện quảng cáo (diện tích trên 40m² - liên quan đến lĩnh vực y tế) - mã số hồ sơ: 031329

24.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Thủ tục giấy phép thực hiện quảng cáo (diện tích trên 40m² - liên quan đến lĩnh vực y tế).

Lý do

Thủ tục hành chính này được nhập vào thủ tục hành chính có tên là Giấy phép thực hiện quảng cáo diện tích từ 10m² - 20m² liên quan đến lĩnh vực y tế (Mã số hồ sơ 031273).

24.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Thủ tục hành chính này được quy định tại Pháp lệnh Quảng cáo số 39/2001/PL-UBTVQH ngày 16/11/2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

25. Thủ tục giấy phép thực hiện quảng cáo (diện tích trên 40m² - liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp) - mã số hồ sơ: 031332

25.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Thủ tục giấy phép thực hiện quảng cáo (diện tích trên 40m² - liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp).

Lý do:

Thủ tục hành chính này được nhập vào thủ tục hành chính có tên là Giấy phép thực hiện quảng cáo diện tích từ 10m² - 20m² liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp (Mã số hồ sơ 031288).

25.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Thủ tục hành chính này được quy định tại Pháp lệnh Quảng cáo số 39/2001/PL-UBTVQH ngày 16/11/2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

26. Thủ tục giấy phép thực hiện quảng cáo (phương tiện màn hình điện tử) - mã số hồ sơ: 030016

26.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Thủ tục giấy phép thực hiện quảng cáo (phương tiện màn hình điện tử).

Lý do:

Thủ tục hành chính này được nhập vào thủ tục hành chính có tên là Giấy phép thực hiện quảng cáo diện tích từ 10m² - 20m² (Mã số hồ sơ 031249).

26.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Thủ tục hành chính này được quy định tại Pháp lệnh Quảng cáo số 39/2001/PL-UBTVQH ngày 16/11/2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

27. Thủ tục giấy phép thực hiện quảng cáo (phương tiện màn hình điện tử - liên quan đến lĩnh vực y tế) - mã số hồ sơ: 030030

27.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Thủ tục giấy phép thực hiện quảng cáo (phương tiện màn hình điện tử - liên quan đến lĩnh vực y tế).

Lý do:

Thủ tục hành chính này được nhập vào thủ tục hành chính có tên là Giấy phép thực hiện quảng cáo diện tích từ 10m² - 20m² liên quan đến lĩnh vực y tế (Mã số hồ sơ 031273).

27.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Thủ tục hành chính này được quy định tại Pháp lệnh Quảng cáo số 39/2001/PL-UBTVQH ngày 16/11/2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

28. Thủ tục giấy phép thực hiện quảng cáo (phương tiện màn hình điện tử - liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp) - mã số hồ sơ: 030031

28.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Thủ tục giấy phép thực hiện quảng cáo (phương tiện màn hình điện tử - liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp).

Lý do:

Thủ tục hành chính này được nhập vào thủ tục hành chính có tên là Giấy phép

thực hiện quảng cáo diện tích từ 10m² - 20m² liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp (Mã số hồ sơ 031288).

28.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Thủ tục hành chính này được quy định tại Pháp lệnh Quảng cáo số 39/2001/PL-UBTVQH ngày 16/11/2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

29. Thủ tục quyết định cho phép thực hiện quảng cáo trên phương tiện di động. - mã số hồ sơ: 031070

29.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Thủ tục quyết định cho phép thực hiện quảng cáo trên phương tiện di động.

Lý do:

Thủ tục hành chính này được nhập vào thủ tục hành chính có tên là Giấy phép thực hiện quảng cáo diện tích từ 10m² - 20m² (Mã số hồ sơ 031249).

29.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Thủ tục hành chính này được quy định tại Pháp lệnh Quảng cáo số 39/2001/PL-UBTVQH ngày 16/11/2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

30. Thủ tục Quyết định cho phép thực hiện quảng cáo trên phương tiện di động (liên quan đến lĩnh vực y tế) - mã số hồ sơ: 031084

30.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Thủ tục Quyết định cho phép thực hiện quảng cáo trên phương tiện di động (liên quan đến lĩnh vực y tế).

Lý do:

Thủ tục hành chính này được nhập vào thủ tục hành chính có tên là Giấy phép thực hiện quảng cáo diện tích từ 10m² - 20m² liên quan đến lĩnh vực y tế (Mã số hồ sơ 031273).

30.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Thủ tục hành chính này được quy định tại Pháp lệnh Quảng cáo số 39/2001/PL-UBTVQH ngày 16/11/2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

31. Thủ tục Quyết định cho phép thực hiện quảng cáo trên phương tiện di động (liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp) - mã số hồ sơ: 031091

31.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Thủ tục Quyết định cho phép thực hiện quảng cáo trên phương tiện di động (liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp).

Lý do:

Thủ tục hành chính này được nhập vào thủ tục hành chính có tên là Giấy phép thực hiện quảng cáo diện tích từ 10m² - 20m² liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp (Mã số hồ sơ 031288).

31.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Thủ tục hành chính này được quy định tại Pháp lệnh Quảng cáo số 39/2001/PL-UBTVQH ngày 16/11/2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

32. Thủ tục giấy phép thực hiện quảng cáo - Gia hạn (diện tích từ 10m² - 20m² - liên quan đến lĩnh vực y tế) - mã số hồ sơ: 030875

32.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Thủ tục giấy phép thực hiện quảng cáo - Gia hạn (diện tích từ 10m² - 20m² - liên quan đến lĩnh vực y tế).

Lý do:

Thủ tục hành chính này được nhập vào thủ tục hành chính có tên là Giấy phép thực hiện quảng cáo - gia hạn diện tích từ 10m² - 20m² (Mã số hồ sơ 030873).

32.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Thủ tục hành chính này được quy định tại Pháp lệnh Quảng cáo số 39/2001/PL-UBTVQH ngày 16/11/2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

33. Thủ tục giấy phép thực hiện quảng cáo - Gia hạn (diện tích từ 10m² - 20m² - liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp - mã số hồ sơ: 030881

33.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Thủ tục giấy phép thực hiện quảng cáo - Gia hạn (diện tích từ 10m² - 20m² - liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp).

Lý do:

Thủ tục hành chính này được nhập vào thủ tục hành chính có tên là Giấy phép thực hiện quảng cáo - gia hạn diện tích từ 10m² - 20m² (Mã số hồ sơ 030873).

33.2. Kiến nghị thực thi (*nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung*)

Thủ tục hành chính này được quy định tại Pháp lệnh Quảng cáo số 39/2001/PL-UBTVQH ngày 16/11/2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

34. Thủ tục giấy phép thực hiện quảng cáo - Gia hạn (diện tích từ 20m² - 30m²) - mã số hồ sơ: 030886

34.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Thủ tục giấy phép thực hiện quảng cáo - Gia hạn (diện tích từ 20m² - 30m²).

Lý do:

Thủ tục hành chính này được nhập vào thủ tục hành chính có tên là Giấy phép thực hiện quảng cáo - gia hạn diện tích từ 10m² - 20m² (Mã số hồ sơ 030873).

34.2. Kiến nghị thực thi (*nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung*)

Thủ tục hành chính này được quy định tại Pháp lệnh Quảng cáo số 39/2001/PL-UBTVQH ngày 16/11/2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

35. Thủ tục giấy phép thực hiện quảng cáo - Gia hạn (diện tích từ 20m² - 30m² - liên quan đến lĩnh vực y tế) - mã số hồ sơ: 030885

35.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Thủ tục giấy phép thực hiện quảng cáo - Gia hạn (diện tích từ 20m² - 30m² - liên quan đến lĩnh vực y tế).

Lý do:

Thủ tục hành chính này được nhập vào thủ tục hành chính có tên là Giấy phép thực hiện quảng cáo - gia hạn diện tích từ 10m² - 20m² (Mã số hồ sơ 030873).

35.2. Kiến nghị thực thi (*nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung*)

Thủ tục hành chính này được quy định tại Pháp lệnh Quảng cáo số 39/2001/PL-UBTVQH ngày 16/11/2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

36. Thủ tục giấy phép thực hiện quảng cáo - Gia hạn (diện tích từ 20m² - 30m² - liên quan đến lĩnh vực Nông - mã số hồ sơ: 030889

36.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Thủ tục giấy phép thực hiện quảng cáo - Gia hạn (diện tích từ 20m² - 30m² - liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp).

Lý do:

Thủ tục hành chính này được nhập vào thủ tục hành chính có tên là Giấy phép thực hiện quảng cáo - gia hạn diện tích từ 10m² - 20m² (Mã số hồ sơ 030873).

36.2. Kiến nghị thực thi (*nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung*)

Thủ tục hành chính này được quy định tại Pháp lệnh Quảng cáo số 39/2001/PL-UBTVQH ngày 16/11/2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

37. Thủ tục giấy phép thực hiện quảng cáo - Gia hạn (diện tích từ 30m² - 40m²) – mã số hồ sơ: 030890

37.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Thủ tục giấy phép thực hiện quảng cáo - Gia hạn (diện tích từ 30m² - 40m²).

Lý do:

Thủ tục hành chính này được nhập vào thủ tục hành chính có tên là Giấy phép thực hiện quảng cáo - gia hạn diện tích từ 10m² - 20m² (Mã số hồ sơ 030873).

37.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Thủ tục hành chính này được quy định tại Pháp lệnh Quảng cáo số 39/2001/PL-UBTVQH ngày 16/11/2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

38. Thủ tục giấy phép thực hiện quảng cáo - Gia hạn (diện tích từ 30m² - 40m² - liên quan đến lĩnh vực y tế) - mã số hồ sơ: 030891

38.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Thủ tục giấy phép thực hiện quảng cáo - Gia hạn (diện tích từ 30m² - 40m² - liên quan đến lĩnh vực y tế).

Lý do:

Thủ tục hành chính này được nhập vào thủ tục hành chính có tên là Giấy phép thực hiện quảng cáo - gia hạn diện tích từ 10m² - 20m² (Mã số hồ sơ 030873).

38.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Thủ tục hành chính này được quy định tại Pháp lệnh Quảng cáo số 39/2001/PL-UBTVQH ngày 16/11/2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

39. Thủ tục giấy phép thực hiện quảng cáo - Gia hạn (diện tích từ 30m² - 40m² - liên quan đến lĩnh vực Nông - mã số hồ sơ: 030893

39.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Thủ tục giấy phép thực hiện quảng cáo - Gia hạn (diện tích từ 30m² - 40m² - liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp).

Lý do:

Thủ tục hành chính này được nhập vào thủ tục hành chính có tên là Giấy phép thực hiện quảng cáo - gia hạn diện tích từ 10m² - 20m² (Mã số hồ sơ 030873).

39.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Thủ tục hành chính này được quy định tại Pháp lệnh Quảng cáo số 39/2001/PL-UBTVQH ngày 16/11/2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

40. Thủ tục giấy phép thực hiện quảng cáo Gia hạn (trên 40m²) - mã số hồ sơ: 030895

40.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Thủ tục giấy phép thực hiện quảng cáo Gia hạn (trên 40m²).

Lý do:

Thủ tục hành chính này được nhập vào thủ tục hành chính có tên là Giấy phép thực hiện quảng cáo - gia hạn diện tích từ 10m² - 20m² (Mã số hồ sơ 030873).

40.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Thủ tục hành chính này được quy định tại Pháp lệnh Quảng cáo số 39/2001/PL-UBTVQH ngày 16/11/2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

41. Thủ tục giấy phép thực hiện quảng cáo - Gia hạn (diện tích trên 40m² - liên quan đến lĩnh vực y tế) - mã số hồ sơ: 030897

41.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Thủ tục giấy phép thực hiện quảng cáo - Gia hạn (diện tích trên 40m² - liên quan đến lĩnh vực y tế).

Lý do

Thủ tục hành chính này được nhập vào thủ tục hành chính có tên là Giấy phép thực hiện quảng cáo - gia hạn diện tích từ 10m² - 20m² (Mã số hồ sơ 030873).

41.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Thủ tục hành chính này được quy định tại Pháp lệnh Quảng cáo số 39/2001/PL-UBTVQH ngày 16/11/2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

42. Thủ tục giấy phép thực hiện quảng cáo - Gia hạn (diện tích trên 40m² - liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp) - mã số hồ sơ: 030900

42.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Thủ tục giấy phép thực hiện quảng cáo - Gia hạn (diện tích trên 40m² - liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp).

Lý do:

Thủ tục hành chính này được nhập vào thủ tục hành chính có tên là Giấy phép thực hiện quảng cáo - gia hạn diện tích từ 10m² - 20m² (Mã số hồ sơ 030873).

42.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Thủ tục hành chính này được quy định tại Pháp lệnh Quảng cáo số 39/2001/PL-UBTVQH ngày 16/11/2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

43. Thủ tục giấy phép thực hiện quảng cáo (trên pano nhỏ dưới 10 m²) và vật thể trên không, dưới nước - Thời gian dưới 30 ngày - mã số hồ sơ: 030924

43.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục hành chính tên: Thủ tục giấy phép thực hiện quảng cáo (trên pano nhỏ dưới 10 m²) và vật thể trên không, dưới nước - Thời gian dưới 30 ngày.

Lý do:

Thủ tục hành chính này được nhập vào thủ tục hành chính có tên là Giấy phép thực hiện quảng cáo trên băng - rôn liên quan đến lĩnh vực y tế (Mã số hồ sơ 030908).

43.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Thủ tục hành chính này được quy định tại Pháp lệnh Quảng cáo số 39/2001/PL-UBTVQH ngày 16/11/2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

44. Thủ tục quyết định Tổ chức thi đấu các giải cấp thành phố có sử dụng kinh phí nhà nước - mã số hồ sơ: 032410

44.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

Hủy bỏ thủ tục quyết định tổ chức thi đấu các giải cấp thành phố có sử dụng kinh phí nhà nước.

Lý do:

Hủy bỏ vì đây chỉ là quy định nội bộ để hướng dẫn hồ sơ đề nghị ra quyết định tổ chức giải. Thủ tục này không được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật.

44.2. Kiến nghị thực thi (*nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung*)

Bãi bỏ thủ tục hành chính này trong Bộ Thủ tục hành chính của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch được ban hành tại Quyết định số 4193/QĐ-UBND ngày 05/9/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố.

45. Thủ tục quyết định Đăng cai tổ chức thi đấu giải cấp Toàn quốc có sử dụng kinh phí nhà nước - mã số hồ sơ: 032458

45.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

Hủy bỏ thủ tục quyết định Đăng cai tổ chức thi đấu giải cấp Toàn quốc có sử dụng kinh phí nhà nước.

Lý do:

Hủy bỏ vì đây chỉ là quy định nội bộ để hướng dẫn hồ sơ đề nghị ra quyết định tổ chức giải. Thủ tục này không được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật.

45.2. Kiến nghị thực thi (*nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung*)

Bãi bỏ thủ tục hành chính này trong Bộ Thủ tục hành chính của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch được ban hành tại Quyết định số 4193/QĐ-UBND ngày 05/9/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố.

46. Thủ tục quyết định Tổ chức thi đấu Quốc tế tại thành phố có sử dụng kinh phí nhà nước - mã số hồ sơ: 032474

46.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Hủy bỏ thủ quyết định Tổ chức thi đấu Quốc tế tại thành phố có sử dụng kinh phí nhà nước.

Lý do:

Hủy bỏ vì đây chỉ là quy định nội bộ để hướng dẫn hồ sơ đề nghị ra quyết định tổ chức giải. Thủ tục này không được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật.

46.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ thủ tục hành chính này trong Bộ Thủ tục hành chính của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch được ban hành tại Quyết định số 4193/QĐ-UBND ngày 05/9/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố.

47. Thủ tục quyết định Tổ chức thi đấu giải cấp thành phố không sử dụng kinh phí nhà nước - mã số hồ sơ: 036497

47.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Hủy bỏ thủ tục quyết định Tổ chức thi đấu giải cấp thành phố không sử dụng kinh phí nhà nước.

Lý do

Hủy bỏ vì đây chỉ là quy định nội bộ để hướng dẫn hồ sơ đề nghị ra quyết định tổ chức giải. Thủ tục này không được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật

47.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ thủ tục hành chính này trong Bộ Thủ tục hành chính của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch được ban hành tại Quyết định số 4193/QĐ-UBND ngày 05/9/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố.

48. Thủ tục quyết định Tổ chức thi đấu giải cấp quốc gia không sử dụng kinh phí nhà nước - mã số hồ sơ: 036502

48.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Hủy bỏ thủ tục quyết định Tổ chức thi đấu giải cấp quốc gia không sử dụng kinh phí nhà nước.

Lý do:

Hủy bỏ vì đây chỉ là quy định nội bộ để hướng dẫn hồ sơ đề nghị ra quyết định tổ chức giải. Thủ tục này không được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật.

48.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ thủ tục hành chính này trong Bộ Thủ tục hành chính của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch được ban hành tại Quyết định số 4193/QĐ-UBND ngày 05/9/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố.

49. Thủ tục quyết định Tổ chức thi đấu giải cấp Quốc tế không sử dụng kinh phí nhà nước - mã số hồ sơ: 036509

49.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Hủy bỏ thủ tục quyết định Tổ chức thi đấu giải cấp Quốc tế không sử dụng kinh phí nhà nước.

Lý do:

Hủy bỏ vì đây chỉ là quy định nội bộ để hướng dẫn hồ sơ đề nghị ra quyết định tổ chức giải. Thủ tục này không được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật.

49.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ thủ tục hành chính này trong Bộ Thủ tục hành chính của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch được ban hành tại Quyết định số 4193/QĐ-UBND ngày 05/9/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố.

50. Thủ tục quyết định Tổ chức Lễ hội, hội nghị thể thao mang tính quốc tế, giải cấp quốc gia có liên quan đến các tỉnh bạn không sử dụng kinh phí nhà nước - mã số hồ sơ: 036518

50.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Hủy bỏ thủ tục Quyết định Tổ chức Lễ hội, hội nghị thể thao mang tính quốc tế, giải cấp quốc gia có liên quan đến các tỉnh bạn không sử dụng kinh phí nhà nước.

Lý do:

Hủy bỏ vì đây chỉ là quy định nội bộ để hướng dẫn hồ sơ đề nghị ra quyết định tổ chức giải. Thủ tục này không được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật.

50.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ thủ tục hành chính này trong Bộ Thủ tục hành chính của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch được ban hành tại Quyết định số 4193/QĐ-UBND ngày 05/9/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố.

51. Thủ tục quyết định cử đi tập huấn chuẩn bị tham dự giải toàn quốc có sử dụng kinh phí nhà nước - mã số hồ sơ: 036522

51.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Hủy bỏ thủ tục Quyết định Cử đi tập huấn chuẩn bị tham dự giải toàn quốc có sử dụng kinh phí nhà nước.

Lý do:

Hủy bỏ vì đây chỉ là quy định nội bộ để hướng dẫn hồ sơ đề nghị ra quyết định tổ chức giải. Thủ tục này không được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật

51.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ thủ tục hành chính này trong Bộ Thủ tục hành chính của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch được ban hành tại Quyết định số 4193/QĐ-UBND ngày 05/9/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố.

52. Thủ tục quyết định cử đội đi thi đấu giải toàn quốc có sử dụng kinh phí nhà nước - mã số hồ sơ: 036527

52.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay

thể thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Hủy bỏ thủ tục quyết định cử đội đi thi đấu giải toàn quốc có sử dụng kinh phí nhà nước.

Lý do:

Hủy bỏ vì đây chỉ là quy định nội bộ để hướng dẫn hồ sơ đề nghị ra quyết định tổ chức giải. Thủ tục này không được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật.

52.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ thủ tục hành chính này trong Bộ Thủ tục hành chính của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch được ban hành tại Quyết định số 4193/QĐ-UBND ngày 05/9/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố.

53. Thủ tục quyết định cử đội đi thi đấu trong nước không sử dụng kinh phí nhà nước - mã số hồ sơ: 036529

53.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Hủy bỏ thủ tục Quyết định Cử đội đi thi đấu trong nước không sử dụng kinh phí nhà nước.

Lý do: Hủy bỏ vì đây chỉ là quy định nội bộ để hướng dẫn hồ sơ đề nghị ra quyết định tổ chức giải. Thủ tục này không được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật

53.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ thủ tục hành chính này trong Bộ Thủ tục hành chính của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch được ban hành tại Quyết định số 4193/QĐ-UBND ngày 05/9/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố.

54. Thủ tục quyết định cử đoàn Thể dục Thể thao đi tập huấn và thi đấu ngoài nước của Ủy ban nhân dân thành phố - mã số hồ sơ: 036530

54.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)*

Hủy bỏ thủ tục quyết định Cử đoàn thể dự thể thao đi tập huấn và thi đấu ngoài nước của Ủy ban nhân dân thành phố.

Lý do:

Hủy bỏ vì đây chỉ là quy định nội bộ để hướng dẫn hồ sơ đề nghị ra quyết định tổ chức giải. Thủ tục này không được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật.

54.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ thủ tục hành chính này trong Bộ Thủ tục hành chính của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch được ban hành tại Quyết định số 4193/QĐ-UBND ngày 05/9/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố.

55. Thủ tục Cử đoàn thể dự thể thao đi tập huấn và thi đấu ngoài nước theo quyết định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - mã số hồ sơ: 036532

55.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Hủy bỏ thủ tục Cử đoàn Thể dự Thể thao đi tập huấn và thi đấu ngoài nước theo quyết định của Bộ Văn hóa, thể thao và Du lịch.

Lý do:

Hủy bỏ vì đây chỉ là quy định nội bộ để hướng dẫn hồ sơ đề nghị ra quyết định tổ chức giải. Thủ tục này không được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật.

55.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ thủ tục hành chính này trong Bộ Thủ tục hành chính của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch được ban hành tại Quyết định số 4193/QĐ-UBND ngày 05/9/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố.

56. Thủ tục cấp phép nhập khẩu - mã số hồ sơ: 032206

56.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục cấp phép nhập khẩu.

Lý do:

Theo quy định tại Nghị định số 11/2009/NĐ-CP ngày 10/02/2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 111/2005/NĐ-CP ngày 26/8/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản thì thẩm quyền cấp phép nhập khẩu thuộc Sở Thông tin - Truyền thông.

56.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bãi bỏ thủ tục hành chính này trong Bộ Thủ tục hành chính của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch được ban hành tại Quyết định số 4193/QĐ-UBND ngày 05/9/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố.

- Đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố giao cho Sở Thông tin Truyền thông cấp phép cho đúng thẩm quyền theo quy định tại Nghị định số 11/2009/NĐ-CP ngày 10/02/2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 111/2005/NĐ-CP ngày 26/8/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản.

57. Thủ tục giấy xác nhận nội dung văn hóa phẩm nhập - mã số hồ sơ: 032207

57.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ thủ tục: cấp giấy xác nhận nội dung văn hóa phẩm nhập.

Lý do:

Theo quy định tại Nghị định số 11/2009/NĐ-CP ngày 10/02/2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 111/2005/NĐ-CP ngày 26/8/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản thì thẩm quyền: cấp giấy xác nhận nội dung văn hóa phẩm nhập thuộc Sở Thông tin - Truyền thông.

57.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Bãi bỏ thủ tục hành chính này trong Bộ Thủ tục hành chính của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch được ban hành tại Quyết định số 4193/QĐ-UBND ngày 05/9/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố.

Đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố giao cho Sở Thông tin Truyền thông cấp phép cho đúng thẩm quyền theo quy định tại Nghị định số 11/2009/NĐ-CP ngày

10/02/2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 111/2005/NĐ-CP ngày 26/8/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản.

58. Thủ tục cấp giấy xác nhận nội dung văn hóa phẩm xuất - mã số hồ sơ: 032248

58.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bỏ thủ tục cấp giấy xác nhận nội dung văn hóa phẩm xuất.

Lý do:

Một phần Văn hóa phẩm nhập khẩu không nhằm mục đích kinh doanh là Xuất bản phẩm, theo quy định tại Nghị định số 11/2009/NĐ-CP ngày 10/02/2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 111/2005/NĐ-CP ngày 26/8/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản thì thẩm quyền cấp giấy xác nhận nội dung văn hóa phẩm xuất thuộc Sở Thông tin - Truyền thông.

58.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Bãi bỏ thủ tục hành chính này trong Bộ Thủ tục hành chính của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch được ban hành tại Quyết định số 4193/QĐ-UBND ngày 05/9/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố.

- Đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố giao cho Sở Thông tin Truyền thông cấp phép cho đúng thẩm quyền theo quy định tại Nghị định số 11/2009/NĐ-CP ngày 10/02/2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 111/2005/NĐ-CP ngày 26/8/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản.

XV. CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

1. Thủ tục Kiểm dịch động vật tham gia hội chợ, triển lãm, biểu diễn nghệ thuật, thi đấu thể thao (động vật vận chuyển trong nước) – mã số hồ sơ: 122176

1.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi, bổ sung lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật vận chuyển trong nước như sau:

Lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật trong tỉnh tăng lên là: 5.000 đồng/lần, từ tỉnh này sang tỉnh khác: 25.000 đồng/lần.

Lý do:

Theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BNN ngày 08/3/2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (PTNT) quy định việc kiểm tra động vật phải liên tục từ gốc đến ngọn, do đó nhân viên thú y phải thực hiện việc giám sát, kiểm tra động vật trong suốt quá trình vận chuyển.

1.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Điều chỉnh điểm 2, mục I, Phần A Biểu mức thu phí, lệ phí trong công tác thú y ban hành kèm theo Quyết định số 08/2005/QĐ-BTC ngày 20/01/2005 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y.

2. Thủ tục Kiểm dịch sản phẩm động vật tham gia hội chợ, triển lãm, (sản phẩm động vật vận chuyển trong nước) - mã số hồ sơ: 122555

2.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi, bổ sung lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật vận chuyển trong nước như sau:

Lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật trong tỉnh tăng lên là: 5.000 đồng/lần, từ tỉnh này sang tỉnh khác: 25.000 đồng// lần.

Lý do:

Theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BNN ngày 08/3/2006 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định việc kiểm tra động vật phải liên tục từ gốc đến ngọn, do đó nhân viên thú y phải thực hiện việc giám sát, kiểm tra động vật trong suốt quá trình vận chuyển.

2.1. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Điều chỉnh điểm 2, mục I, Phần A Biểu mức thu phí, lệ phí trong công tác thú y Ban hành kèm theo Quyết định số 08/2005/QĐ-BTC ngày 20/01/2005 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y.

3. Thủ tục Kiểm dịch động vật vận chuyển ra ngoài tỉnh - mã số hồ sơ: 055575

3.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

Sửa đổi, bổ sung lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật vận chuyển trong nước như sau:

Lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật từ tỉnh này sang tỉnh khác tăng lên là: 25.000 đồng/lần

Lý do:

Theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BNN ngày 08/3/2006 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định việc kiểm tra động vật phải liên tục từ gốc đến ngọn, do đó nhân viên thú y phải thực hiện việc giám sát, kiểm tra động vật trong suốt quá trình vận chuyển.

3.2. Kiến nghị thực thi (*nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung*)

Điểm 2, mục I, Phần A Biểu mức thu phí, lệ phí trong công tác thú y ban hành kèm theo Quyết định số 08/2005/QĐ-BTC ngày 20/01/2005 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y.

4. Thủ tục Kiểm dịch sản phẩm động vật vận chuyển ra ngoài tỉnh - mã số hồ sơ: 055602

4.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

Sửa đổi, bổ sung lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật vận chuyển trong nước như sau:

Lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật từ tỉnh này sang tỉnh khác tăng lên là: 25.000 đồng/lần

Lý do:

Theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BNN ngày 08/3/2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc kiểm tra động vật phải liên tục từ gốc đến ngọn, do đó nhân viên thú y phải thực hiện việc giám sát, kiểm tra động vật trong suốt quá trình vận chuyển.

4.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Điểm 2, mục I, Phần A Biểu mức thu phí, lệ phí trong công tác thú y Ban hành kèm theo Quyết định số 08/2005/QĐ-BTC ngày 20/01/2005 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y.

5. Thủ tục Kiểm dịch động vật vận chuyển trong tỉnh - mã số hồ sơ: 055621

5.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi, bổ sung lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật vận chuyển trong nước như sau:

Lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật trong tỉnh tăng lên là: 5.000 đồng/lần

Lý do:

Theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BNN ngày 08/3/2006 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định việc kiểm tra động vật phải liên tục từ gốc đến ngọn, do đó nhân viên thú y phải thực hiện việc giám sát, kiểm tra động vật trong suốt quá trình vận chuyển.

5.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Điểm 2, mục I, Phần A Biểu mức thu phí, lệ phí trong công tác thú y Ban hành kèm theo Quyết định số 08/2005/QĐ-BTC ngày 20/01/2005 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y.

6. Thủ tục Kiểm dịch sản phẩm động vật vận chuyển trong tỉnh - mã số hồ sơ: 055643

6.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Sửa đổi, bổ sung lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật vận chuyển trong nước như sau:

Lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật trong tỉnh tăng lên là: 5.000 đồng/lần

Lý do:

Theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BNN ngày 08/3/2006 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định việc kiểm tra động vật phải liên tục từ gốc đến ngọn, do đó nhân viên thú y phải thực hiện việc giám sát, kiểm tra động vật trong suốt quá trình vận chuyển.

6.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Điểm 2, Mục I, phần A Biểu mức thu phí, lệ phí trong công tác thú y Ban hành kèm theo Quyết định số 08/2005/QĐ-BTC ngày 20/01/2005 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y.

7. Thủ tục Cấp giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y đối với cơ sở chăn nuôi tập trung, cơ sở sản xuất con giống; cơ sở giết mổ động vật, cơ sở sơ chế, bảo quản sản phẩm động vật; khu cách ly kiểm dịch, nơi tập trung động vật, sản phẩm động vật; cửa hàng kinh doanh động vật, sản phẩm động vật do địa phương quản lý - mã số hồ sơ: 122887

7.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

a) Điều chỉnh sửa đổi tên thủ tục hành chính thành: Cấp giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y đối với cơ sở chăn nuôi tập trung, cơ sở sản xuất con giống; cơ sở giết mổ động vật, cơ sở sơ chế, bảo quản sản phẩm động vật.

Lý do:

Theo khoản 3, điều 43 của Nghị định số 33/2005/NĐ-Cp ngày 15/3/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh thú y thì cơ quan thú y cấp tỉnh chưa được phân công cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn vệ sinh thú y đối với các khu cách ly kiểm dịch, nơi tập trung động vật, sản phẩm động vật, cửa hàng kinh doanh động vật, sản phẩm động vật do địa phương quản lý vì thế kiến nghị đổi tên thủ tục hành chính này.

b) Điều chỉnh nội dung tại Điểm 1, Phần B, Mục 2, Phụ lục III danh mục hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện ban hành kèm theo Nghị định số 59/2006/NĐ-CP ngày 12/6/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện là: “Cấp giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y đối với cơ sở chăn nuôi tập trung, cơ sở sản xuất con giống; cơ sở giết mổ động vật, cơ sở sơ chế, bảo quản sản phẩm động vật”.

Lý do:

Hiện nay, định kỳ 1 lần/năm, cơ quan thú y tổ chức kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y đối với cơ sở giết mổ động vật, cơ sở sơ chế, bảo quản sản phẩm động vật nhằm thay thế thủ tục hành chính nêu trên.

Mặc dù Chi cục Thú y chưa triển khai quy trình cấp giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y đối với cơ sở giết mổ động vật nhưng khả năng quy trình này sẽ cần thiết phục vụ công tác quản lý trong thời gian tới nên cần thực hiện thủ tục hành chính này.

7.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

- Điều chỉnh nội dung tại điểm 1, Phần B, mục 2, Phụ lục III danh mục hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện ban hành kèm theo Nghị định số 59/2006/NĐ-CP ngày 12/6/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện.

- Điều chỉnh sửa đổi tên thủ tục hành chính thành: Cấp giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y đối với cơ sở chăn nuôi tập trung, cơ sở sản xuất con giống; cơ sở giết mổ động vật, cơ sở sơ chế, bảo quản sản phẩm động vật.

- Thực hiện theo đúng Nghị định số 33/2005/NĐ-CP ngày 15/3/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của pháp lệnh thú y.

8. Thủ tục Cấp giấy chứng chỉ hành nghề buôn bán thuốc bảo vệ thực vật - mã số hồ sơ: 057617

8.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ việc xác nhận của chính quyền địa phương nơi đăng ký địa điểm bán thuốc trên mẫu Đơn đề nghị cấp và gia hạn Chứng chỉ hành nghề buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.

Lý do:

Không cần thiết vì Chứng chỉ hành nghề là một trong các điều kiện để cá nhân đăng ký kinh doanh. Cá nhân được cấp Chứng chỉ hành nghề có thể kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật ở bất cứ địa điểm nào trong phạm vi thành phố nếu đã thực hiện đầy đủ thủ tục đăng ký và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép kinh doanh.

8.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Đề nghị bãi bỏ việc xác nhận của chính quyền địa phương nơi đăng ký địa điểm bán thuốc trên mẫu Đơn đề nghị cấp và gia hạn Chứng chỉ hành nghề buôn bán thuốc bảo vệ thực vật trong Quyết định số 97/2008/QĐ-BNN ngày 06/10/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy định về việc cấp chứng chỉ hành nghề sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói, buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.

9. Thủ tục Gia hạn chứng chỉ hành nghề buôn bán thuốc bảo vệ thực vật - mã số hồ sơ: 057639

9.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục)

Bãi bỏ việc xác nhận của chính quyền địa phương nơi đăng ký địa điểm bán thuốc trên mẫu Đơn đề nghị cấp và gia hạn Chứng chỉ hành nghề buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.

Lý do:

Không cần thiết vì Chứng chỉ hành nghề là một trong các điều kiện để cá nhân đăng ký kinh doanh. Cá nhân được cấp Chứng chỉ hành nghề có thể kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật ở bất cứ địa điểm nào trong phạm vi thành phố nếu đã thực hiện đầy đủ thủ tục đăng ký và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép kinh doanh.

9.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Đề nghị bãi bỏ việc xác nhận của chính quyền địa phương nơi đăng ký địa điểm bán thuốc trên mẫu Đơn đề nghị cấp và gia hạn Chứng chỉ hành nghề buôn bán thuốc bảo vệ thực vật trong Quyết định số 97/2008/QĐ-BNN ngày 06/10/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy định về việc cấp chứng chỉ hành nghề sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói, buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.

10. Thủ tục Cấp giấy chứng chỉ hành nghề sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật - mã số hồ sơ: 057432

10.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ việc xác nhận của chính quyền địa phương nơi đăng ký địa điểm bán

thuốc trên mẫu Đơn đề nghị cấp và gia hạn Chứng chỉ hành nghề buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.

Lý do:

Không cần thiết vì Chứng chỉ hành nghề là một trong các điều kiện để cá nhân đăng ký kinh doanh. Cá nhân được cấp Chứng chỉ hành nghề có thể kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật ở bất cứ địa điểm nào trong phạm vi thành phố nếu đã thực hiện đầy đủ thủ tục đăng ký và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép kinh doanh.

10.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Đề nghị bãi bỏ việc xác nhận của chính quyền địa phương nơi đăng ký địa điểm bán thuốc trên mẫu Đơn đề nghị cấp và gia hạn Chứng chỉ hành nghề buôn bán thuốc bảo vệ thực vật trong Quyết định số 97/2008/QĐ-BNN ngày 06/10/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy định về việc cấp chứng chỉ hành nghề sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói, buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.

11. Thủ tục Gia hạn chứng chỉ hành nghề sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật - mã số hồ sơ: 057507

11.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ việc xác nhận của chính quyền địa phương nơi đăng ký địa điểm bán thuốc trên mẫu Đơn đề nghị cấp và gia hạn Chứng chỉ hành nghề buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.

Lý do:

Không cần thiết vì Chứng chỉ hành nghề là một trong các điều kiện để cá nhân đăng ký kinh doanh. Cá nhân được cấp Chứng chỉ hành nghề có thể kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật ở bất cứ địa điểm nào trong phạm vi thành phố nếu đã thực hiện đầy đủ thủ tục đăng ký và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép kinh doanh.

11.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Đề nghị bãi bỏ việc xác nhận của chính quyền địa phương nơi đăng ký địa điểm bán thuốc trên mẫu Đơn đề nghị cấp và gia hạn Chứng chỉ hành nghề buôn bán thuốc bảo vệ thực vật trong Quyết định số 97/2008/QĐ-BNN ngày 06/10/2008 của Bộ

Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy định về việc cấp chứng chỉ hành nghề sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói, buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.

12. Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sơ chế rau, quả an toàn - mã số hồ sơ: 058191

12.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ mẫu đơn “Sơ đồ vị trí vùng sản xuất rau” khỏi thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính này.

Lý do:

Mẫu đơn này được quy định tại 2 công văn:

- Công văn số 147/SNN-NN ngày 01/02/2008 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hồ Chí Minh về “Hướng dẫn trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất rau an toàn”.

- Công văn số 320/SNN-NN ngày 30/3/2009 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hồ Chí Minh về việc cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất rau an toàn.

Nhằm giúp cho Tổ thẩm định tìm tới địa điểm sản xuất được dễ dàng nhưng chưa được quy định cụ thể trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan thẩm quyền. Nhưng hiện nay, xét thấy trường hợp không có sơ đồ thì cơ quan kiểm tra, thẩm định có trách nhiệm xác định địa điểm sản xuất để tiến hành kiểm tra thẩm định. Do vậy, kiến nghị loại bỏ mẫu đơn này trong thành phần hồ sơ.

12.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Sở Nông nghiệp và PTNT thực hiện bãi bỏ mẫu đơn “Sơ đồ vị trí vùng sản xuất rau” khỏi thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính này.

13. Thủ tục Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sơ chế rau, quả an toàn - mã số hồ sơ: 122739

13.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bãi bỏ mẫu đơn “Sơ đồ vị trí vùng sản xuất rau” khỏi thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính này.

Lý do:

Mẫu đơn này được quy định tại 2 công văn:

- Công văn số 147/SNN-NN ngày 01/02/2008 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hồ Chí Minh về “Hướng dẫn trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất rau an toàn”.

- Công văn số 320/SNN-NN ngày 30/3/2009 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hồ Chí Minh về việc cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất rau an toàn.

Nhằm giúp cho tổ thẩm định tìm tới địa điểm sản xuất được dễ dàng nhưng chưa được quy định cụ thể trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan thẩm quyền. Nhưng hiện nay, xét thấy trường hợp không có sơ đồ thì cơ quan kiểm tra, thẩm định có trách nhiệm xác định địa điểm sản xuất để tiến hành kiểm tra thẩm định. Do vậy, kiến nghị loại bỏ mẫu đơn này trong thành phần hồ sơ.

13.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Sở Nông nghiệp và PTNT thực hiện bãi bỏ mẫu đơn “Sơ đồ vị trí vùng sản xuất rau” khỏi thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính này.

14. Thủ tục Miễn giảm thủ tục đánh giá Tổ chức chứng nhận sản phẩm cây trồng an toàn, giống cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm (Áp dụng đối với Tổ chức đăng ký hoạt động trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) - mã số hồ sơ: 123319

14.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bổ sung thời gian giải quyết từ phía các cơ quan quản lý: Kiến nghị thời gian giải quyết thủ tục là: 05 ngày.

Lý do:

Chưa có quy định về thời gian giải quyết từ phía các cơ quan quản lý đối với thủ tục này.

Nếu không đưa ra quy định về thời gian giải quyết từ phía các cơ quan quản lý sẽ tạo điều kiện cho công chức thực thi kéo dài thời gian ảnh hưởng đến thủ tục chỉ định tổ chức chứng nhận sản phẩm cây trồng an toàn, giống cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm.

14.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Kiến nghị cần bổ sung thời gian giải quyết thủ tục vào khoản 2 - Điều 13 - Chương IV của Quy định về chỉ định và quản lý hoạt động người lấy mẫu, người kiểm định, phòng kiểm nghiệm, tổ chức chứng nhận chất lượng giống, sản phẩm cây trồng và phân bón ban hành kèm theo Quyết định số 106/2008/QĐ-BNN ngày 29 tháng 10 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

15. Thủ tục Cấp giấy phép khai thác tận thu, tận dụng gỗ và lâm sản khác trên diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng - mã số hồ sơ: 057605

15.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Nhập thủ tục cấp phép khai thác và phê duyệt hồ sơ thiết kế đồng thời đổi tên thủ tục hành chính này theo khoản 2 Điều 37 Quyết định số 40/2005/QĐ-BNN ngày 07/7/2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: “Phê duyệt hồ sơ thiết kế và cấp phép khai thác tận dụng gỗ trong rừng phòng hộ khi chuyển mục đích sử dụng rừng của các tổ chức”.

Lý do:

Nhằm thực hiện đồng bộ và đơn giản hóa thủ tục hành chính.

Do đặc thù của thành phố thủ tục hành chính về cấp phép khai thác tận thu, tận dụng gỗ và lâm sản khác trên diện tích rừng chuyển đổi mục đích sử dụng là thủ tục thực hiện đồng thời sau khi có hồ sơ thiết kế đều thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nên đề nghị nhập lại và đổi tên thủ tục hành chính này.

15.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Đề nghị thủ tục hành chính này được đổi tên cho phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 37 Quyết định số 40/2005/QĐ-BNN ngày 07/7/2005 của Bộ Nông

ng nghiệp và Phát triển nông thôn là: “Phê duyệt hồ sơ thiết kế và cấp phép khai thác tận dụng gỗ trong rừng phòng hộ khi chuyển mục đích sử dụng rừng của các tổ chức”.

16. Thủ tục Thẩm định và phê duyệt thiết kế khai thác gỗ và lâm sản từ rừng tự nhiên và rừng trồng bằng vốn ngân sách - mã số hồ sơ: 057662

16.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Nhập thủ tục phê duyệt hồ sơ thiết kế và cấp phép khai thác đồng thời đổi tên thủ tục hành chính này theo khoản 4 Điều 36 Quyết định số 40/2005/QĐ-BNN ngày 07/7/2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là: “Phê duyệt hồ sơ thiết kế và cấp phép khai thác gỗ rừng trồng phòng hộ do Nhà nước đầu tư của các tổ chức thuộc tỉnh”.

Lý do:

Nhằm thực hiện đồng bộ và đơn giản hóa thủ tục hành chính.

Do đặc thù của thành phố thủ tục hành chính về thẩm định và phê duyệt thiết kế khai thác gỗ và lâm sản từ rừng tự nhiên và rừng trồng bằng vốn ngân sách là thủ tục thực hiện đồng bộ với cấp phép khai thác đều thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nên đề nghị nhập lại và đổi tên thủ tục hành chính này.

16.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Đề nghị thủ tục hành chính này được đổi tên cho phù hợp theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Quyết định 40/2005/QĐ-BNN ngày 07/7/2005 là: "Phê duyệt hồ sơ thiết kế và cấp phép khai thác gỗ rừng trồng phòng hộ do Nhà nước đầu tư của các tổ chức thuộc tỉnh”.

17. Thủ tục Cấp phép khai thác gỗ rừng sản xuất là rừng trồng, vườn rừng, rừng tự nhiên khoanh nuôi tái sinh của các chủ rừng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao để quản lý, bảo vệ và sử dụng vào mục đích lâm nghiệp - mã số hồ sơ: 057557

17.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Nhập thủ tục cấp phép khai thác và phê duyệt hồ sơ thiết kế đồng thời đổi tên TTHC này theo khoản 3 Điều 27 Quyết định số 40/2005/QĐ-BNN ngày 07/7/2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là: “Phê duyệt hồ sơ thiết kế và cấp phép khai thác gỗ rừng sản xuất trồng tập trung bằng vốn ngân sách, viện trợ không hoàn lại của các tổ chức thuộc tỉnh”.

Lý do:

Nhằm thực hiện đồng bộ và đơn giản hóa thủ tục hành chính.

Do đặc thù của thành phố thủ tục hành chính về thẩm định và phê duyệt thiết kế là thủ tục thực hiện đồng thời với cấp phép khai thác đều thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nên đề nghị nhập lại và đổi tên thủ tục hành chính này.

17.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Đề nghị thủ tục hành chính này được đổi tên cho phù hợp theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 27 Quyết định 40/2005/QĐ-BNN ngày 07/7/2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là: “Phê duyệt hồ sơ thiết kế và cấp phép khai thác gỗ rừng sản xuất trồng tập trung bằng vốn ngân sách, viện trợ không hoàn lại của các tổ chức thuộc tỉnh”.

18. Thủ tục Công nhận giống cây trồng lâm nghiệp mới tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Đối với giống mới đăng ký công nhận áp dụng chỉ trên địa bàn của một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) - mã số hồ sơ: 124010

18.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Đề nghị bãi bỏ biên bản họp Hội đồng khoa học công nghệ công nhận tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới theo quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 6 của Quy chế công nhận tiến bộ kỹ thuật và công nghệ mới của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn ban hành theo Quyết định số 86/2008/QĐ-BNN ngày 11/8/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Lý do:

Văn bản này là biên bản họp xét của Hội đồng khoa học công nghệ thuộc cơ quan nhà nước. Tổ chức, cá nhân không thể có văn bản này để nộp vào thành phần hồ

sơ. Vì vậy, đề nghị bãi bỏ biểu mẫu này ra khỏi hồ sơ đề nghị Công nhận giống cây trồng lâm nghiệp mới tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

18.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Điều chỉnh điểm d, khoản 1, Điều 6 của Quy chế công nhận tiến bộ kỹ thuật và công nghệ mới của ngành NN và PTNT ban hành theo Quyết định số 86/2008/QĐ-BNN ngày 11/8/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Đề nghị bãi bỏ “Biên bản họp Hội đồng khoa học công nghệ công nhận tiến bộ kỹ thuật” trong thành phần hồ sơ do tổ chức, cá nhân lập khi nộp hồ sơ đề nghị công nhận giống cây trồng lâm nghiệp mới tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

19. Thủ tục Cấp đổi, cấp lại giấy phép khai thác thủy sản - mã số hồ sơ: 056401

19.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Thời gian giải quyết thủ tục hành chính: Từ 15 ngày giảm xuống còn 05 ngày.

Lý do:

Rút ngắn thời gian giải quyết TTHC nhưng vẫn đảm bảo cơ quan nhà nước thực hiện nhiệm vụ đúng quy định và đáp ứng kịp thời cho sản xuất.

19.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Điều chỉnh khoản 3, Điều 6, Chương II Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005 của Chính phủ về điều kiện sản xuất, kinh doanh một số ngành nghề thủy sản.

20. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá đối với tàu cá cải hoán - mã số hồ sơ: 056537

20.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Thời gian giải quyết thủ tục hành chính: Từ 07 ngày giảm xuống còn 05 ngày.

Lý do:

Rút ngắn thời gian giải quyết TTHC nhưng vẫn đảm bảo cơ quan nhà nước thực hiện nhiệm vụ đúng quy định và đáp ứng kịp thời cho sản xuất.

20.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Điều chỉnh Điều 9, Chương II Quy chế Đăng ký tàu cá và thuyền viên ban hành kèm theo Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản.

21. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá đối với tàu cá chuyển nhượng quyền sở hữu - mã số hồ sơ: 056642

21.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Thời gian giải quyết thủ tục hành chính: Từ 07 ngày giảm xuống còn 05 ngày.

Lý do:

Rút ngắn thời gian giải quyết TTHC nhưng vẫn đảm bảo cơ quan nhà nước thực hiện nhiệm vụ đúng quy định và đáp ứng kịp thời cho sản xuất.

21.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Điều chỉnh Điều 9, Chương II Quy chế Đăng ký tàu cá và thuyền viên ban hành kèm theo Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản.

22. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá đối với tàu cá đóng mới - mã số hồ sơ: 056970

22.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Thời gian giải quyết thủ tục hành chính: Từ 07 ngày giảm xuống còn 05 ngày.

Lý do:

Rút ngắn thời gian giải quyết TTHC nhưng vẫn đảm bảo cơ quan nhà nước thực hiện nhiệm vụ đúng quy định và đáp ứng kịp thời cho sản xuất.

22.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Điều chỉnh Điều 9, Chương II Quy chế Đăng ký tàu cá và thuyền viên ban hành kèm theo Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản.

23. Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá đối với tàu cá nhập khẩu - mã số hồ sơ: 057096

23.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Thời gian giải quyết thủ tục hành chính: Từ 07 ngày giảm xuống còn 05 ngày.

Lý do:

Rút ngắn thời gian giải quyết TTHC nhưng vẫn đảm bảo cơ quan nhà nước thực hiện nhiệm vụ đúng quy định và đáp ứng kịp thời cho sản xuất.

23.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Điều chỉnh Điều 9, Chương II Quy chế Đăng ký tàu cá và thuyền viên ban hành kèm theo Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản.

24. Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá tạm thời - mã số hồ sơ: 057127

24.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Thời gian giải quyết thủ tục hành chính: Từ 07 ngày giảm xuống còn 05 ngày.

Lý do:

Rút ngắn thời gian giải quyết TTHC nhưng vẫn đảm bảo cơ quan nhà nước thực hiện nhiệm vụ đúng quy định và đáp ứng kịp thời cho sản xuất.

24.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Điều chỉnh Điều 9, Chương II Quy chế Đăng ký tàu cá và thuyền viên ban hành

kèm theo Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản.

25. Thủ tục Cấp giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu cá - mã số hồ sơ: 057146

25.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

Thời gian giải quyết thủ tục hành chính: Từ 07 ngày giảm xuống còn 05 ngày.

Lý do:

Rút ngắn thời gian giải quyết TTHC nhưng vẫn đảm bảo cơ quan nhà nước thực hiện nhiệm vụ đúng quy định và đáp ứng kịp thời cho sản xuất.

25.2. Kiến nghị thực thi (*nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung*)

Điều chỉnh Điều 9 Chương II Quy chế Đăng ký tàu cá và thuyền viên ban hành kèm theo Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản.

26. Thủ tục Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá - mã số hồ sơ: 057168

26.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

Thời gian giải quyết thủ tục hành chính: Từ 07 ngày giảm xuống còn 05 ngày.

Lý do:

Rút ngắn thời gian giải quyết TTHC nhưng vẫn đảm bảo cơ quan nhà nước thực hiện nhiệm vụ đúng quy định và đáp ứng kịp thời cho sản xuất.

26.2. Kiến nghị thực thi (*nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung*)

Điều chỉnh Điều 9, Chương II Quy chế Đăng ký tàu cá và thuyền viên ban hành kèm theo Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản.

27. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đăng ký bè cá - mã số hồ sơ: 057188

27.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

Thời gian giải quyết thủ tục hành chính: Từ 07 ngày giảm xuống còn 05 ngày.

Lý do:

Rút ngắn thời gian giải quyết TTHC nhưng vẫn đảm bảo cơ quan nhà nước thực hiện nhiệm vụ đúng quy định và đáp ứng kịp thời cho sản xuất.

27.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Điều chỉnh Điều 9, Chương II Quy chế Đăng ký tàu cá và thuyền viên ban hành kèm theo Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản.

28. Thủ tục Đăng ký thuyền viên và cấp sổ danh bạ thuyền viên tàu cá - mã số hồ sơ: 057196

28.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

Thời gian giải quyết thủ tục hành chính: Từ 07 ngày giảm xuống còn 05 ngày.

Lý do:

Rút ngắn thời gian giải quyết TTHC nhưng vẫn đảm bảo cơ quan nhà nước thực hiện nhiệm vụ đúng quy định và đáp ứng kịp thời cho sản xuất.

28.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Điều chỉnh Điều 9, Chương II Quy chế Đăng ký tàu cá và thuyền viên ban hành kèm theo Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản.

29. Thủ tục Cấp giấy chứng nhận cơ sở nuôi an toàn dịch bệnh động vật đối với bệnh Spring Viraemia of Carp (SVC), Koi Herpes Virus (KHV)– mã số hồ sơ: 056813

29.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

Sửa đổi, bổ sung: Cần có quy định cụ thể về nội dung, trình tự và thành phần hồ sơ để tổ chức, cá nhân thực hiện.

Lý do:

Điều 12 Chương II Nghị định số 33/2005/NĐ-CP ngày 15/3/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Thú y quy định xây dựng, quản lý vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật nhưng không quy định cụ thể về thủ tục hành chính này.

29.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Đề nghị Bộ có văn bản hướng dẫn cũng như quy định cụ thể về thủ tục hành chính này.

30. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đăng ký cho tàu cá < 20 CV - mã số hồ sơ: 056809

30.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

Thời gian giải quyết thủ tục hành chính: Từ 07 ngày giảm xuống còn 05 ngày.

Lý do:

Rút ngắn thời gian giải quyết TTHC nhưng vẫn đảm bảo cơ quan nhà nước thực hiện nhiệm vụ đúng quy định và đáp ứng kịp thời cho sản xuất.

30.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Điều chỉnh Điều 9, Chương II Quy chế Đăng ký tàu cá và thuyền viên ban hành kèm theo Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản.

31. Thủ tục Cấp giấy phép khai thác thủy sản - mã số hồ sơ: 056280

31.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính*)

Thời gian giải quyết thủ tục hành chính: Từ 15 ngày giảm xuống còn 05 ngày.

Lý do:

Rút ngắn thời gian giải quyết TTHC nhưng vẫn đảm bảo cơ quan nhà nước thực hiện nhiệm vụ đúng quy định và đáp ứng kịp thời cho sản xuất.

31.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Khoản 3, Điều 6, Chương II Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005 của Chính phủ về điều kiện sản xuất, kinh doanh một số ngành nghề thủy sản.

32. Thủ tục Cấp sổ danh bạ thuyền viên tàu cá cho tàu cá < 20 CV - mã số hồ sơ: 056811

32.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Thời gian giải quyết thủ tục hành chính: Từ 07 ngày giảm xuống còn 05 ngày.

Lý do:

Rút ngắn thời gian giải quyết TTHC nhưng vẫn đảm bảo cơ quan nhà nước thực hiện nhiệm vụ đúng quy định và đáp ứng kịp thời cho sản xuất.

32.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Điều 15, Chương III Quy chế Đăng ký tàu cá và thuyền viên ban hành kèm theo Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản.

33. Thủ tục Gia hạn giấy phép khai thác thủy sản cho tàu cá < 20 CV - mã số hồ sơ: 056808

33.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Thời gian giải quyết thủ tục hành chính: Từ 15 ngày giảm xuống còn 05 ngày.

Lý do:

Rút ngắn thời gian giải quyết TTHC nhưng vẫn đảm bảo cơ quan nhà nước thực hiện nhiệm vụ đúng quy định và đáp ứng kịp thời cho sản xuất.

33.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Khoản 3, Điều 6, Chương II Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005 của Chính phủ về điều kiện sản xuất, kinh doanh một số ngành, nghề thủy sản.

34. Thủ tục Cấp giấy phép khai thác thủy sản cho tàu cá < 20 CV - mã số hồ sơ: 056807

34.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Thời gian giải quyết thủ tục hành chính: Từ 15 ngày giảm xuống còn 05 ngày.

Lý do:

Rút ngắn thời gian giải quyết TTHC nhưng vẫn đảm bảo cơ quan nhà nước thực hiện nhiệm vụ đúng quy định và đáp ứng kịp thời cho sản xuất.

34.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Khoản 3, Điều 6, Chương II Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005 của Chính phủ về điều kiện sản xuất, kinh doanh một số ngành, nghề thủy sản.

35. Thủ tục Gia hạn giấy phép khai thác thủy sản - mã số hồ sơ: 056353

35.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Thời gian giải quyết thủ tục hành chính: Từ 15 ngày giảm xuống còn 05 ngày.

Lý do:

Rút ngắn thời gian giải quyết TTHC nhưng vẫn đảm bảo cơ quan nhà nước thực hiện nhiệm vụ đúng quy định và đáp ứng kịp thời cho sản xuất.

35.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Khoản 3, Điều 6, Chương II Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005 của Chính phủ về điều kiện sản xuất, kinh doanh một số ngành nghề thủy sản.

36. Thủ tục Cấp giấy chứng nhận xuất xứ nhuyễn thể hai mảnh vỏ - mã số hồ sơ: 055689

36.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai hay yêu cầu/điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính)

Bổ sung mẫu đơn chưa công bố: “Phiếu giám sát thu hoạch nhuyễn thể hai mảnh

vỏ” theo quy định tại Quyết định số 131/QĐ-BNN ngày 31/12/2008 của Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành Quy chế kiểm soát vệ sinh an toàn trong thu hoạch nhuyễn thể hai mảnh vỏ.

Lý do:

Mẫu đơn “Phiếu giám sát thu hoạch nhuyễn thể hai mảnh vỏ” đã được quy định tại Quyết định số 131/QĐ-BNN ngày 31/12/2008 của Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành Quy chế kiểm soát vệ sinh an toàn trong thu hoạch nhuyễn thể hai mảnh vỏ nhưng chưa thống kê vào thành phần hồ sơ công bố.

36.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ những văn bản cần phải hủy bỏ/bãi bỏ/thay thế; sửa đổi bổ sung)

Đề nghị bổ sung mẫu đơn do chưa công bố: “Phiếu giám sát thu hoạch nhuyễn thể hai mảnh vỏ” theo quy định tại Quyết định số 131/QĐ-BNN ngày 31/12/2008 của Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành Quy chế kiểm soát vệ sinh an toàn trong thu hoạch nhuyễn thể hai mảnh vỏ.

(Xem tiếp Công báo số 35 + 36)